

14 THÁNG 9 NĂM 1972

BACH KHOA

năm mười sáu

BÁCH KHOA vụ án « Đạo văn » (đàm thoại với L.M. Thanh Lăng) • TỬ MINH Nhật bản, một đại cường bất-dắc-di • ĐOÀN NHẬT TẤN tân-toán-học cho tuổi tiền-học - đường • NGUYỄN HIỂN LÊ nhà giáo họ Khổng : Cách mạng giáo dục • BÌNH NGUYỄN LỘC đề kết luận về việc sáng tác danh từ • VÕ PHIẾN rụp, rụp... • NGUYỄN THIẾU DŨNG một vụ án văn học : Đã sử hay Đại-nam Đồng-văn nhật báo ? • LÊ ĐỒNG YÊN một vài cảm nghĩ về loạt bài của Georges E. Gauthier viết về Phạm Duy • NGUYỄN MỘNG GIÁC vào đời • MƯỜNG MÁN chuyện mùa • LAN HUỆ EM em theo đoàn lưu dân • VÕ VĂN LÊ sương khói ngậm ngùi • HUỖNH KIM SƠN ta cũng nhớ

SINH HOẠT thời sự thế giới • thời sự khoa học • thời sự văn nghệ •

377

BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Sáng lập: HUỖNH VĂN LANG
HOÀNG MINH TUYNH

Chủ trương: LÊ NGỘ CHÂU

Tòa soạn: TÔN THẮT HÀM

Quản lý: NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

870đ.

1700đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung: thêm cước phí máy bay một năm: 200đ.

* Ngoại quốc đường thủy: thêm cước phí một năm: 400đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số:

Gửi đi Ai-lao	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 130đ
— Kampuchia	: 20đ.	— Pháp	: 160đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 40đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu)	: 175đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 90đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 210đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan Đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy màu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon.
Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Số 377 ngày 14 - 9 - 1972

BÁCH KHOA Vụ án « Đạo văn » (Đàm thoại với L M. Thanh Lăng)	05
TỪ MINH Nhật-bản, một đại cường bất-đắc-dĩ	13
ĐOÀN NHẬT TẤN tân-toán-học cho tuổi tiền-học-dường	18
NGUYỄN HIỂN LÊ nhà giáo họ Khổng : cách mạng giáo dục	23
BÌNH NGUYỄN LỘC đề kết luận về việc : Sáng tác danh từ	29
VÕ PHIẾN rụp, rụp...	35
NGUYỄN THIẾU DŨNG một vụ án văn học : Dã sử hay Đại-Nam Đồng-văn nhật-báo ?	39
LÊ ĐỒNG YÊN một vài cảm nghĩ về loạt bài của Georges E. Gauthier viết về Phạm Duy	45
NGUYỄN MỘNG GIÁC vào đời (truyện dài)	51
MƯỜNG MÁN chuyện mùa (truyện ngắn)	59
LAN HUỆ EM em theo đoàn lưu dân (thơ)	68
VÕ VĂN LÊ sương khói ngậm ngùi (thơ)	68
HUỲNH KIM SƠN ta cũng nhớ (thơ)	69

SINH HOẠT

TRĂNG THIÊN — THU THỦY thời sự văn nghệ.	74
TỪ MINH thời sự thế giới.	76

Chủ nhiệm : LÊ NGỘ CHÂU
Chủ bút :
Tòa soạn : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 80\$ Công sở : 160\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 8đ. mỗi số

Sách mới

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Thuật viết văn của Nguyễn văn Hân do Hương Sen xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 286 trang, in lần thứ 2, có tặng bìa, gồm 10 chương viết công phu, gọn gàng đầy đủ. Bản đặc biệt. Giá bán thường 340 đ

— Phê bình văn học, thế hệ 1932 của Thanh Lăng, do Phong trào Văn hóa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 420 trang, gồm những tài liệu súc tích và quý giá về Thế hệ 1932, về sinh hoạt phê bình văn học của thế hệ này, về 10 vụ án văn học, về mặt trận thơ mới thơ cũ v.v... Giá 600 đ.

— Những tật bệnh thông thường trong lứa tuổi học trò của Bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc, do La Ngà xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 270 trang trình bày rành mạch, sáng sủa những tật bệnh thông thường của trẻ em : Từ cận thị, viễn thị, chảy máu cam, nhức răng đến đái dầm, thủ

dâm, mau quên, biếng học v.v... rất cần thiết cho cả học trò lẫn các bậc làm cha mẹ. Bản đặc biệt.

— Đạo hiếu của Nghiêm Quân do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 32 trang nói về ý nghĩa hai lễ sống chết ; về sự thờ phượng, về hiếu và bất hiếu v.v...

— Tử vi thực hành của Dịch lý Huyền Cơ do nhà sách Khai Trí xuất bản và gửi tặng. Sách dày 280 trang hướng dẫn tất cả bí quyết an số và đoán số rành mạch ; Giá 350đ.

— Tử vi đầu số thực hành của Lương Quới Nhơn, do nhà sách Khai Trí xuất bản và gửi tặng : Sách dày 260 trang, đọc xong có thể lấy lá số tử vi cho mình và giải đoán vận mạng. Giá 280đ.

— Vượt đêm dài truyện thiếu nhi của Minh Quân do Minh Đăng xuất bản. Sách in lần thứ ba, rất được các em thiếu nhi ưa thích, bìa do họa sĩ Vi Vi vẽ, dày 156 trang. Giá 110đ.

— Cao như đỉnh thái truyện thiếu nhi của Kim Hải do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 107 trang thuộc loại Hoa xanh thích hợp với thiếu nhi. bìa do họa sĩ Vi Vi vẽ. Bản đặc biệt, giá 10đ.

Bạn đọc thân mến,

Nếu không có gì trở ngại thì Bách-Khoa số tới đây (1-10-1972) sẽ ra mắt bạn đọc dưới hình thức Đặc-san hay Giai-phẩm

Như vậy, ngoài bìa có thể sẽ không có ngày tháng và chữ số nữa (ngày tháng và số báo sẽ đưa vào trong), nhưng cách trình bày vẫn như cũ và chắc bạn đọc cũng vẫn dễ nhận ra tờ báo của quý bạn.

Nếu vì thế thức mới này mà báo có phải ra trễ một vài hôm cũng xin quý bạn thông cảm cho.

Tòa - soạn BÁCH - KHOA

Về vụ án « Đạo văn »

L.M. Thanh-Lãng kiện hai ông Nguyễn-Tấn-Long và ông Phan-Canh vì mong sẽ được bồi thường một số tiền lớn? L.M. Thanh-Lãng ý vào thể lực của mình để ăn hiếp những người cô thế, thấp kém? L.M. Thanh-Lãng lấy văn ở Miền Bắc? Cả hai bên nguyên, bị, đều chỉ lấy chung một tài liệu ở Miền Bắc nghĩa là cùng « đạo văn » cả, và huề đi là vừa?

L.T.S. L.M. Thanh-Lãng trong bộ « Lịch-sử phê-bình văn-học Việt-Nam » thể-hệ 1932 - 1945 có nói đến 11 vụ án văn-học. Ông không ngờ bây giờ chính ông lại đương tham dự vào vụ án văn-học thứ... 12. Có điều 11 vụ trước đây chỉ là vụ bút chiến mà tòa án là công luận, còn vụ đương xảy ra là vụ « đạo văn » có đem nhau ra tòa án thực, có ông Chánh án, ông Biện-lý, có bên nguyên (Ông Thanh-Lãng), bên bị (Ô. Ô. Nguyễn-Tấn-Long và Phan-Canh) và Tòa sẽ tuyên án vào ngày 15-9 sắp tới này. Hai ông Nguyễn-Tấn-Long và Phan-Canh là tác-giả cuốn « Khuynh-hướng Thi ca tiền chiến »: (Biển cổ văn-học — Thể-hệ 1932 - 1945), dày 580 trang, do Nhà Sống Mới xuất bản vào tháng 10-1969. Hai ông đã bị L.M. Thanh-Lãng kiện ra Tòa vì cho rằng viết cuốn sách trên đây, các ông đã lấy trong phần đầu bộ « Lịch-sử phê-bình văn học Việt-Nam » của L.M. Thanh-Lãng tới ba bốn trăm trang.

Vụ án được tung lên mặt báo đột ngột làm xôn xao dư luận, nhất là trong giới cầm bút. Do đó mà đã có những phỏng đoán như đã nêu lên ở đầu bài này. Nhân có cuộc gặp gỡ với L.M. Thanh-Lãng sau buổi họp khóa hội thảo về Sách, do Ủy-hội UNESCO Việt-Nam tổ chức, chúng tôi đã có dịp đàm thoại với ông và ghi lại sau đây cuộc phỏng vấn này để bạn đọc hiểu rõ hơn về nội vụ.

Cũng xin ghi thêm: L.M. Thanh-Lãng tên thực là Đinh-Xuân-Nguyên, sinh ngày 23-12-1924 (49 tuổi ta, đương là năm hạn?) tại Nga-Sơn, Thanh-Hóa, đã đậu Tiến-sĩ Văn-chương tại Đại-học Fribourg, Thụy-sĩ, năm 1956. Hiện ông là Giáo-sư Đại-học Văn-khoa Saigon, Chủ-tịch Trung-tâm Văn-bút V.N., Trưởng ban Nhân văn tại Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục và Chủ-nhiệm nguyệt san Nghiên-cứu Văn-học.

Những tác phẩm của ông đã xuất bản là : Văn-chương chữ Nôm (1953); Văn-chương bình-dân (1954); Biều nhất lãm Văn-học cận-đại V.N. (1957); Apport Français dans la Littérature Vietnam'enne (1962); Bản lược-đồ Văn-học V.N. (1967); Nghiên-cứu giới-thiệu « Sách sớ sang chép các việc » (1968); Văn-học Việt-Nam (1969: 2 tập); Phê-bình Văn-học Thế-hệ 1932 (1972: 2 tập).

Ông Nguyễn-Tấn-Long, (một trong hai người bị kiện) là Giám-đốc Nhà phát hành Sống Mới. Ông cũng là tác giả bộ Việt-Nam Thi-nhân tiền chiến (1967 - 1968) gồm 3 cuốn. Cũng nên ghi lại: ngồi ghế Biện-lý trong vụ án này cũng là một cây bút quen thuộc: nhà văn kiêm nhà thơ Huy Trâm, đã có những sáng tác đăng trên Bách-Khoa hồi 1959, lúc ông còn là sinh viên.

BÁCH KHOA: Xin Linh mục cho biết tại sao ông lại khám phá ra vụ « Đạo văn » mà hiện ông đang kiện tại Tòa ?

THANH LĂNG: Không phải tôi khám phá ra vụ đạo văn mà là sinh viên chứng chỉ Văn-chương quốc-âm tìm ra và báo cho tôi biết vào đầu năm 1970. Là Giáo sư đảm nhận Giảng Khoa Lịch-sử Văn-học Hiện-đại, tôi đã khởi thảo từ năm 1964 và hoàn thành vào mùa hè năm 1966 bộ « Lịch sử phê bình Văn-học Việt-Nam » thuộc thế hệ 1932-1945, gồm 17 tập, dày 5442 trang, nhưng mới chỉ in ronéo chứ chưa in typo. Các ông Nguyễn Tấn Long và Phan Canh đã lấy hẳn của tôi trên 432 trang. Tức là các ông đã lấy :

Chương I: Đặc tính chung Văn-học Thế-hệ 1932 :

— Theo bản Ronéo của tôi thì là từ trang 1-51

— Theo bản in của hai ông, thì từ trang 1-40

Chương II: Vụ án « Thơ mới,

Thơ cũ »

— Theo bản in Ronéo của tôi, từ trang 106-354

— Theo bản in của hai ông, từ trang 41-309

Chương III: Vụ án « Vị nghệ-thuật, vị nhân-sinh » :

— Theo bản Ronéo của tôi, từ trang 435-567

— Theo bản in của hai ông, từ trang 309-382

BÁCH KHOA: Tại sao ông lại phải kiện ra Tòa một vụ mà người ta tưởng có thể dàn xếp riêng với nhau được ? Có dư-luận cho rằng vì ông muốn đòi một số tiền bồi thường lớn mà ông đã phải kiện hai ông Nguyễn Tấn Long và Phan Canh. Sự thật ra sao ?

THANH LĂNG: Anh em trong Văn-Bút ai cũng biết tính tôi rồi: tôi có bao giờ muốn gây gổ với ai đâu. Lâu lâu có những bài báo chữ bới, nói xiên xẹo, tôi có bao giờ kiện tụng gì đâu. Riêng trong vụ này thì

cực chẳng đã mới phải kiện. Năm 1970 khi tôi biết việc đạo văn này, hai ông đã năn nỉ xin tôi bỏ qua. Gần đây, tôi thấy hai ông lại cho tái bản sách « *Khuyñh hướng Thi ca tiền chiến* », và rao quảng cáo sẽ in thêm 9 vụ án văn học nữa. Phần đầu bộ « *Lịch sử Văn học, Thế hệ 1932* » của tôi trình bày tất cả 11 vụ án văn học, tức 11 vụ bút chiến. Bị can đã lấy của tôi 2 vụ, nay lại loan báo sẽ in thêm 9 vụ nữa. Đó là lý do thứ nhất khiến tôi phải kiện. Cái lý do thứ hai bắt tôi phải kiện vì tôi quyết định cho in typo bộ « *Lịch sử văn học* » này. Cuốn *Phê bình Văn học*, tôi tặng anh đây (tập 1 trong 17 tập) vừa in xong cũng chính là cuốn sách mà hai ông Nguyễn Tấn Long và Phan Canh đã lấy mấy trăm trang để in thành cuốn « *Khuyñh hướng Thi ca tiền chiến* » của các ông ấy. Tôi phải kiện đề tòa xác nhận cho tôi là tác giả bộ *Phê bình* này bởi vì nếu tôi không kiện thì các bị can có thể kiện ngược lại mà vu cho tôi đạo văn của bị can vì sách của bị can in năm 1969, mà sách tôi thì nay mới in xong. Khi tôi trao bản thảo cho nhà in, cũng là lúc mà buộc lòng tôi phải làm đơn xin truy tố hai ông.

Mục đích tôi kiện không phải để đòi bồi thường gì hết. Theo pháp lý luật sư đòi gì, thực ra, tôi không biết. Hôm xử án lần thứ nhất chẳng những tôi không ra tòa, mà thực ra luật sư cũng chẳng thông báo gì cho tôi biết là có xử vụ án của tôi. Mục đích tôi kiện chỉ để tòa xác nhận tôi là tác giả bộ sách của

tôi, còn hai ông đã chép lại sách của tôi làm tác phẩm của mình. Nếu như Tòa có bắt các bị can phải bồi thường, tôi cũng không lấy gì, chỉ yêu cầu cho thanh toán các án phí, còn dư bao nhiêu xin dâng cho các tổ chức văn-hóa, như Đại-học Văn-khoa Saigon. Điều này, tôi đã trình Tòa khi tôi ra Tòa hôm rồi. Có dư luận bảo tôi cần tiền nên đi kiện mục đích để đòi bồi thường 2 triệu là hoàn toàn sai sự thực.

— *Linh mục nghĩ gì về những dư luận cho rằng ông là người có thể lực mà lại đi kiện những người cơ thể, yếu kém về tài chánh v.v... là ăn hiếp những người kém mình.*

— Tôi nghĩ chỉ có những ai làm cần làm bậy, dùng vũ lực, bạo tàn mà chèn ép, chà đạp người khác, thì mới xấu, chứ tôi có ăn hiếp ai đâu. Ngược lại, tôi là người bị ăn hiếp, bị mất trộm. Không dám tự tay đánh kẻ trộm, tôi phải chạy đến xin Công lý can thiệp, giải quyết hộ cho tôi.

Dư luận cho tôi là một người có thể lực, nhưng thực ra cái « thể lực tinh thần » của tôi chẳng có nghĩa gì khi bị đung vào các thể-lực con buôn văn-hóa đã từng thao túng trong việc lấy các tài liệu giác-khoa của các Đại-học để khai thác trục lợi, nhất là in các tác phẩm của những nhà văn còn đang sống, nhưng không có mặt ở đây, mạo nhận là tài liệu học-tập của Đại học Văn-khoa Saigon, để bán cho được nhiều tiền.

Người ta bảo tôi kiện làm chi những người cơ thể, yếu kém mà tội

ngiệp. Thực ra chính những nhà văn nhà giáo như chúng ta mới là những người cô thế, bất lực trước sự thao túng của tập-đoàn văn-hóa con buôn. Theo tài liệu thuyết-trình của Bộ Thông-Tin trong khóa Hội-thảo 1972 về Phát-triển Sách do Ủy-hội Quốc-gia Unesco Việt-Nam, nơi trang 11, tôi đã được đọc những dòng sau đây: « Trước hết là loại (các nhà xuất bản) chính, bao gồm các nhà xuất bản kỹ cưu, có cơ sở thương mại, có sẵn thị trường, nhiều vốn liếng, nghĩa là có những điều kiện đầy đủ và thuận lợi trong việc phát hành sách do họ xuất bản. Con số này khoảng độ 20 nhà, trong đó đáng kể nhất là nhà xuất-bản Sống Mới (hiện có một hệ thống phát hành quy mô trên toàn quốc) và nhà xuất bản Khai Trí. (Trích tài liệu của Bộ Thông Tin). Lại trong danh sách các hội-thảo-viên được phân phát trong hội-trường, nơi trang 2, trong mục nói về Nhà Phát hành, thì tài liệu này cũng có ghi Ông Nguyễn Tấn Long, là Giám đốc nhà xuất bản Sống Mới. Như vậy, thì tôi kiện ông Nguyễn Tấn Long có phải đâu là kiện một người nghèo nàn, cô thế, vô danh, mà chính là kiện một ông Giám đốc nhà sách và phát hành lớn nhất nước. Vậy dư luận phải thấy ái ngại hộ cho tôi chứ sao lại ái ngại cho người bị kiện. Chính trong buổi Hội-thảo về « Người cầm bút trong 18 năm qua » vừa rồi cũng có nhiều bạn — trong đó có cả các ông Toan Ánh, Khai Trí — khuyên tôi nên thôi đi vì « kiện họ không nổi đâu » và còn

nguy hiểm cho tôi là khác nữa!

— Theo tin của báo chí thì tại phiên tòa, hình như Linh-mục cũng bị tố là lấy văn của Miền Bắc, hoặc cả hai bên đều vay mượn tài liệu của các nhà văn Miền Bắc. Vậy sự thật ra sao?

— Đó là nghệ thuật gieo hỏa mù vào dư luận rất khéo léo. Bên bị có trình Tòa một Bộ Lịch sử văn học, in ronéo, nói là sách của Miền Bắc và đưa ra luận điệu rằng: Tôi lấy tài liệu của sách Miền Bắc, bên bị cũng lấy tài liệu ở đó nên sách của 2 bên giống nhau. Do đó xin Tòa tuyên bố vô thâm quyền.

Tôi đã ngạc nhiên về rất nhiều điểm trong phiên tòa này: Tôi kiện hai ông Nguyễn Tấn Long và Phan Canh lấy của tôi hơn 400 trang in ronéo để in làm sách của hai ông. Đáng lẽ Tòa phải đối chiếu bản văn của tôi và sách của hai ông xem việc này có đích thực như vậy không, thì Luật-sư bên bị và ông Biện-lý lại cứ đòi đối chiếu sách của tôi với cuốn sách của Miền Bắc để tìm xem có đoạn nào tôi lấy ở cuốn sách này không! Và không hiểu sao mà bên bị có thể làm ông Biện-lý tưởng được rằng họ cô thế, nghèo khổ, phải đi xe đạp để bỏ báo và chính ông đã mũi lòng nêu lên như vậy mà quên hẳn người bị kiện là một ông Giám đốc Nhà phát hành lớn nhất nước

Thực ra Bộ Lịch sử Văn học in ronéo mà bên bị trình ở tòa chỉ là

(xem tiếp trang 71)

Nhật - bản

một đại-cường miện-cường

Hai mươi bảy năm, sau khi bị ngã gục trên chiến trường, Nhật-bản đang bắt đầu xuất hiện lại trên chính-trường quốc-tế như một đại-cường quốc. Thật vậy với một tính nhẫn nại và một tinh thần kỷ-luật khắc-khò, dân Nhật đã tái thiết mau lẹ trên diêu tàn của cuộc thế-chiến thứ hai và đã tiến mạnh trên con đường phát triển đến độ trở thành một cường quốc kinh-tế thứ ba trên thế-giới.

Nhưng thành quả kinh-tế lại tạo cho Nhật những trở lực khó vượt nổi trong một tình-hình thế-giới đổi mới. Bây giờ đã đến lúc Nhật phải

lựa chọn. Có nên tiếp tục là một đại cường kinh-tế trong khi vẫn chỉ giữ một địa-vị chính-trị yếu kém nữa hay không? Hay là đã đến lúc Nhật phải quyết-định tạo cho mình một thế lực quân-sự và chính-trị xứng đáng với sức mạnh kinh-tế hiện nay? Lựa chọn cách nào đi nữa thì Nhật cũng ở vào một tình-thế tiến thoái lưỡng nan. Nhưng dù sao đi nữa thì Nhật cũng bắt buộc trở thành một đại-cường-quốc với những hoạt động của một quốc-gia có trách-nhiệm trên thế-giới, dù viễn-tượng của các hoạt động này vẫn còn làm cho một số lớn dân chúng Nhật hoảng sợ.

1) MỘT XÃ-HỘI ĐANG ĐƯỢC CẢI-BIỆN SÂU RỘNG

Tháng 8 - 1945 khi mà trên đất Nhật còn rầm rộ bước chân lính Mỹ của Tướng Mac Arthur, khi mà Nhật-hoàng Hiro-Hito lần đầu tiên tuyên bố rằng ông không phải là thần thánh, không một ai có thể ngờ được rằng chỉ trong vòng 1/4 thế-kỷ, Nhật-bản đã lấy lại được, địa-vị của một đại-cường-quốc trên thế giới. Thật vậy với Hiroshima và Magasaki đã biến thành những đồng tro tàn, với các cơ-sở quân-sự và kinh-tế Nhật đã bị không lực Hoa-kỳ phá hủy, dân-tộc Nhật bước vào một cuộc khủng-hoảng tinh-thần trầm trọng do sự tủi hổ gây ra để

nổi từng loạt người đủ mọi từng lớp trong xã-hội đã đua nhau hoặc mổ bụng hoặc nhảy vào miệng núi lửa Phú-sĩ để tự vẫn.

Nhưng với tính chuyên cần và tinh thần kỷ luật sắt đá, người dân Nhật đã xây dựng lại cơ đồ của họ. Từng viên gạch từng thỏi sắt được người ta thu thập lại để kiến thiết đất nước. Và chỉ trên 10 năm sau, các chiến tích đã bị xóa bỏ gần hết. Trên các diêu tàn của chiến tranh, người dân Nhật đã xây dựng một xã hội tân tiến tinh vi lấy khoa-học làm phương châm, lấy kỹ thuật làm tôn chỉ.

Từ 6 tỷ Mỹ-kim năm 1945 sản lượng quốc gia Nhật đã lên tới 270 tỷ năm 1971 tức là đã gia tăng 4500% trong vòng một phần tư thế-kỷ. Dụng cụ, máy móc, xe hơi Nhật đã tràn ngập trên thị trường thế giới cạnh tranh với sản phẩm các quốc gia kỹ nghệ Anh, Pháp, Mỹ ngay trên thị trường của chính các quốc gia này.

Với một sản lượng quốc gia vĩ đại như vậy Nhật đã được xếp hạng 3 trong các Đại cường quốc kinh tế, chỉ sau có Hoa-kỳ và Nga-sô. Nếu ta so sánh lãnh thổ nhỏ hẹp của Nhật với các tiểu-lục-địa Nga và Mỹ thì ta thấy mức phát triển hiện tại của Nhật đúng là một phép lạ kinh-tế.

Mức phát-triển hiện-tại đã biến cải sâu rộng xã hội Nhật và tạo cho nước này một bộ mặt mới lạ. Trong một khung cảnh mới với những căn nhà chọc giời cao vút như những ngọn tháp bằng thép, kính và xi-măng, người ta thấy cuộc sống của người dân Nhật gần như hết vẻ đẹp cổ truyền. Người ta không còn thấy những cô gái Phù-tang trong bộ Ki-mono hình cánh bướm. Người ta không còn thấy những căn nhà làm bằng những tấm bình phong lụa nhẹ nhàng duyên dáng. Nếp sinh hoạt bình thản và nhẹ nhàng của người dân Nhật đã từng được Nữ văn-hào Mỹ Pearl Buck mô tả như những bài thơ trong sáng không còn nữa. Người dân Nhật giờ đây đang đua nhau chạy theo cuộc sống tân-kỳ của một xã-hội tiêu thụ kiểu Âu Mỹ. Cuộc sống của họ còn được cơ-giới-

hóa và hợp-lý-hóa hơn cả tại Hoa-kỳ. Giây liên lạc gia đình trở nên lỏng lẻo. Nếu trước kia hai ba thế-hệ đều chung sống trong một căn nhà cổ-kính với một tình gia đình thắm thiết thì ngày nay người ta đua nhau đi tìm một cuộc sống riêng biệt trong những căn nhà cá nhân tại các cao-ốc, chung-cư. Người đàn bà Nhật không còn nép mình trong nhà để săn sóc con cái, cắm hoa hay làm bếp nữa mà họ giờ đây đã có những hoạt động nghề nghiệp riêng biệt. Những trẻ em tan học trở về nhà mình thì phần nhiều nhà trống vắng vì mẹ cha chúng đều đã phải có mặt ở sở làm cả ngày. Chúng bơ vơ như vậy cho đến tận chiều tối mới lại xum họp được với cha mẹ, tan sở trở về. Mầm du đảng xuất phát từ đó và số thiếu nhi phạm pháp càng ngày càng gia tăng.

Nếu chiến-bại năm 1945 đã đưa xã-hội Nhật tới một cuộc khủng hoảng tinh-thần trầm trọng thì sự trù phú hiện thời cũng tạo ra một tình trạng tương-tự vào thập niên 1970. Thật vậy xã-hội Nhật tiến triển quá mau lẹ về phương-diện vật-chất, nên các giá-trị cổ truyền không còn thích hợp, bị lu mờ trước sự xâm nhập ồ ạt của văn-minh Tây-phương. Những người Nhật từ trước tới nay có tiếng là lễ độ, không bao giờ to tiếng, giờ đây đã bắt đầu có những cử chỉ táo bạo và vô-ý-thức nhất. Cách đây 2 tháng, 3 thanh niên Nhật cuồng tín đã cướp máy bay và nã tiểu-liên vào phi-trường Lod ở Do-thái khiến

28 hành khách bị thiệt mạng. Phụ nữ Nhật biểu tình đòi giải phóng tình dục. Trong khi đó gương anh dũng của Thượng sĩ Shoishi Yokoi, người đã chịu sống một cuộc đời 28 năm ăn lông ở lỗ ẩn náu trong rừng rậm đảo Guam để khỏi phải đầu hàng quân đội Mỹ, thì lại bị báo chí tả phái chỉ trích coi là phong kiến lạc hậu.

Cuộc khủng-hoảng tâm-lý này đã khiến cho văn-bào nổi tiếng Yukio Mishima phải tự tử vì ông cho rằng

II) NHẬT - BẢN TRƯỚC GIỜ LỰA CHỌN

Cuộc khủng hoảng tinh thần hiện thời không phải là hậu quả duy nhất của cuộc cách-mạng kinh-tế và xã-hội Nhật. Cuộc cách-mạng kinh-tế còn tạo cho Nhật những khó khăn tài-chánh và chính trị. Thật vậy nền kinh tế Nhật vì phát triển quá mạnh mẽ, kỹ nghệ Nhật vì sản xuất quá mua lẹ nên Nhật phải xuất cảng với bất cứ giá nào. Từ nhiều năm qua cán cân thương mại giữa Nhật và các quốc-gia Âu-mỹ luôn luôn thặng dư. Riêng trong giao-thương Nhật - Mỹ năm 1971 người ta thấy cán cân thương-mại của Mỹ đã thiếu hụt 3,2 tỷ và người ta tiên đoán rằng sự thiếu hụt này sẽ còn lên tới 4 tỷ năm 1972. Các nước Tây-Âu và Hoa-kỳ đã phải cảnh cáo Nhật rằng nếu Nhật không tự hạn chế trong chánh-sách xuất cảng thì các nước này sẽ phải đi tới một cuộc chiến-tranh kinh tế với Nhật. Thật vậy họ có thể cấm nhập cảng hàng Nhật hay tăng quan-thuế-biểu đối với hàng Nhật v.v...

Văn-hóa tân-tiến của Nhật hiện thời « vô-nghĩa-lý ». Và các báo chí cũng như các giai-phẩm Nhật luôn luôn đặt câu hỏi « Nhật-bản đi về đâu ? »

Xã-hội Nhật cần phải thích ứng với cuộc cách-mạng kinh-tế và xã-hội hiện nay. Từ trước tới nay các giới hữu trách Nhật chỉ tìm cách đề phát-triển chứ không rõ mục-đích của một nước Nhật phát-triển là gì. Trước cuộc khủng-hoảng tâm-lý hiện thời Nhật-bản cần phải chọn lựa một con đường để đi theo.

Không xuất cảng được, Nhật sẽ gặp khủng-hoảng kinh-tế và sản xuất quá mức và nền kinh tế Nhật sẽ bị sụp đổ vì mất thị trường.

Do đó Nhật phải thay đổi đường lối đầu tư để sử dụng số tiền lời của kỹ nghệ tích-lũy từ nhiều năm qua. Từ trước tới nay giới tư-bản Nhật và chính phủ Nhật, do giới tư-bản chi-phối, đã dồn mọi nỗ lực đầu tư vào kinh-tế mà quên lãng lãnh vực xã-hội. Vì vậy mà vấn đề nhà ở, đường xá và môi-sinh (environment) bị sao lãng. Tuy 90% dân Nhật được thụ-hưởng sự trù phú hiện thời và tự coi mình thuộc giai-cấp trung-lưu nhưng hàng triệu thợ thuyền vẫn còn phải chịu cảnh sống chui rúc trong những căn nhà nhỏ hẹp tại một đô-thị khổng lồ nằm dài từ Tokyo tới Osaka. Đầu tư để phát-triển xã-hội, mở thêm nhà trường, trường học sẽ thu hút được một phần nào tư bản của Nhật. Ngoài ra Nhật còn phải tính chuyện đầu tư

tại ngoại-quốc và viện-trợ cho các xứ chậm tiến. Viện trợ Nhật không phải một cử chỉ vị tha mà là một nhu cầu để giải tỏa một nền kinh-tế căng thẳng vì quá giàu có.

Nhưng muốn đầu tư ở bên ngoài, Nhật phải có một thể lực chính-trị mạnh, dựa trên một lực-lượng quân sự vững chắc để bảo đảm vốn đầu tư trước các toan tính quốc hữu-hóa của các chính-phủ địa-phương. Vấn đề tái vũ trang và chế tạo vũ-khí nguyên-tử đã được đặt ra. Tái vũ trang và chế vũ-khí nguyên-tử không những tăng uy-tín quốc-tế của Nhật trên thế-giới mà còn thu hút được số vốn thặng-dư trong nước.

Tuy nhiên vấn-đề tái vũ-trang gặp nhiều trở ngại lớn tại quốc nội. Hiến-pháp Nhật do Tướng Mac Arthur thảo đã cấm Nhật tái vũ trang. Muốn tái vũ trang Nhật phải tu chính hiến-pháp. Nhưng tu-chính hiến-pháp lại là một điều khó thực hiện vì các đảng khuynh tả đông đảo luôn luôn chống đối sự tạo lập một quân đội Nhật hùng mạnh. Hơn nữa người dân Nhật sợ rằng một nước Nhật mạnh về quân-sự sẽ bị lôi cuốn vào các cuộc phiêu lưu tương tự như trong thời kỳ 1930-1945. Nhưng dù sao Nhật cũng bắt buộc phải tính chuyện tái vũ trang trong một khung cảnh chính-trị mới ở Á-châu.

Thật vậy, song song với sự lớn mạnh của Trung-Cộng, Hoa-kỳ lại tính rút quân khỏi Á-châu. Vì quyền lợi kinh-tế, Nhật sẽ dần dần trở thành một đối thủ trực tiếp đương

đầu với Trung Cộng vào lúc mà chiếc dù nguyên-tử của Mỹ không còn che trở cho an ninh Nhật nữa.

Hơn nữa chỉ vì thiếu một lực lượng quân sự, Nhật tuy hùng mạnh về kinh-tế mà vẫn bị Mỹ coi là một nước đàn em. Năm 1971 Tổng Thống Nixon ban hành chính-sách kinh-tế mới và quyết định tiếp xúc với Trung Cộng mà không tham-khảo ý-kiến Nhật, tuy hai hành động này đều có trực tiếp liên-hệ tới tương lai nước này.

Nói tóm lại Nhật đang được đặt trước một sự lựa chọn. Lựa chọn một giải pháp nào để thích ứng với một tình trạng đổi mới tại quốc nội cũng như tại quốc ngoại, đó là trách nhiệm của chính-phủ Nhật hiện tại.

Vào đúng lúc mà Nhật phải lựa chọn giải-pháp thì chính phủ Nhật thay đổi. Ông Kakuei Tanaka được đảng Dân-chủ Tự-do chỉ-định thay thế ông Eisaku Sato để lãnh đạo đảng và đồng thời kiêm nhiệm chức vụ Thủ-tướng. Chỉ-định ông Tanaka thay vì chỉ-định ông Fukuda, con gà nòi của ông Sato, đảng Dân-chủ Tự-do đã muốn chấm dứt một chính-sách bảo-thủ kéo dài từ trên 25 năm qua. Ông Tanaka năm nay 54 tuổi nên hiểu động hơn và có tư tưởng phù hợp với thời thế hơn.

Con một người lái trâu bị phá sản, ngay từ lúc còn thơ ông Tanaka đã hiểu rằng cuộc đời là khó khăn và cũng bắt đầu biết tranh đấu, xoay sở. Ông chưa học hết ban Trung-học đã phải đi làm để kiếm ăn.

Năm 15 tuổi Tanaka đã từ quê ở Niigata lên Đông-kinh làm giàu. Ông mở một hãng xây cất và nhờ các khế-ước với quân-đội Nhật ông đã trở nên giàu sụ. Ông luôn luôn có đầu óc tính toán. Năm 24 tuổi ông lấy một cô vợ 31 tuổi vì đầu óc tính toán của ông cho rằng: « Vì tôi làm việc bất kể ngày đêm và cả Chủ nhật nên tôi cần một bà vợ già ít đòi hỏi. »

Nhờ đầu óc tính toán mà ông Tanaka tuy không có bằng Đại-học đã thành công được trong ngành kỹ-nghệ. Người ta cho rằng ông có đủ khả năng để thành công trong ngành chính-trị. Tuy nhiều người cho rằng ông Tanaka khuynh tả, nhưng thật ra thì ông chỉ có đầu óc thực tế hơn các vị Thủ-tướng tiền nhiệm. Một nhà đại tư-bản tự mình lập nên sự nghiệp như ông Tanaka không thể có khuynh-hướng khuynh tả mà chỉ là cấp tiến. Ngay từ khi ông lên nắm chính-quyền ông đã tìm cách xích lại Trung Cộng dù bằng giá đắt là đoạn giao với Đài-loan. Tuy nhiên khi xích lại Trung-Cộng, Nhật nhắm thị-trường Hoa-lục nhiều hơn là muốn trở thành một nước bạn của Trung Cộng. Trong tương-lai Nhật sẽ là một đối thủ chính của Trung Cộng hơn là một đồng-minh. Và Nhật sẽ là một đại cường quốc trên thế-giới nói chung và tại Á-châu nói riêng dù là một đại-cường miền-cưỡng Nhật sẽ phải đi tới chỗ cạnh tranh gắt gao

với Trung Cộng trong mọi lãnh vực chính-trị cũng như kinh-tế. Biết như vậy Bắc-kinh đã vội vã mời ông Tanaka sang thăm viếng Hoa-lục vào cuối tháng 9 này. Tuy nhiên ông Tanaka đã cố gắng nhấn mạnh tính cách thân Tây - phương của Nhật bằng cách đến Honolulu hội đàm với Tổng-thống Nixon trong hai ngày 31-8 và 1-9 vừa qua. Để lấy lòng Mỹ, ông Tanaka đã ký với Tổng-thống Nixon một thỏa hiệp hứa mua 1,1 tỷ Mỹ-kim hàng Mỹ để giảm bớt tính cách thật quân-bình của cán cân thương-mại Hoa-kỳ. Ông còn hứa là dù có thừa nhận Trung-Cộng, Nhật vẫn giữ nguyên Minh-ước quân sự với Hoa-kỳ.

* *

Hiện thời người ta chỉ mới đang ở trong giai-đoạn đầu của một nước Nhật mới. Trong giai-đoạn này Nhật còn yếu về mặt quân-sự nên còn cố gắng nằm trong cộng - đồng Tây-phương. Nhưng khi đã trưởng thành, Nhật sẽ xuất hiện với tư cách một đại-cường cạnh tranh cùng một lúc cả với khối Tây-phương và khối Cộng-sản. Lúc đó tình-hình thế-giới sẽ bước vào một giai-đoạn chính-trị mới có tính cách đa cực. Và một trong các cực chính sẽ là Đông-kinh.

TỪ MINH

Tân-toán-học cho tuổi tiền-học-đường

Ở nước ta mà nói đến lớp mẫu-giáo tổ-chức cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi với lối dạy và tiện-nghĩ cần-thiết như Âu Mỹ thì gần như là nói đến một biệt-lệ, bởi vì chỉ thấy có ở các thành-thị cho một số trẻ nhà giàu. Cho nên những điều nói ở đây xin được nhắn gửi đến các bà mẹ bà chị, ông cha ở gia-đình, trước khi là những khuyến-cáo sư-phạm cho các thầy cô lớp mẫu-giáo.

Một chút tâm-lý

Ở trình-độ bé-bồng này thì toán-học không thể tách rời khỏi đời sống và tiến-trình tăng-trưởng tự-nhiên của tâm-trí trẻ. Không đâu toán-học lại được kết chặt với đời sống con người như vậy : những ý-niệm toán-học nhất của tuổi đó không có gì khác hơn là cái ý-thức mà trẻ sẽ phát-triển dần dần đối với vạn-vật chung quanh. Điều đó gần như tự-nhiên đến nỗi không học, rồi thì trẻ cũng sẽ tự mình khám phá ra tất cả tuy có muộn hơn. Vì vậy vai trò của người lớn không nên đi quá nhu-cầu sở-thí tự-nhiên của trẻ. Nó nói-năng với cha mẹ anh em trong nhà, chơi đùa với bạn bè đồng lứa hay tiếp-xúc với mọi vật trong tầm tay, đủ là những phương-tiện tốt cho trẻ học toán rồi : Vấn-đề chỉ là thừa cơ mà giúp đỡ trẻ và nhất là *đừng hiểu lầm theo lối nhận định của người lớn mà làm cho chậm trễ đi*. Nhờ cuộc sống trực-tiếp với vạn-vật chung quanh mà trực-giác

của trẻ nảy nở : Trẻ bắt đầu xem xét, nhận định, phán đoán dưới một hình-thức sơ-khai là so-sánh. Tâm-lý và sinh-lý chưa phân-hóa rõ-rệt nên mọi ý-thức bên trong đều được biểu-lộ ra ngoài : trẻ phát-biểu cảm-tưởng mình bằng sự yên-lặng chấp-nhận hay chán bỏ, nhưng thường là những phản-ứng mạnh mẽ hơn : vui cười cử động rối-rít tay chân hay vung-vẫy, cắn cựa la khóc. Rồi từ độ 12 tháng trở lên trẻ bắt đầu lặp lại một vài tiếng của người lớn, nhưng trước đó nó đã có cảm tính rồi : nó nhận biết mẹ nó rất sớm, nhưng về sau mới gọi được tiếng « má ». Nhờ đó nó tiến-bộ rất mau trong việc hiểu tiếng người lớn qua những cảm-ứng của các giác-quan xảy ra đồng thời với tai nghe tiếng nói. Đến khi trẻ nói được là nó đã tìm ra được ở tiếng nói những biểu-tượng giản-tiện cho ý-tưởng nó rồi. Vì vậy mà trẻ con học thêm tiếng là học thêm được ý-tưởng. Và cái khả-năng biểu-tượng đã bắt đầu từ đó. Và nó thích cái khả-năng này của nó lắm cũng như sau này khi mới biết cỡi xe đạp thì thích cỡi mãi. John B. Watson (một người Mỹ nói về trẻ con Mỹ) nhận rằng đã có nhiều lần ông đặt tai vào lỗ khóa phòng của một đứa trẻ để nghe nó nói lớn lên một mình những gì nó định làm trong ngày : ông cho rằng đó là tính tự-nhiên của trẻ con, sau này vì sự ngăn cản của người lớn bảo nó rằng không ai lại nói to lên như thế

với chính mình, nên trẻ con đã bỏ thói đó để làm người lớn (1).

Đó là tiến-trình của trẻ về biểu-tượng tiếng mà cũng là về biểu-tượng số, bởi vì số với tiếng ở tuổi ấy không có gì phân-biệt: ba, hai, một cũng là những tiếng như chó, mèo, xanh, đỏ. Trẻ con lớp Một mới vào trường đã hiểu ngay rằng cô giáo cho 9, 8 điểm hay 1, 2 điểm có ý-nghĩa là tốt hay xấu rồi. Có lẽ vì biết tâm-lý này của trẻ mà thầy giáo xưa nay khắp thế-giới đã dùng số điểm để phát-biểu lời bình-phẩm của mình với trẻ con. Người lính Mỹ ít học sang ta cũng nói number one, number ten.

Về sau, đi học trẻ biết dùng chữ số; lớn lên, dùng tự-mẫu hay ký-hiệu để biểu-tượng cho số, cho phép tính trong các bài đại-số hay tân-toán-học, thì cũng chỉ là tiếp-tục sử dụng một khả-năng phát-lộ từ tuổi ấu-thơ.

Nhưng ý-thức số của trẻ con chưa được phân-tích trừu-tượng như ở người lớn: 4 là $1 + 1 + 1 + 1$ là do người lớn buộc trẻ con phải hiểu chứ nó chỉ thấy 4 là số chân của một con chó, số bánh của cái xe hơi, 2 là số chiếc trong đôi đũa, 10 là số ngón trên hai bàn tay... Trẻ thấy số trong những tập-hợp cũng như người lớn thấy bao nhiêu con cá trên một cái mẹt, bao nhiêu cái chồi trong một bó. Và khi chị bếp nói mua cái mẹt cá này cái bó chồi kia thì phải hiểu rằng chị muốn mua một số cá, một số chồi, chứ không phải cái đồ-chứa-

đựng bên ngoài các số ấy. Trẻ cũng bắt đầu so-sánh những tập-hợp cụ-thể theo màu sắc, hình dạng, kích-thước chứ chưa có ý-thức số theo đơn-vị: đối với trẻ ngọn đèn dầu leo-lét đáng chú ý hơn là bàn tủ đồ-sộ trong phòng tối, năm hột tiêu bao giờ cũng ít hơn hai trái bưởi; thằng Bòm đã cười chấp-nhận hòn xôi mà không cần hiểu 3 bò 9 trâu là thứ gì. Những cái gì trẻ đã rờ mó nắm giữ, đập mạnh vào giác-quan nó, mới có một ý-nghĩa nào.

Như vậy ta chỉ dạy hữu-hiệu cho trẻ khi biết tự đặt mình vào cái thế-giới riêng của nó bởi vì tuổi nhỏ chưa có nhiều lý-trí, cũng chưa có trình độ biểu-tượng bằng tuổi lớn, có giảng có nói huyền thiên nó cũng chẳng hiểu gì. Đó là phương-pháp dạy toán mà cũng là phương-pháp dạy bất cứ cái gì cho trẻ.

Dạy toán trong sinh-hoạt của trẻ ở gia-đình.

Từ 3 đến 5 tuổi, trẻ rất thích tìm hiểu những vật chung quanh nó, dòm trong nồi, lục trong hộp, với tay lên bàn cao để xem có những gì. Má hãy sai Bé làm vài việc rất nhỏ cho nó có cái cơ-hội rờ mó, cầm xách vật nọ vật kia, nhiều khi nó đòi hỏi được làm: Có khi má không tin ở nó mà sai đứa lớn đi làm thì nó ngồi bịch xuống mà la khóc, hay nằm vạ mà phản-đôi.

Tại sao không thừa cơ cho trẻ « làm đề học » (learning by doing) cho nó vui cửa vui nhà?

(1) Behaviorism. New-York, Norton, 1930

Những cơ-hội của Má :

Mỗi lần má đãi gạo là có Bé ngồi, một bên, má cùng Bé lựa sạn thì vớt đi, thóc thì bỏ đóng lại cho gà ăn, chỉ còn gạo là để nấu. Giày dép trên kệ dưới giường; má bảo Bé xếp của ba riêng, của má riêng, của Bé riêng. Có khi má lại bảo xếp giày theo giày, dép theo dép, guốc theo guốc. Đó là má đã bắt đầu đưa trẻ vào những ý-niệm về *tập-hợp* và *thuộc-về* (appartenance).

Đến bữa ăn, má dọn chén đĩa ra; má bảo Bé kiểm lại xem đã đủ chưa? Má không cần dạy, Bé sẽ tìm ra cách kiểm liễn: Bé vừa sắp lại từng cái chén vừa nói: Ba này, má này, anh Hai này, chị Ba này... Bé này. Rồi nó cũng đếm đĩa từng đôi theo lối đó, tức là lối *ghép đôi* (appariement) mà sau này thầy dạy Tân-toán-học cho nó sẽ nhắc lại. Nhà có nhiều phòng, nhiều chòi, nhiều ca... thì mỗi lần nói chuyện với Bé, má nên dùng những tiếng: dài, ngắn, hẹp rộng, lớn nhỏ, trước, sau, giữa, nhiều ít... như má nói: Bé vào phòng giữa lấy cho má cái chòi dài và cái ca nhỏ để má múc ít nước... Cái gì Bé lấy ở đâu thì dùng xong, chơi xong đem lại để chỗ đó. « Vật nào chỗ ấy, chỗ nào vật ấy » là một cách-ngôn đức-dục mà cũng là một định-nghĩa cụ-thể về sự *tương-ứng* (correspondance) trong toán-học sau này.

Má giặt-giũ, là có Bé ngồi xem bên cạnh. Má bảo Bé đưa những đồ đen giặt trước, rồi những đồ trắng, rồi những đồ màu trong đồng

đồ lộn-xộn mà má bỏ bên giếng. Khi phơi, má bảo đưa những quần trước, đến những áo, sau cùng là khăn. Khi ủi, má bảo Bé đưa những đồ mỏng trước, những đồ dày sau, hay đồ trẻ em trước, đồ người lớn sau. Nếu má muốn cho Bé một bài tân-toán-học mà các anh lớn lớp Đệ-nhất ngày nay mới học thì cũng không khó: Má giặt vắt cả rồi, má bung thau đồ đến gần dây phơi là có Bé theo đứng cạnh đó. Má bảo Bé đưa cho má phơi đồ người lớn trước, má treo từ một đầu dây ra; hết đồ người lớn rồi, má bảo đưa đồ trẻ em, Bé đưa lắm là má giải-thích rồi không chịu, bảo Bé đưa cái khác cho đúng. Sau cùng còn một cái khăn mà hằng ngày má và Bé dùng chung. Vì má hôm nay khó tính nên Bé do-dự, thắc mắc hỏi: « Còn cái này là của người lớn hay trẻ em? » Má cũng tỏ vẻ suy nghĩ để chia xẻ nỗi thắc-mắc của Bé: « Ừ, còn cái này « thuộc về » người lớn hay « thuộc về » trẻ em? » Rồi má tự trả lời: « Cái này « thuộc về » trẻ em vì đã dùng cho Bé, mà cũng « thuộc về » người lớn vì má cũng dùng khăn này, vậy thì má treo chỗ nào bây giờ? » Má hỏi như vậy để Bé cùng nghĩ với má. Vừa nói má vừa kéo xít đồ trên dây ra. Bé đoán biết rồi, reo lên: « Thì má treo ở giữa », — « Đúng rồi, má treo ở giữa dây ». Treo xong, má chỉ trên dây: « Từ đó đến đầu này là đồ người lớn, từ đây đến đầu kia là đồ trẻ em ». Tại sao cái khăn lại được kể cả hai bên như vậy. Bé biết rồi, nó được treo ở giữa và nhìn thấy nó chung là phải. Lúc nào đó,

má đưa cho Bé hai tấm hình chụp chung trong gia-đình và hỏi Bé có tất cả mấy người. Nếu Bé chưa biết đếm, Bé cũng kể ra (dénombrer) được: « má này, dì này, ba này, Bé này, chị Lan này ». Qua hình bên kia: « cậu Tư này, Ba này mà ba có rồi không kể nữa, má cũng không kể nữa, chú Sáu này, ông nội này »... Những chuyện đơn-giản như trên mà sau này lớn lên học tới Trung-học Bé mới nghe thầy-giáo trình-bày lại với những danh-từ quá thông-thái như phép giao, phép hội, tập-hợp không cách biệt, vòng Venn, ... tưởng đâu có chuyện gì ghê gớm lắm vậy, Bé sẽ không sợ đâu!

Má rửa rau, đổ nước vào chậu, má vừa đổ vừa đếm: 1 gáo, 2 gáo, 3 gáo... Má hỏi Bé được một nửa chậu chưa? Má cần một phần ba gáo nước, má kêu thiếu, má cần một gáo đầy nữa. Má sai Bé lấy cho má một chiếc đĩa bếp nữa cho đủ đôi. Má sai Bé ra ngoài lấy 3 viên gạch cho má làm cái bếp để nấu thêm 2 lít nước cho Bé tắm, má lấy cái chai đựng 1 lít, 2 lít: « Các nôi này lớn thật, 2 lít nước mà mới tới hai phần ba ». Má chỉ cho Bé xem mực nước trong nôi. Bé thích lắm, bữa nào má đi vắng,



Phép giao:

$$\{A, Q, K, \cap\} a, q, k \} = \{K\}$$

Phép hội:

$$\{A, Q, K, \cup\} a, q, k \} = \{A, Q, K, a, q\}$$

Bé ước mơ ba sẽ sai Bé đóng nước như vậy.

Những cơ-hội của Ba

Theo Bé nghĩ thì ba phải thông-thái hơn má nhiều, bởi vì Bé thấy thỉnh-thoảng, nhà có việc, ba vắng mặt, má phải chờ hỏi ý-kến ba rồi má mới làm, (Sự thực thì luôn luôn có chuyện không thông-thái gì cả cũng làm được mà ba cũng hỏi má ưng thuận rồi mới làm, nhưng những lúc đó Bé làm gì thấy được? Bé chỉ nhận-định mọi sự việc chung quanh mình theo tai nghe, mắt thấy, tay sờ mó trực-tiếp mà thôi). Vì thế mỗi buổi chiều, ba ở đồng, ở xưởng hay ở sở về là bé đeo theo ba hỏi cái nọ cái kia. Đó là cơ-hội tốt, có chuyện gì buồn ở sở thì ba nên coi đây là một dịp khuấy-khỏa mà cố quên đi, đừng gắt-gồng với Bé.

Bé với ba ngồi cùng bàn, ba hỏi: «Trên bàn này cái gì ông nội thích nhất?» Bé nhìn khắp rồi trả lời: «Cái bình trà này với mấy cái tách, đĩa là sáng nào ông nội cũng đồ ra rót vào». Ba tiếp: «Con hãy sắp chung nó lại đi, tách nào đĩa ấy chung quanh cái bình để có một tập-hợp». Bé sắp xong, ba lấy tay vạch quanh một vòng vừa nói: «Tập-hợp của tất cả những cái này là bộ đồ trà của ông nội». Tập-hợp là tiếng mới nghe, nhưng lối nói của ba làm Bé hiểu quá rõ. Bé nhìn kỹ rồi lầm-bầm: «Tập-hợp... bộ đồ trà... hèn nào con thường thấy ông hợp chung lại một chỗ, khi nào có ai bưng đi đâu một cái chén là ông tìm khắp

nhà và quát lên ». Ba thừa cơ tiếp : « Vậy con nhớ cái tập-hợp gồm những gì để khi nào thiếu là tìm cho ông ». Bé : « Dễ quá, Bé kể ba nghe : Cái bình này, 4 tách này, 4 đĩa này... Ờ, tách nào đĩa ấy, nên thiếu một tách là ông thấy đĩa trống ông biết ngay ».

Ba quay sang chuyện khác : Ba đổ Bé kể cho hết những đồ-vật trên bàn này. Bé nhanh-nhau : « đèn này, cái vò này, quyền sách này, cái bình trà này, bốn cái chén tách này, bốn cái đĩa này ». Ba : « Con kể đủ nhưng nhiều quá ». Bé phản-ứng ngay : « Có nhiều đâu ? kể ít đi thì sao cho đủ ? » Bé thách ba kể cho Bé xem. « Thời-cơ đã đến », ba đăng-hăng một cái rồi thông-thả kể « cái đèn này, cái vò này, quyền sách này, bộ đồ trà này, hết. » Bé la lên : « Thì con đã kể chén, đĩa, bình rồi. Cũng vậy thôi. » Ba giải-thích : « Ừ, mà ba kể bộ đồ trà là gồm tất cả ba thứ đó lại. Con kể không thừa mà ba kể cũng không thiếu, người ta có thể gồm lại để có một tập-hợp nhỏ nằm trong tập-hợp lớn này » vừa nói ba vừa đưa tay vòng một vòng chung-quanh bộ đồ trà và một vòng chung-quanh mặt bàn. Đó là những ý-niệm về tập-hợp, tiểu-tập-hợp (sous-ensemble), nội-thuộc (inclusion), vòng Venn, sau này Bé sẽ học trong Toán mới mà bây giờ bà đã mớm cho Bé rồi.

Ba muốn dạy cho Bé số 1 vì ba biết số ấy khó lắm đối với Bé : Ba đang sửa lại cái ghế, ba bảo : « Con

vào lấy đinh cho ba đóng lại cái ghế. » Khi Bé đem ra một số đinh, ba nói : « Con đưa ba 1 cái, 1 cái thôi, ba chỉ cần một cái. Bé soạn ra lựa 1 cái đưa cho ba : Thế là số 1 đã xuất-hiện từ một tập-hợp, và Bé đã nhìn được nó, sờ được nó qua cái đinh. Ba có thể hỏi thêm 1 cái nữa, một cái nữa thôi... Có lần đóng hết một số đinh hay ăn hết một số cam, ba hỏi Bé : « Còn mấy cái ? Mấy quả ? » Bé đáp : « Hết rồi. » Ba hỏi lại : « Vậy là còn mấy quả ? Ba hỏi mấy quả chứ ba có hỏi còn hết đâu ? » Bé ngập-ngừng vì tò-tiên đã phải để mấy nghìn năm mới nói được Hết là mấy. (1). Ba vừa cười vừa nói « Khi không còn gì nữa thì Bé có thể nói « Còn không quả vì không quả là không có quả nào ».

(còn tiếp 1 kỳ)

ĐOÀN NHẬT TÂN

(1) Bình thường người lớn cũng trả lời như Bé : Một câu hỏi về lượng mà lại đáp bằng một lời về phẩm. « Hết rồi » có nghĩa là : Không còn gì để đếm được nữa ; sự đếm chỉ được quan-niệm khi có cái gì để đếm mà thôi, tình trạng hết-rồi coi như không phải là đối-tượng của sự đếm nữa, số 0 đương nhiên bị loại ra ngoài tập-hợp các số dùng để đếm, bởi đó mà người xưa không sao tìm ra được 0 như một con số để đếm. Và khi nhân-loại đã tìm ra số 0 rồi là đã có một bước tiến dài trên đường lấy biểu-tượng định-lượng để làm biểu-tượng định-phẩm. Từ đó, nóng, lạnh, sáng tối, thông-minh, ngu-đần... lần-lượt được đo bằng những số định-lượng.

Nhà giáo họ Khổng

L.T.S. « Nhà giáo họ Khổng » là tên một cuốn sách của ông Nguyễn-Hiến-Lê, do nhà Cảo Thơm xuất bản và sắp phát hành. Trong sách này tác giả cho biết ông không xét triết lý cùng tư tưởng chính trị của Khổng-Tử mà « chỉ tìm hiểu nhà giáo mà đời sau tôn là « vạn thế sư biểu », công của ông với nền giáo-dục cổ Trung-hoa, các cách mạng của ông về giáo-dục, mục-đích ông dạy học, cách dạy học, tình ông đối với môn-đồ, ảnh-hưởng của ông ra sao tới hậu-thế ». Chúng tôi xin trích sau đây để giới-thiệu cùng bạn đọc một chương nói về cách-mạng giáo-dục của nhà giáo họ Khổng.

CÁCH - MẠNG GIÁO - DỤC

Khổng-Tử đã làm hai cuộc cách-mạng về giáo-dục :

1.— Bình-dân-hóa giáo-dục.

Trước ông, theo chương *Học-kí* trong sách *Lễ-kí*, thì trong mỗi xóm hai mươi lăm nhà có một trường học gọi là « thực » ; trong mỗi thị-trấn gồm năm trăm nhà, có một trường học cao hơn gọi là « trường » ; trong mỗi châu gồm hai ngàn rưởi nhà, có một trường cao hơn nữa gọi là « tự » ; sau cùng tại kinh-đô mỗi nước có một trường cao hơn cả gọi là « học ». Ta có thể đoán rằng tổ chức đó khó áp dụng được đúng, và những trường đó là trường công, nhà giáo là những quan do triều-đình bổ nhiệm (có thể cha truyền con nối) mà học-sinh, đại đa số là con của những gia-đình quý-tộc. Thời Khổng-Tử, có thể có một số nhà giáo dạy tư, nhưng trong lịch-sử, trước thế-kỷ thứ sáu trước T.L.,

không thấy chép có một trường nào thu nhận thanh-niên mọi giới, và Khổng-Tử là người đầu tiên dám mở một trường như vậy mà thành công.

Ông tuyên bố : « *Hữu giáo vô loại* » (*Vệ Linh Công* — 38). Câu này Chu-Hi giải thích là « dù người thiện hay kẻ ác thì cũng dạy, chứ không phân biệt » vì lẽ tính người vốn thiện, kẻ kia hóa ác là do tập nhiễm (*tính tương cận, tập tương viễn*), nay mình dạy họ thì có thể làm cho họ hóa ra thiện trở lại được. Nhưng các học-giả ngày nay hiểu theo nghĩa khác : không phân biệt hạng người, gia-thế, ai cũng dạy hết. Nghĩa là con quý-tộc hay con bình-dân, Khổng-Tử cũng coi ngang hàng. Phải nhớ lại xã-hội phong-kiến Trung-hoa hai ngàn rưởi năm trước, mới nhận-định được rõ cuộc cách-mạng đó của ông ; nó cũng có ý nghĩa như cuộc

cách-mạng của Thích-Ca đề san phẳng các tập cấp (caste) ở Ấn.

Ông chuyên sông bằng nghề dạy tư, nên không làm ruộng để mưu-sinh như các ăn-sĩ đương thời, phải trông vào sự chu cấp của môn-sinh, do đó có người chê ông là « chẳng động gì tới tay chân cả, không phân biệt nòi ngũ cốc » (Vi-tử — 15), là hạng ăn hại « không cấy bừa, không dệt mà có ăn có mặc, khua môi múa mỏ, bày đặt ra chuyện phải trái để làm mê hoặc các vua chúa trong thiên hạ » (Trang-Tử — Thiên Đạo-Chích). Nhưng ông không phân biệt người giàu kẻ nghèo, kẻ nào xin học, muốn dâng ông lễ gì ông cũng nhận, dù chỉ là một bó mười chiếc nem (Thuật-nhi — 7).

Còn cái việc không phân biệt kẻ thiện người ác thì là chuyện dĩ nhiên. Chương *Thuật-nhi* — 28, có kể một thanh-niên ở làng Hồ-hương lại xin học, ông nhận; môn-đồ có vẻ nghi kỵ anh ta vì làng Hồ-hương nổi tiếng là « khó dạy ». Ông bảo họ : « Người ta lấy lòng trong sạch mà đến với mình thì mình vì tấm lòng đó mà thu nhận người ta ; còn việc cũ của người ta ra sao, không nghĩ tới ».

2.— Chính-trị-hóa giáo-dục.

Trước ông, trong thời ông và có lẽ cả sau ông nữa, thanh-niên trong các gia-đình quý-tộc vào các nhà « tư », nhà « học » để học về « lục nghệ » (sáu nghề) : lễ, nhạc, xạ (bắn), ngự (đánh xe — xe đây là chiến xa), thư (viết lách, thảo văn thư), số

(tính toán) mà sau thành những quan lại của triều-đình, tức một hạng mà ngày nay chúng ta gọi là kỹ-thuật-gia hoặc nhà chuyên môn.

Mục đích của ông khác : ông chú trọng đến sự học để cứu đời, cốt đào tạo những người có đức hạnh, trí óc sáng suốt, có liêm sỉ, để làm chính trị, cải tạo xã hội, hơn là đào tạo những nhà chuyên môn.

Ông sinh vào một thời loạn, nhà Chu đã suy, các chư hầu không tuân lệnh thiên tử nữa, mỗi nhà hùng cứ một phương, tranh giành đất đai với nhau, chiến tranh liên miên, không năm nào không có. Họ không thêm nộp cống mặc dầu chỉ là tượng trưng (trong 242 năm, nước Lỗ chỉ triều cống có ba lần !), nhà Chu đất đai hẹp, mỗi ngày một nghèo, chỉ còn đóng vai bù nhìn. Không Tử muốn lập lại trật tự cũ, hô hào các chư hầu phải giữ sự tôn ti, tuân lệnh người trên (1) ; nhưng cái tôn ti đó dựng trên đạo đức trước hết : người trên phải làm gương cho người dưới : « quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử ». Có lẽ ông chưa dám hô hào bỏ đặc quyền của các quý tộc — thời ông còn sớm quá — nhưng khi đã

(1) Như vậy mà ông không khi nào tới nước Chu thì cũng lạ thật ! Có lẽ ông cho rằng thiên tử nhà Chu hoàn toàn bất lực, phải tìm một ông vua chư hầu để thay ? Nếu quả vậy thì ông « cách mạng » lắm, trước Mạnh Tử trên 150 năm. Mạnh Tử bảo Lương Huệ Vương : « Ai không thích giết người thì thống nhất được thiên hạ », nghĩa là ai có đức nhân thì sẽ làm thiên tử, chứ không cần là hậu duệ nhà Chu.

bình dân hóa giáo dục, rồi lại coi trọng đạo đức hơn chức tước, coi trọng bổn phận hơn quyền lợi, cho chữ « quân tử » một nghĩa khác hẳn nghĩa thông dụng đương thời : người có tài đức chứ không phải có địa vị hơn người, thì ta phải nhận rằng ông đã làm một cuộc cách mạng quan trọng, đã muốn thực hiện một thứ bình đẳng dựa trên chân giá trị của con người.

Có thể nói ông và môn đồ của ông là một đảng chính trị, ông đào tạo họ thành những cán bộ để thực hành chủ trương của ông (về điểm đó, ông mở đường cho Mặc Tử sau này) ; vì vậy chương trình dạy học của ông khác chương trình đương thời.

Có lẽ chương trình đó thành hình lần lần : hồi trẻ, ông dạy Lễ trước hết (cho Hà Kị và Nam Cung Quát) vì ông chuyên môn về lễ, rồi ông dạy Thi, Thư nữa, về già ông mới soạn kinh Xuân-thu và căn cứ nghiên cứu kinh Dịch. Tôi không chắc ông đã đem kinh Dịch ra giảng cho môn sinh ; tôi không biết nghĩa thứ nhì của danh từ « lục nghệ » để trở : 1 lễ, 2 nhạc, 3 thi, 4 thư, 5 Xuân-thu, 6 dịch, xuất hiện từ hồi nào ; nhưng có điều chắc chắn là ông không dạy hai môn ngữ và xạ mặc dầu ông biết hai môn đó và thân phụ ông là một quan võ (Liu Wu Chi — La philosophie de Confucius — Payot — trang 13), cho nên khi Vệ Linh Công hỏi ông việc bài binh bố trận, ông đáp rằng không biết, chỉ biết việc sắp

đặt các đồ cúng tế (trở đầu) thôi, rồi sáng hôm sau ông bỏ đi liền. (Vệ Linh Công — 1).

Cũng không chắc rằng ông dạy môn toán (số) ; nhưng ông chú trọng đến môn ăn nói (ngày nay ta gọi là môn hùng biện), tức kinh Thi, vì môn đó thời nào cũng cần cho chính trị gia, và ở thời ông, phải thuộc nhiều bài trong kinh Thi để cho lời nói thêm hoa mĩ, du dương, ứng đối lưu loát : các nhà ngoại giao thời ông thích dẫn lời trong kinh Thi lắm, cho nên ông mới nói « bất học Thi vô dĩ ngôn » (Quý-thị — 13).

Dĩ nhiên, ông không dạy nghề như làm ruộng, đi buôn... Phan Tri xin ông dạy nghề làm ruộng, làm vườn, ông đáp hai nghề đó ông không rành bằng một ông lão làm ruộng, một ông lão làm vườn. Khi Phan Tri bước ra rồi, ông chê chí khí của Phan Tri nhỏ nhen (Tử Lộ — 4). Ông muốn lập lại trật tự của xã hội, khiến cho vua chúa biết trọng lễ nghĩa để cho dân tin, phục, thì học nghề cấy cấy làm quái gì.

Ông tin rằng con dân một nước mà hiểu lễ thì nước đó sẽ có trật tự, bình trị, cho nên ông dạy cho môn sinh trước hết phải hiểu lễ, tập tính cẩn thận và thành thực, thương yêu mọi người, gần gũi các người nhân đức, rồi có dư sức mới học văn, tức thi, thứ, lễ, nhạc (Học-nhi — 6).

Chương *Thuật-nhi* — 6, ông lại khuyên : đề tâm chí vào đạo lý, cố giữ gìn đức hạnh, theo điều nhân, còn việc học lục nghệ là điều phụ.

Ông là người đầu tiên mà có lẽ duy nhất chủ trương phải tu thân rồi mới trị gia, tề quốc; như vậy phải có đạo đức đã rồi mới làm chính trị được; cho nên ông bắt môn đệ phải tự xét mình, làm chủ được mình: « Người quân tử có chín mối xét nét: 1. — khi trông phải cố ý trông cho rõ, 2. — khi nghe phải lắng tai nghe cho rõ*, 3. — sắc diện phải giữ cho ôn hòa, 4. — dung mạo phải khiêm cung, 5. — nói điều gì phải trung thực; 6. — làm việc thì phải kính cần, 7. — có điều nghi hoặc thì phải hỏi han, tìm hiểu, 8. — khi gặp dữ thì phải nghĩ đến hậu quả tai hại sẽ xảy ra, 9 — thấy mối lợi thì phải nghĩ đến điều nghĩa ». (Quý-thị — 10)

Tuy nhiên ông cũng trọng trí dục ngang với đức dục; ba đức căn bản của Không giáo: nhân, trí, dũng, y hệt ba đức căn bản của Phật-giáo: bi, trí, dũng. Một hôm ông hỏi Tử Lộ:

— Do (tên của Tử Lộ) này, anh có nghe nói sáu đức tốt bị sáu cái hại che lấp không?

Tử Lộ đáp:

— Thừa thầy, chưa.

— Ngồi xuống đây, thầy dạy cho. Người ham điều nhân mà không chịu học hỏi thì bị cái hại là ngu muội; người ham đức trí mà không chịu học hỏi thì bị cái hại là phóng đảng; người trọng đức tín mà không chịu học hỏi thì bị tổn hại (nghĩa là bị lừa gạt); người ưa sự ngay thẳng mà không chịu học hỏi thì hóa ra nóng nảy; người ưa dũng cảm mà

không chịu học hỏi thì hóa ra phản loạn; người thích cương quyết mà không chịu học hỏi thì hóa ra cường bạo. » (Dương-Hóa — 8)

Và ông rất trọng thực tế, không bàn chuyện chết rồi sẽ ra sao, không xét và phân siêu hình chẳng hạn như bản tính con người, cùng đạo Trời (Cổng-Dã-Tràng — 12), mạng Trời (Tứ hãn — 1).

Ông cốt đào tạo một hạng nhân tài có đức hạnh để họ giúp nước, mà thời đó kẻ sĩ chỉ có mỗi một cách giúp nước là làm quan; nhưng ông rất ghét bọn làm quan chỉ để hưởng lộc, lúc quốc gia thịnh trị, chẳng giúp dân được gì, chỉ ngồi đó hưởng lộc, lúc quốc gia loạn lạc thì nằng chiêu nào che chiêu nấy, cũng để hưởng lộc nữa; ông gọi họ là bọn vô liêm sĩ (Hiển-vấn — 1); và có lần ông phàn nàn rằng không dễ gì thấy được một người học ba năm mà không muốn cầu bổng lộc.

Nhưng ta nên ghi nhận thêm điều này:

Tuy ông bền ba gần suốt đời để cứu vãn xã hội, ra công đào tạo một số môn sinh cho thành những chính-trị-gia có tài đức; nhưng cơ hồ như lý-tưởng tối cao, tối hậu của ông không phải ở đó.

Một lần (Tiên-tiến — 25):

« Tử-Lộ, Tăng-Tích, Nhiễm Hữu và Công Tây Hoa ngồi hầu ông. Ông bảo:

* « Rõ » ở đây có nghĩa là phân biệt được phải trái.

— Các anh cho rằng ta có chỗ hơn các anh một ngày * mà ngại, nhưng đừng ngại gì cả. Ở nhà các anh thường nói: «Chẳng ai biết dùng tài của] ta». Nhưng nếu có người biết thì các anh sẽ đem tài năng gì ra dùng?

Tử Lộ vội vàng đáp:

— Ví như có một nước nhỏ có một ngàn cỗ chiến xa, bị ép giữa hai nước lớn, lại có thêm nạn chiến tranh, dân chúng đói khổ, cho Do (tên của Tử Lộ) tôi cầm quyền chính trị nước đó thì chỉ ba năm, có thể khiến cho dân chúng dùng cảm mà lại biết đạo lý nữa.

Ông mỉm cười. Rồi hỏi:

— Còn anh Cầu, anh thì thế nào?

Nhiễm Hữu đáp:

— Như một nước vuông vức có sáu bảy chục dặm nghĩa là một nước rất nhỏ], mà cho Cầu tôi cầm quyền chính trị thì chỉ ba năm có thể khiến cho dân chúng được no đủ. Còn về lễ nhạc thì xin đợi bậc quân tử.

— Xích, anh thì thế nào?

Công Tây Hoa đáp:

— Về lễ nhạc, tôi không phải là giỏi, nhưng xin được học. Trong việc tế tự ở tôn miếu hay trong hội nghị các chư hầu, Xích tôi xin mặc áo lễ huyền đoan, đội mũ chương phủ mà lãnh một chức nhỏ.

— Diêm, còn anh thì thế nào?

Lúc đó Tăng Tích gảy cây đàn sắt

vừa ngưng, đặt đàn xuống, nghe reng một tiếng, rồi đứng dậy đáp:

— Chỉ của tôi khác hẳn ba anh đó.

Ông bảo:

— Hại gì đâu? Cũng là ai nấy tổ chí của mình ra mà thôi.

Tăng Tích bèn thưa:

— Như bây giờ là tháng cuối mùa xuân, y phục mùa xuân đã may xong, năm sáu người vừa tuổi đôi mươi, với sáu bảy em bé dắt nhau đi tắm sông Nghi rồi lên hững mát ở nền Vũ-vu, vừa đi vừa hát, kéo nhau về nhà (tôi ước ao như vậy).

Ông ngẫm nghĩ một chút rồi than: «Ta cũng muốn như anh Diêm».

Độc Luận-ngữ tôi thích nhất đoạn đó. Người ta chê đạo Khổng thực tế quá hóa khô khan, nhưng chính Khổng Tử có tính tình rất đa cảm và nghệ sĩ [tôi sẽ trở lại diêm này], tất cũng biết thích cái thú nhàn như Lão, Trang; nhưng ông rất ưu thời mẫn thế, phải nén sở thích để cứu đời đã, để tạo một xã hội trong đó già trẻ, trai gái ai cũng được hưởng cái thú tắm mát trong dòng sông Nghi rồi hững gió trên nền Vũ-vu, rồi ông mới có thể cùng vui với mọi người được. Như vậy là ông suốt đời hy sinh, ta vừa quý ông mà vừa phục; chứ như Lão hay Trang, thì ta chỉ quý thôi chứ không phục được.

NGUYỄN HIỂN LÊ

* Lời ông thật nhũn, so với lời Tử Lộ ở dưới lại càng nổi bật lên.

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói: 25 861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số: 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HẠ (Menthol)



BẦU LỘC ĐIỀU DÀI
Thượng hảo hạng

'Thônà mui-một cò' thơm dĩa

Sáng tác danh từ

Suốt nhiều kỳ, loạt bài này (1), chỉ được đăng lạnh lùng mà không có, hoặc có rất ít lời phê bình.

Nếu không nói lên được cái gì thì loạt bài hóa ra hơi vô lý. Nhưng chúng tôi chỉ góp ý kiến về việc sáng tác danh từ được, khi nào có thí dụ dồi dào. Và loạt bài đã đăng, là những thí dụ ấy. Nếu cứ tiếp tục đăng bài, thì cả năm cũng chưa hết. Vậy ngưng đăng vào kỳ này, là quá ít. Nhưng nếu chỉ xem bài là những thí dụ để mà minh họa lời kết luận, thì lại có thể xem là thí dụ khá dồi dào.

* *

Có thể nói rằng mỗi ngày, ít lắm là một danh từ mới được xuất hiện. Nhưng rốt cuộc còn lại không bao nhiêu trong bất kỳ ngôn ngữ nào, vì có rất nhiều danh từ yếu tử.

Thế nên tự-điền Larousse đợi vài năm, mới đưa những danh-từ mới vào sách của họ.

Cuộc bổ sung của Larousse có hai khuynh hướng :

1) Chiều ý đa số, mặc dầu danh từ có vô lý đến đâu đi nữa.

2) Chống lại với đa số, khi họ thấy rằng có thể chống được, và nếu sự chống đối là cần thiết.

Thí dụ «Bảo Đại» được xem là một nhân danh mà «Brigitte Bardot», được thế giới nói đến một ngàn lần nhiều hơn, lại không có chỗ ngồi trong tự-điền. Tên của cô đào ấy có mặt trong sách, nhưng với tánh cách khác hẳn ?

Tự-điền đã nói đến một bức vẽ chon dung cho cô B.B. của một họa-sĩ trứ danh kia.

Larousse chống lại dân chúng trong trường hợp này vì hai lẽ :

a) Tự-điền ấy cho rằng tài nghệ của B. B. không xứng đáng được người đời nhớ mãi.

b) Tự-điền ấy tin rằng sẽ thắng lợi khi mà cô B.B. xuống dốc, hoặc chính nghệ thuật chiếu bóng xuống dốc.

Vậy không phải danh từ mới nào cũng được tồn tại. Mà sở dĩ danh-từ không tồn tại là vì nó không ổn ở điểm nào đó. Mà nó không ổn vì việc sáng tác không phải luôn luôn may mắn.

Qua cuộc giới thiệu những danh từ mới của Trung Hoa, ta nhận thấy điểm cổ điển trong bất cứ ngôn ngữ nào là việc sáng tác do hai tác giả khác nhau : quần chúng và trí thức.

Thí dụ danh từ «Pháp kiểm» và «Hồng-xú-hồng» thì chắc chắn do trí thức sáng tác vì quần chúng không biết rõ thành phần của một phẩm vật để mà đưa ra hai danh-từ «kiềm» (Alcalin) và «Hồng» (Mercure) vào đó.

Nhưng không phải luôn luôn trí thức sáng tác ổn hơn quần chúng. Thí dụ trong Việt-ngữ thì danh từ *Vườn thú* của quần chúng ổn hơn danh từ *Thảo cầm viên* của trí thức,

(1) L.T.S. Xin xem BK các số 370 và 372

như đã nhận xét sơ qua trong một kỳ trước vào dịp đăng danh từ *Động-vật-viên* của Hoa, Nhật và Hàn.

Trong bài tựa quyền *Danh từ Khoa học*, ông Hoàng-Xuân-Hãn có nói rằng ngôn ngữ của bất kỳ nước nào cũng đầy đầy sự vô lý.

Đành thế, nhưng nếu có ít sự vô lý một cách tương đối thì ngôn ngữ sẽ đẹp hơn, và ít gây ngộ nhận hơn. Vào dịp thảo các hiệp-ước quốc-tế thì các nước đã thảo thành ba bản khác nhau, hai bản bằng hai ngôn ngữ của hai quốc gia đương sự và một bản bằng Pháp ngữ, gọi là bản nhơn chứng vì Pháp ngữ ít gây ngộ nhận hơn hết.

Đó là tình hình trước trận thế chiến thứ II, còn về sau này không biết ra sao, chúng tôi không thạo tin kịp lúc.

Nhưng có cách nào ngăn chặn sự vô lý hay không, để cho ngôn ngữ được đẹp và được minh-bạch?

Xưa thì không, nhưng nay thì có, vì ngày nay báo chí là một thứ quần chúng mạnh hơn cả quần chúng nữa.

Từ xưa đến năm 1940 thì về động từ « tiếp xúc », Pháp nói « *Se mettre en contact avec X* ». Nhưng kể từ năm đó thì họ nói « *Contacter X* ». Ai cũng chống lại cả, nhưng báo chí thắng.

Báo chí thắng mà không cần biện-minh, giải thích, bút chiến, cứ dùng mãi rồi thì thắng.

Vai trò của báo chí rất lớn. Vai trò ấy cũng rất lợi, mà đồng thời

lại rất tai hại, vì báo chí vốn có khả năng phổ biến mạnh cái hay, cũng có khả năng làm cho cái dở thắng thế.

Chúng tôi chỉ nói đến báo chí mà chưa văn chương ra vì các nhà văn đi ngược lại với báo chí, tức họ tránh phổ biến. Nhà văn nào đã, lần đầu tiên, nói đến « Một vẻ đẹp Liêu Trai », nhà văn ấy được khen, nhưng nhà văn thứ nhì mà nói như thế, sẽ bị chê là dùng sáo ngữ, thành thử họ cố làm cho khác thiên hạ luôn luôn.

Vai trò của báo chí rất lớn đối với ngôn ngữ thì nhà làm báo cần ý-thức về vai trò của mình về mặt đó, và cần có một căn bản vững về danh từ.

Danh từ *Hài du* = *Cirage* của Trung Hoa sai, vì người sáng tác danh từ không biết khoa học. Trung Hoa có ba danh từ tất cả để phân loại các vật không đặc:

Du : Tương đối đặc hơn nước tí ti. Dầu mè, dầu nhớt, dầu lạc đều là *Du*.

Cao : Đặc hơn *Du* một tí. Ý niệm *Cao*, trong Pháp ngữ là *Crème*. Và quả họ đã sáng tác đúng: *Crème dentifrice* = Nha cao.

Lạp : Đặc hơn *Cao*. *Cirage* đúng là *Lạp* chứ không phải *Du*, và trong Pháp ngữ có danh từ *Cire* là *Lạp* trong danh từ *Cirage*.

Thế thì *Cirage* nên đặt tên là *Hài Lạp* mà không là *Hài Du*.

Chúng tôi nhận xét sơ rằng danh từ *Hài Du* chương tãi là tãi như vậy đó.

Nếu không dùng Lạp, tạm dùng *Chi* cũng khá ổn, vì *Chi* của Trung hoa hơi giống Cao.

Hiện nay có một danh từ mà toàn quốc Việt Nam đang do dự. Chúng tôi nói tượng trưng, chớ thật ra thì có hằng ngàn danh từ như thế. Ở đây, nếu báo chí xen vào thật mạnh và có căn bản, thì tình thế sẽ được ổn định một cách tốt đẹp và vĩnh viễn.

Danh từ đó là danh từ Chauvinisme của Pháp.

Ông Đào-Duy-Anh ở đất Bắc, sáng tác là *Bài ngoại chủ nghĩa*. Tôi thấy có vài quyển sách sáng tác là *Manh mục ái quốc*. Trung Hoa phiên âm là Sa-vong.

Sự phiên âm chỉ là việc bắt-đắc-dĩ. Đó là chính ta phiên âm, chớ mượn phiên âm của Tàu thì không còn gì là cái danh từ Chauvinisme ấy cả:

Phiên âm Tàu : Sa vong

— Việt : Sô van

Vậy không nên phiên âm, cũng không nên mượn phiên âm Tàu.

Manh-mục ái quốc không ổn vì không phải lúc nào cũng có vấn đề ái quốc trong danh từ Chauvinisme. Đội túc cầu làng A. rất chauvin trong khi đấu với đội túc cầu làng B. thì đó là ái thôn xóm, chớ đâu phải là ái quốc. Thật ra thì lão Chauvin cũng chỉ ái hoàng đế Nã-bá-Luân, chớ không có ái nước Pháp.

Còn *Bài ngoại chủ nghĩa* của họ Đào thì lại trùng với *Xénophobie* mà họ

Đào cũng dịch là *Bài ngoại chủ nghĩa* (và ở đây thì dịch thật đúng). Chauvinisme mà dịch là *Bài ngoại « chủ nghĩa »* cũng không sai, chỉ phiền là nó trùng hợp với *Xénophobie*, lại to chuyện quá, trong khi kể chauvin, thường chỉ chauvin về những chuyện địa phương. Tuy địa phương kia cũng là « ngoại » đối với địa phương này, nhưng tiếng « ngoại » thường khiến thiên hạ nghĩ đến « ngoại quốc ».

Chúng tôi thấy rằng *Cuồng sùng* ổn hơn tất cả mọi danh-động-từ khác. Nhưng đó chỉ là ý riêng.

Điều mà ta cần lưu tâm đến là hiện ta đang có rất nhiều danh từ mà ta đang do-dự, và ta không nên để cho một danh từ không ổn được vững chơn trong ngôn-ngữ của ta.

Thí dụ danh từ *Caste*, hay nói đúng hơn danh từ *Warna* của Ấn-Độ, ta đang do dự đấy. Dùng *Giai-cấp* thì sai. Báo chí có nên chọn *Thế cấp* hay không, thì chọn đi cho rồi, dầu sao cũng đúng hơn *Giai-cấp*, chớ báo này viết *Giai-cấp*, báo khác viết *Thế-cấp* thì rất lộn xộn, không khéo *Giai cấp* lại thắng thì rất là không may.

Trong chữ *Warna*, màu sắc (của da người) là điểm chánh. Thế có nên dịch là « *Sắc cấp* » hay không ?

Trong thời kỳ do dự thì sự ổn định còn có thể làm được, chớ khi một danh từ sai đã thành nếp rồi thì ta sẽ đành chịu vậy.

Hiện ta có hai động từ không ổn

chút nào, nhưng ta không sao giết nó nổi :

Bắc : Mạ

Nam : Xi

Cả hai đều được dùng để dịch danh từ *Galvanoplastie* của Pháp.

Mạ là động từ tối cổ của ta, do danh từ *O'mát* của Lạc bộ Mã mà ra. Nhưng ngữ nguyên chỉ có nghĩa là *Mạ vàng*. Ta, ta nói Mạ kền = Nickeler thì có ổn hay không ?

Xi của miền Nam là phiên âm Nickeler. Nhưng Chromer, lại được nói là Xi Côm = Nickeler au Chrome, thì nghe hơi chướng tai. Nhưng ta đành chịu vậy, vì đó là hai động từ đã chiếm được địa vị muôn năm rồi.

Điều đó cho ta thấy rằng ta không nên tiếp tục «đành chịu vậy» quá nhiều nữa, vì ta đã đành chịu vậy với hằng ngàn danh từ rồi, và từ đây cho đến cuối năm 1972 có thể có 30 danh từ mới được xuất hiện.

Một danh từ không ổn sẽ làm cho ít lắm là hai, ba thế hệ người phải khó chịu, và làm cho người ngoại quốc khó chịu luôn luôn.

Pháp có danh từ là *Hui* = Ngày nay. Khi họ ghép *Au jour* với *Hui* để sáng tác *Aujourd'hui* thì nó hóa thành : Tại ngày của ngày nay.

Chắc có ba thế hệ người Pháp khổ sở về *Aujourd'hui*, và ta cứ luôn luôn bỏ ngỡ về *Aujourd'hui*.

Nếu ta ký thương ước với một

nước khác, trong đó có câu : « *Việt-Nam phải linh động trong việc cung cấp cao-su cho nước X* » rồi nước ấy ăn gian, bảo rằng « *linh động* » có nghĩa là « *làm cho mau lẹ* » rồi mời Trung Hoa làm chứng về nghĩa của hai chữ Nho đó, ta làm sao cãi được, bởi từ mười năm nay nhà nước ta đã hiểu rằng « *Linh-động = Assouplir, tùy nghi, mềm dẻo* », trong khi « *Linh-động = Làm cho mau chóng* », Trung Hoa, kẻ cho ta mượn động-từ, cũng hiểu như vậy thì ta sẽ thua, phải cung cấp cao-su mau chóng, nhưng mau chóng sao được khi mà cao-su nằm ở các vùng bất an ninh.

Sự thật thì những rủi ro loại ấy rất ít khi xảy ra. Điều mà ta nhắm vào, là làm cho ngôn ngữ ta đẹp và minh bạch. Đề mà chi thì chắc không cần phải giải thích dài dòng, vì ai cũng mặc nhận lẽ đó, sẽ không có ai hạch sách kẻ có tham vọng ấy mà phải nói nhiều. Chỉ cần nhắc nhở nhiều vì cái ý muốn đương nhiên ấy thường bị quên lãng thực hiện.

Cũng cần nhắc nhở nhiều về phương pháp thực hiện ý muốn mà các biểu đối chiếu, được đăng tải, đã cho thấy rõ.

Phạm sáng tác danh từ, nên dựa trên căn bản vĩnh-cửu thì danh từ mới tránh được cái nạn vô lý về sau. Danh từ *Điện đồng* của Trung Hoa chắc đã làm cho họ hối hận vì hình dáng « *đồng* » của đèn pile không thể nào mà trường thọ được. Tôi đã thấy các anh xếp chỗ r. ồi trong các rạp chiếu bóng cầm những cây đèn

pile giống hệt cái trứng gà. Vậy thì phải là *Điện dẫn* mới đúng. Nhưng chính tôi lại có một cây đèn pile giống hệt cây bút máy, thì lại phải là *Điện bút* hay sao?

Thấy danh từ *Hoạt du* của Trung-Hoa, ta phải hỏi hân cho danh từ *Dầu nhớt* của ta. Ở đây thì phải chọn giữa hai điều: vật thể của món đồ và công dụng của món đồ.

Trung Hoa đã chọn đúng, chọn công dụng: *Hoạt* = làm cho trơn. Ta chọn lầm, vì tánh cách *Nhớt* của món đồ thì có cả khối món khác mang tánh cách ấy. Dầu nào lại không nhớt, và Dầu nhớt, không phải là Nhớt hạng nhớt trong các thứ dầu.

Điều cốt là nên tránh phiên âm, càng tránh được càng hay, bằng không, Việt-ngữ sẽ hóa thành Nhứt ngữ mất, với cả một khối danh từ phiên-âm không lồ.

Hiện các giáo-sư Pháp đang kêu cứu rằng Pháp ngữ đang hóa thành Anh-ngữ với những Party, những Départo, những Sky, những Selfservice v.v...

Cũng may là tổ tiên ta chỉ vay mượn của Trung Hoa có chừng mực thôi, chớ như Thái thì họ gọi cả con voi, con ngựa, cũng bằng tiếng Tàu. Ta chỉ mượn danh từ trừu tượng để dùng làm ngữ căn.

Người Trung Hoa thường nỗ lực sáng tác và chỉ bắt buộc phải phiên âm nhân danh và địa danh. Họ sáng tác đến hai danh từ khác nhau để chỉ hai loại đèn Néon chẳng hạn: *Oanh-quang-đăng* — *Nghê-hồng-đăng*.

Việc sáng tác của ta thường thì không mượn tiếng Tàu vẫn hay như thường. Cách đây hai mươi năm các vị bác-sĩ đã dùng danh từ *Noãn-sào*. Nhưng ngày nay họ nói *Buồng trứng* mà không nghe chương-tai chút nào hết.

Đôi khi mượn tiếng Tàu, lại lè-thê hơn, chẳng hạn ta nói *Máy hát*, Tàu nói *Thoại-hạp-tử*, tức dài hơn ta đến một từ. Nhưng không phải luôn luôn tránh được chữ Nho và phải tránh chữ Nho. Trung dụng là con đường tốt nhất trong địa hạt này. Thí dụ: Phó-mát mà sáng tác lại mượn tiếng Tàu thì rất buồn cười. Xin dịch danh từ Tàu ra tiếng Việt: *Can lạc* = Sữa lỏng để cho khô. Nếu ta thu ngắn lại, chỉ còn: *Sữa lỏng khô*, thì lại càng khó hiểu hơn. *Sữa đã lỏng*, mà lại khô là thế nào? *Sữa đặc chẳng?* Nhưng sữa đặc đã trót được dùng để chỉ *Lait condensé* mất rồi. *Sữa khô* thì không ổn, bởi sữa bột cũng là sữa khô mà Phó-mát khác với sữa bột. « *Can lạc* » lại khó hiểu. Thế thì phiên-âm là Phó-mát hóa ra lại ổn nhứt.

Nhưng phiên-âm *Freiner* thành *Phanh* thì vô lý. Ta có lu bù động-từ có nghĩa là *Freiner*, sao lại còn phải phiên âm *Freiner*? Phiên-âm « *Vin* » thành « *Rượu vang* » cũng vô lý quá, vì ta có thể nói *Rượu nho*, nếu không muốn nói theo Tàu là *Rượu bồ-đào*.

Những trường hợp như « *siêu âm* », « *siêu thanh* » thì khó lòng mà không mượn chữ Nho.

Tuy nhiên, nên nhớ rằng có rất nhiều trường hợp mà chữ Nho và phiên âm không cần thiết chút nào hết.

BÌNH NGUYỄN LỘC

כפל

A votre service
tous les services de la

BANQUE
NATIONALE
DE PARIS

R ụ p r ụ p

Ông Bình Nguyên Lộc quả quyết rằng trong một bàn ăn mười ba người, gồm mười hai người Việt và một người Hoa, đồng vóc dáng, đồng trang phục, ngồi im không nói, ông vẫn phân biệt được kẻ Việt người Hoa.

Như vậy đã là tài, nhưng ông còn đi xa hơn: có thể nhìn hình dáng mà phân biệt được người Tàu Phúc Kiến với người Tàu Quảng Đông, người Tàu tỉnh này với người Tàu tỉnh khác. (1)

Cũng trong quán ăn, trong khi chờ đợi tô hủ tiếu, tôi có dăm ba lần theo dõi cử chỉ của người làm bếp, và chợt lấy làm ngạc nhiên vì một nhận xét. Không phải ngạc nhiên về chuyện suy tưởng nhân chủng ưa liên quan với các tiệm ăn quán nhậu. Mà là vì tôi có cảm tưởng đôi khi có thể nhìn mà phân biệt một người Việt miền Nam với một người Việt miền Trung, tức một đồng bào ở miền ông Bình Nguyên Lộc với một đồng bào ở miền tôi. Nói cách khác, tôi có cảm tưởng mình cũng... tài giỏi như ông Bình Nguyên Lộc: cái mới kỳ cục!

Một buổi trưa, ở Cần Thơ, trong một ngôi quán đầu một ngõ hẻm gần bến xe Lam, lần đầu tiên tôi chú ý đến điệu bộ có vẻ ngộ nghĩnh của người chủ quán.

Ngôi quán khá chật và tối. Giữa trưa, trong quán vẫn có ngọn điện vàng cạch thả toong teng trên đầu

người chủ. Người này mặc mai-ô, quần lính, đầu đội chiếc mũ địa phương quân rộng vành, chân mang đôi giày da đen, không vớ. Tại sao phải giày và mũ trong một chỗ kín như thế? Có thể chỉ là một thói quen, hay chỉ là một trường hợp ngẫu nhiên nào đó; nghĩa là một chi tiết không có ý nghĩa gì. Tuy vậy tôi vẫn ghi lại, vì hình ảnh ấy tưởng còn hiện hiện trước mắt tôi lúc này. Hình ảnh một người khỏe mạnh, nhanh nhẹn, và làm việc hào hứng.

Mỗi người có một cách biểu lộ sự hào hứng. Riêng cái cách của người chủ quán hôm ấy, trời ơi, trông mà mê. Hai tay ông ta thoăn thoắt: chặt khúc xương, xắt lát thịt, gấp mớ ớt, múc vá nước dùng từ trong thùng đồ ra tô, xóc xóc mớ hủ tiếu vừa mới trụng qua nước sôi, rắc một tí tiêu bột v.v... Tất cả bấy nhiêu cử chỉ đều rập ràng, hơi có vẻ nhún nhẩy. Mỗi cái hươ tay, cái nhắc lên hạ xuống, đều như có gì quá mức cần thiết một chút. Mỗi cử chỉ bao hàm bảy tám phần cần thiết, lại thêm vài ba phần thừa thãi, chỉ để cho đẹp mắt, để biểu diễn sự thích thú trong công việc. Động tác nghề nghiệp gần chuyển thành sự múa men. Một điệu vũ ca ngợi lao động.

Đứng bên chủ quán là bà vợ, tôi

(1) Nguồn gốc Mã-lai của dân tộc Việt-nam, Bách Bộc xuất bản, 1971, trang 736, 737.

đã tưởng bà làm công việc chạy bàn. Nhưng không : Lúc một cậu bé gầy gầy cưỡi chiếc xe đạp vụt về trước cửa, xách vào cục nước đá, thì đã rõ đây mới là người chạy bàn chính thức ; người đàn bà chỉ tạm thời thay thế cậu ta trong chốc lát.

Khi đã đủ một vợ một con bên mình, chủ quán điều động càng hào hứng :

— Bàn trong. Một nhỏ một lớn. Rồi ! Bưng.

— Bàn ngoài, số 1. Tô lớn, khô. Rồi ! Bưng, bàn số 1.

— Bàn số 3 tính tiền. Tám chục với ba lăm là trăm mười lăm. Trăm mười lăm với tám đồng là trăm hăm ba. Trăm rưỡi trừ trăm hăm ba, còn lại...

Bà vợ nhắc :

— Hăm bảy.

— Hăm bảy. Nè !

Ông ta đưamón tiền lẻ, cậu con mang ra cho khách. Rảnh tay, ông ta chặt một miếng cánh gà, nhỏ nhỏ, quăng gọn vô mồm, nhai. Lại nhanh nhẹn chặt luôn miếng khác, trao cho vợ. Người đàn bà thụt né vào sau cánh cửa ; ăn xong lại lộ ra, sẵn sàng...

— Tô nước, tô khô. Bàn số hai. Rồi !

Cứ thế, chủ quán làm việc, cắt đặt công việc, điều khiển vợ con v.v..., điệu bộ vẫn lại cứ như có gì thừa thãi một chút. Bảy tám phần cần thiết, đôi ba phần để bày tỏ sự hài lòng, để biểu diễn sự hoạt động ăn khớp của một tổ chức hoàn hảo, một

bộ máy hợp khuôn rập, chạy đều ro ro.

Vừa rồi có lẽ đã có sự lạm dụng : hầu hết mỗi câu nói của người chủ quán đều có một tiếng «rời». Nếu tôi ghi nhớ sai, ấy là vì đã quá chú ý đến tiếng đó. Nhưng hay nhất, ngộ nhất lại là cái tiếng «rời» tượng tượng, phát ra từ mỗi cử chỉ. Mỗi cử chỉ — ngắt cộng rau, xóc mớ hủ tiếu v.v... — đến chỗ sau cùng thường được gán mạnh. Như thế một tiếng «rời» phát ra bằng động tác thay vì bằng âm thanh : Một tiếng câm.

Dẫu sao lần ấy tôi không có một đối tượng quan sát im lặng như ông Bình Nguyên Lộc ; nhưng các lần sau này thì họ im lặng.

Sau buổi trưa ở Cần-thơ, về Sài-gòn những lần vào quán hủ tiếu, tôi sức nhớ hình ảnh họ, và tò mò nhìn theo chủ quán : thỉnh thoảng lại gặp những điệu bộ ấy. Có khi ở một người đàn bà, có khi ở một người đàn ông đứng tuổi. Họ nhanh nhẹn, mau mắn ; nhưng cái đặc biệt là, trong cử chỉ, họ như muốn nhấn mạnh vào tính cách toàn hảo của những hoạt động rập ràng mau mắn ấy.

Những người ấy họ có cung cách làm việc giống nhau. Cung cách ấy, gọi nó ra sao ? Tôi tìm một chữ để diễn tả. Tôi loay hoay tìm kiếm... A ! Đây rồi : «Rup rup» ! Họ làm việc «rup rup».

Chữ nghĩa sao mà thần tình. Lại chính là một tiếng địa phương ra đời ở miền Nam này. Thế mới biết

sự xuất hiện của một tiếng nói mới không bao giờ là chuyện ngẫu nhiên, không lý do. Phải có một thực tại mới, đòi hỏi được mô tả sát đúng. Phải có một sự cần thiết réo gọi nó, đích danh nó.

« Rục rục » là một đáp ứng tài tình cho một đòi hỏi như thế. Làm rục rục không phải chỉ là làm mau mắn, mà còn với một vẻ hứng chí trong sự mau mắn.

— Nhưng tại sao lại bảo đó là của miền Nam? Đâu phải người nào trong Nam cũng làm việc rục rục?

— Tất nhiên đó không phải là tác phong của toàn thể. Cũng không thể nào biết được là tác phong của một tỉ lệ người Nam lớn nhỏ ra sao. Có điều tác phong ấy không gặp thấy ở các miền ngoài. Vả lại, còn có chuyện khác...

— Nào, xem chuyện khác có gì rõ rệt hơn chăng?

* * *

Trong một bài tục ca của Phạm Duy, có câu: « Người dân nhìn thoáng hết hồn luôn », lại có câu « Lệnh đi thì chết, cấm sờ luôn ». Những tiếng « luôn » dù-giống kiểu đó không có trong ngôn ngữ các miền ngoài. (1)

Cũng thế, ở ngoài Trung mỗi khi xe đồ dừng lại dọc đường, hành khách lên xong, anh « ết » hô to cho tài xế nghe: « Chạy ! » ; ở trong Nam, anh ta hô: « Chạy luôn ! ».

Tại sao lại *luôn*? Những tiếng « luôn » ấy không có nghĩa, nhưng dĩ nhiên không phải không có công dụng. Trái lại, công dụng đó thường khi

khiến nó còn được xem trọng hơn những tiếng có nghĩa rõ rệt đứng trước nó. Chẳng hạn trong trường hợp « chạy luôn »: tiếng « chạy » hô phớt qua, tiếng « luôn » được gần mạnh. Người ta nghe « Ch... luôn ! » ; có khi chỉ nghe có một tiếng « Luôn ! »

Không chừng đó cũng là trường hợp đã xảy đến cho tiếng « vô ». Mời nhau uống rượu, anh em hô: « Đô ! » Có lẽ thoát tiên là tiếng « nhậu vô », « uống vô » chẳng? Dần dần tiếng trước bị lướt phớt qua rồi bị bỏ rơi. Chỉ còn lại tiếng sau; từ một tiếng trợ từ, nó tiến lên nhận lấy cái nghĩa của các tiếng nhậu, uống.

Trong « chạy luôn », nghĩa ở tiếng chạy; trong « hết hồn luôn », nghĩa ở hết hồn; trong « nhậu vô », nghĩa ở nhậu v.v... Còn tiếng « luôn »? Nó thêm vào một thái độ phát biểu, không thêm gì vào cái ý nghĩa đã phát biểu. Trong « chạy luôn » chẳng hạn. « luôn » là một tiếng kêu hơn là một tiếng nói: nó phát lên để tỏ thái độ thúc dục, nó không nói gì về cái nội dung của sự thúc dục ấy. Nó

(1) Trong cuốn *Khảo luận về ngữ pháp Việt-nam* của Nguyễn hiến Lê và Trương văn Chính, tiếng « luôn » được nói đến ba lần (các trang 242, 247, 258), không có lần nào đề cập đến cách dùng này.

Trong cuốn *Lột trần Việt ngữ* (Nguồn Xưa xuất bản 1972, trang 285, 286) Bình Nguyên Lộc có nêu ra tiếng « luôn » đặc biệt của miền Nam, do chữ « luôn » của người Mạ, và có nghĩa là: « Tiện tay làm thêm một công việc ». Ví dụ: « Mày quét nhà rồi quét sân luôn nghen ». — Nhưng tiếng « luôn » của Bình Nguyên Lộc — dù đặc biệt — vẫn chưa phải là tiếng « luôn » của « hết hồn luôn ».

có công dụng về ngữ khí, chứ không phải về ngữ ý.

Như vậy trong cách nói này cái nội dung, cái cần thiết, đôi khi bị lướt qua; cái phụ, có phần thừa thãi, lại được nhấn mạnh.

Lại cái thừa thãi.

Trong cử chỉ, một chút gì thừa, vượt quá sự cần thiết; trong lời nói, cũng một chút gì thừa, vượt quá sự cần thiết. Cử chỉ và lời nói đều được phóng đại lên...

— Vẫn không có gì rõ rệt.

— Không rõ, về mặt nào?

— Một dấu hiệu để phân biệt bản sắc địa phương như vậy không mấy cụ thể.

— Thực ra ở đây vẫn đề không phải là đi tìm một dấu hiệu phân biệt. Cái đó đâu cần tìm kiếm nữa? Đã có sự khác nhau thật rõ ràng, thật cụ thể, ấy là cái chỉ số sọ của ông Bình

Nguyễn Lộc: cuộc di cư của nhóm Trần Thắng Tài, Dương Ngạn Địch làm cho đồng bào ta ở miền Nam có xương sọ hơi dài thêm (1). Kẻ Nam người Bắc tha hồ yên lặng, ông Bình Nguyễn Lộc đo đạc là biết ngay.

Vậy ở đây không có chuyện tìm một dấu hiệu phân biệt. Chẳng qua là chớp bắt một nét cá tính phản ánh trong phong cách, ngôn ngữ. Và hình như sự phản ánh không dừng lại ở vài tiếng trợ từ, ở mấy điệu bộ. Hình như trên sân khấu cải lương, một bộ môn nghệ thuật của miền Nam, chúng ta có cảm tưởng nhận thấy cá tính ấy xuất lộ ở phong cách diễn xuất...

— Cảm tưởng? Không có gì rõ rệt.

— Quả nhiên.

VÕ PHIẾN

(1) Người gốc Mã-lai của dân tộc V.N. trang 453

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

DÃ-SỬ hay ĐẠI-NAM ĐỒNG-VĂN NHẬT BÁO?

Khi đi tìm tài liệu về Tá: giả «Diệu-Liên thi tập» (1) tình cờ tôi được đọc quyển Dã-sử do ông Hồ-Đắc-Ý phiên dịch, Trung-tâm Học-liệu xuất bản.

Đọc qua bài tựa của dịch-giả và đọc xong quyển Dã-sử tôi toát mồ hôi lạnh. Mặc dầu sách đã xuất hiện từ lâu tôi vẫn thấy phải có bốn phần lên tiếng cùng các bậc thức-giả.

Sách Dã-sử in từ năm 1968 nhưng mãi đến nay tôi mới được đọc vì một lẽ hết sức giản-dị: Sách do Trung-tâm Học-liệu xuất bản rất ít phổ biến. Có lẽ mọi sự đều do việc phát hành hạn chế mà ra. Tại sao có sự-kiện đó? Trung-tâm Học-liệu chỉ cốt in sách chứ không cần bán? hay huê hồng ít nhà sách không muốn mua? hoặc không có độc giả để đọc?

Dẫu thế nào đi nữa ba năm sau khi sách ra đời mới được đọc cũng thật là một việc quá muộn màng. Nhưng quãng thời gian dài đằng đẵng đó cũng đủ khiến cho tôi giật mình kinh sợ, quyển sách có đến tay các bậc thức-giả không? Vì lý do nào mà đã không có ai lên tiếng?

Ni n-đại tập Dã-sử

Trong bài tựa dịch-giả không cho biết xuất xứ tài liệu do đâu mà có và chỉ ghi là Trung-tâm Học-liệu Bộ Văn-hóa Giáo-dục giao cho phiên

dịch. Sách không ghi tên soạn-giả và soạn từ năm nào? Nếu chỉ có thế thì chẳng nói làm gì, đằng này ông lại còn suy đoán một cách quá sai lầm: «Coi văn-chương và truyện đã chép có lẽ cũng gần đây không xa, vào thời Minh-Mạng, Tự-Đức». Thật lạ lùng! Dịch-giả căn cứ vào đâu mà bảo sách thuộc thời Minh-Mạng, Tự-Đức? Căn cứ vào những chuyện có ghi niên-hiệu Tự-Đức chẳng? Căn cứ vào những bài thơ của Tùng-Thiện-Vương, Tuy-Lý-Vương chẳng?

Suy đoán như thế tỏ ra dịch-giả quá vội vàng nếu không nói là cầu-thả. Và cũng thế, quý vị trong Hội-đồng duyệt-sách đã làm một việc tắc trách.

Nếu chỉ đọc bài tựa của dịch-giả rồi đọc đến những bài nói về tàu thủy «khi máy chạy sinh sịch như máy xe, khói tuôn như mây, nước phun như rồng» ta có thể dễ lầm lạc đánh dấu hồi đời Tự-Đức nước ta văn-minh đến đóng được tàu thủy? hoặc đến câu «Tòa soạn họp bàn» ta sẽ không khỏi kinh ngạc đời Tự-Đức cũng có báo sao! Và đã biết tổ chức thành Tòa soạn, tiến bộ đến mức đó?

(1) Bà Mai-Am công chúa, con vua Minh Mạng, em gái Tùng-Thiện-Vương. Sách Dã-sử có trích đăng bài tựa Diệu-Liên Thi tập của Tuy-Thạnh Quận-công Trương-Quảng Khê.

Biết đâu vì uy tín của Bộ Giáo-dục, vì tin ở cơ-quan tu-thư của chính-phủ mà những độc giả như học sinh, sinh viên có thể mặc nhiên nhận những ý-kiến phát-biểu trong sách như vậy. Phương chỉ những ý-kiến đó lại được thông qua dưới hình thức một Hội-đồng duyệt-sách thì lại càng làm người ta dễ lạc lối hơn.

Mà phải khó khăn bí ẩn gì cho cam, việc sờ sờ ra đó mà các vị lại không chịu đề vào mắt xanh.

Đây là một vài dẫn chứng :

Bài 19 và 22 ta thấy ghi chuyện năm Tân-Mão, bài 45 ghi chuyện năm Nhâm-Thìn.

Năm Tân-Mão và năm Nhâm-Thìn không cần dò lịch, cứ tính từ năm Ất-Dậu (1885) trở đi sẽ thấy là năm 1891, 1892.

Bài 40 lại có chi tiết quan trọng cho ta khẳng định niên-kỷ này đúng : «Giấy thép trong bộ Lễ gọi ra cho hay thi khoa Đình này con quan T. T. Nguyễn-Phiên là Nguyễn-Thượng Hiền đậu Nhị-giáp Tiến-sĩ Đệ-nhất-danh.» (D.s trg 46).

Khoa này chính là khoa Nhâm-Thìn 1892, Nguyễn-Thượng-Hiền đỗ Hoàng-giáp còn Vũ-Phạm-Hàm đỗ Tam-nguyên Thám-hoa. Cho nên ông Thám Hàm mới có câu đối xách mé tặng ông Mai-Sơn :

*Nhị giáp do năng khôi đề phẩm
bất hư danh hạ sỹ*

*Nhất bảng tinh tứ đệ, giang sơn
tằng lão nhĩn trung nhân.*

(Đỗ Nhị-giáp cũng như đỗ đầu, người ta đồn ông có tiếng hay chữ thật không sai. Một bảng vua đều cho đỗ cả, giang sơn này mắt đã quen nhau nhiều lần rồi.)

Câu trên nói ông Hiền đỗ dưới ông Hàm, câu dưới nói ông Hàm đã quen thấy ông Hiền kém mình ngay từ khi thi Hương rồi (1)

Chưa hết trong tập sách, còn bài «Biểu xú Bác-kỳ tạ ơn» của Thám-hoa Vũ-Phạm-Hàm (1864-1910) (2) làm vào dịp lễ Tấn-Phong. (Dã sử trang 50)

Vũ Phạm-Hàm (2) đậu Giải-nguyên năm 21 tuổi, năm Giáp Thân, (1884) đời vua Kiến-Phúc, qua năm Ất-Dậu (1885) đời vua Hàm-Nghi, Kinh-thành Huế thất thủ, khoa thi bãi bỏ, đến năm 1892 ông mới đi thi lại và đỗ Thám-hoa. Biểu này, hoặc có thể làm vào dịp lễ Tấn phong vua Thành-Thái lên ngôi năm 1889, hoặc có thể nhằm vào dịp lễ Tấn phong vua Duy-Tân lên ngôi năm 1907. (?)

Trong sách còn nhắc đến đức vua cha Huệ Hoàng-đế (trang 37) nghĩa là ám chỉ vua Dục-Đức phụ-Hoàng Đức Thành-Thái.

Thế thì rõ ràng sách này nhắc đến những sự-kiện xảy ra khoảng từ năm 1891 dưới niên-hiệu Thành-Thái. Còn những chuyện Dã-sử và

(1) Xem Lãng-nhân — «Giai thoại Làng Nho» trang 669.

(2) Vũ-Phạm-Hàm ít lâu sau đỗ Thám-hoa được bổ về làm ở Đại-nam Đồng-văn nhật báo.

thi ca chỉ là những bài sao lục, chép thêm của nhiều đời (1) không thể căn cứ vào đó mà định thời gian của tập sách này được.

Chuyện rõ ràng như vậy mà không biết tại sao dịch-giả không lưu ý đến? Hội-đồng duyệt-sách cũng chẳng thêm đề tâm? Những tên Nguyễn-Thượng-Hiền (1867 - ?) Vũ-Phạm-Hàm (1864-1910) Nha Kinh-lược (1890 - 1897) lại không thể gọi cho Ông một thời đại sao? Rồi những danh-từ như: Tàu thủy, hăng diêm, thưởng cho 1 chiếc máy-day, tòa soạn, nhà báo, ống dòm, lại không tạo được nghi vấn nào, đề các ông thông dong kết-luận sách viết vào đời Tự - Đức, Minh-Mạng?

Xuất xứ tập Dã-sử

Phần chính tập Dã-sử không phải là những chuyện Dã-sử vì loại này tương đối rất ít khoảng 20 bài, thơ tuyển 30 bài, còn lại khoảng 50 bài đều có giọng thời-sự, tin tức trường thi, tin nhà cháy, phép nuôi trẻ, cách trồng cây, bột chuối mới chế, vừa thông-tin vừa bình-luận. Nếu bảo đó là sách Dã-sử thì rõ là chuyện vẽ rắn thêm chân.

Thật ra đây không phải là một tập sách có tính cách nhất trí mà chỉ là những bài báo được sao chép lại vì đọc những bài có tính cách thời sự ta dễ dàng nhận thấy lỗi hành văn không phải giọng viết sách mà là giọng viết báo.

Trong bài « Tòa báo họp bàn » ta lại thấy rõ hơn chủ-trương của Đại-

Nam Đồng-Văn Nhật-báo một công-cụ của Nha Kinh lược: « Fồn cục đặt ra đề rộng kiến-văn, giúp chính-thề, một việc gì, một lời gì, cũng đăng lên mặt báo do quý phủ kiểm-duyet cho phát hành ».

Nha Kinh-lược lúc bấy giờ do Hoàng-Cao-Khải phụ trách. Họ Hoàng là tên Việt-gian đầu sỏ khét tiếng ở miền Bắc cũng như Trần-Bá-Lộc ở trong Nam và Nguyễn-Thân ở miền Trung. Hoàng-Cao-Khải giữ chức Kinh-lược-sứ Bắc-kỳ từ năm 1890 đến năm 1897.

Thế nên trong tập Dã-sử ta thấy có những bài kết án những người chống đối, ca tụng những kẻ đầu hàng và tán dương lòng khoan dung của chính phủ Bảo-hộ.

Tuy nhiên bên cạnh những lời xu-nịnh họ Hoàng « Trông non đến Trung-Hoa (2) là cao, trông nước đến Hoàng-hà là sâu, trông người đến quan Thái-úy họ Hoàng là giỏi » (trang 16) ta vẫn đọc được lời công-kích thâm trầm sâu sắc của một nhà nho chữ khéo Hoàng Cao-Khải:

« Trong đời chỉ có đồng-loại là đáng sợ hơn cả, như tranh của cải, tất là con cùng cha, tranh tình yêu tất là vợ cùng chồng, tranh lợi tất là người cùng nghề, hễ cái thế càng gần càng ngại, càng tìm cách hại lẫn nhau, như bầy chim lấy chim làm mồi đâu có lấy cò gà làm mồi. Săn nai lấy nai làm mồi, đâu có lấy

(1) mà các mục Văn-uyên của tạp chí vẫn đăng.

(2) Chắc chép lầm: đúng là Thái-sơn

dê, heo làm mồi bao giờ. Cho nên kẻ phân gián làm nội-ứng cũng đều dùng người đồng loại cả, nếu không phải đồng loại khó bề trà trộn vào đó được, khó tìm kẻ hở mà lọt được, xét kỹ chính hồ lại sợ hồ chớ sao » (trang 5).

Ở chỗ này dịch giả có lời bàn : « Vào cuối thế-kỷ trước, người Pháp tới xâm chiếm nước ta, áp dụng chính-sách dùng người Việt hại người Việt... » khiến ta ngạc nhiên ông đã đạt tình thấu lý như vậy mà tại sao ông không bước hơn bước nữa để đến chỗ phân-định được thời-gian xuất-hiện của tập sách này.

Tại sao có tập Dã-sử này ?

Trên đây chúng tôi đã trình bày là dịch-giả không ghi rõ xuất-xứ tác-phẩm lấy từ nguồn tài-liệu nào. Ông chỉ ghi là của Trung-tâm Học-liệu giao cho dịch. Ta có thể phỏng đoán tập Dã-sử này có lẽ là một trong số những tài-liệu của Trường Viễn-đông Bác-cổ mà họ đã mua vội mua vàng của bọn con buôn đánh tráo. Trường Viễn-đông mua xong chỉ việc đánh sổ để đó chưa có thời giờ khảo chứng. Bây giờ Trung-tâm Học-liệu đem ra phiên-dịch, yên trí tài-liệu cỡ không cần phải nghiên cứu rạch ròi gì hết. Hoặc là Trung-tâm Học-liệu chỉ nhằm mục đích dịch thuật phổ biến tài liệu còn việc kiểm tra sẽ tùy thuộc vào một đợt chương-trình khác ?

« Công-ty tàu sông ở Hải-Phòng, vừa đóng xong 1 chiếc tàu thủy » (trang 8).

« Tín điện chiều qua... » (tr. 18).

— Theo tờ thông-tư của Nha Kinh lược (trang 36).

— Mở tờ báo kỳ này (trang 51)

Toàn là giọng thông tin cả.

Thế thì những bài báo này trích ở đâu ?

Tôi ngờ rằng xuất xứ từ tờ « Đại-Nam Đồng-văn Nhật-báo. »

Theo ông Dương - Quảng - Hàm trong Việt-nam Văn-học Sử khái-yếu, năm 1892 tờ Đại-Nam Đồng-Văn nhật báo xuất hiện lần đầu tiên trong làng báo Bắc-kỳ bằng chữ nho do Nha Kinh-lược chủ-trương (1) đến năm 1907 Đại-Nam Đồng-văn nhật-báo đổi tên là Đại-Nam Đăng-cổ từng-báo thêm phần quốc-ngữ do Nguyễn-Văn-Vĩnh làm Chủ-bút và Phan-Kế-Bình làm trợ-bút.

Nếu so với năm tháng chứng-minh trên, ta thấy có một sự trùng hợp rõ rệt giữa niên kỷ xuất hiện của tờ Đại-Nam Đồng-văn nhật-báo với nội-dung những bài báo chép trong tập Dã-sử này. Chẳng biết có thật đúng như vậy không. Nhưng nếu thật sự như thế thì Đại-Nam Đồng-

(1) Theo cuốn Kim Vân Kiều do nhà Sông Mới xuất bản thì ông Bùi Khánh Diễm làm Chủ bút tờ báo này. Theo sách Tang Thương Ngẫu Lục của dịch giả Đàm Nguyên thì các cụ Phó Bảng Nguyễn Cúc Sơn và Phó Bảng Kiều Oánh Mậu đều là cộng tác viên của Đại-Nam Đồng-văn nhật-báo.

văn nhật-báo không phải đợi đến năm 1892 mới xuất hiện mà chính ra đã có từ năm 1891: « Mở tờ báo kỳ này (tháng sáu nhuận năm Nhâm Thìn) đã tới số 50 vừa tròn 1 năm » (trang 51) (1).

Đến tháng sáu năm Nhâm-Thìn (1892) mà vừa đúng 1 năm thì có lẽ Đại-Nam Đồng-văn nhật-báo ra đời khoảng tháng sáu năm Tân-Mão (1891) tất cả được 50 số, ta có thể suy đoán thêm: tờ báo này ra hằng tuần chứ không phải hằng ngày.

Dương-Quảng-Hàm bảo Đại-Nam Đồng-văn nhật-báo là tờ báo của Nha Kinh-lược. Sự thật như thế. Bài « Điều hay không sót » trong tập Dã-sử đã nói rõ điểm này cùng mục-đích tờ báo:

« Theo tờ thông-tư của Nha Kinh-lược, đặt tờ báo cốt để rõ thể nước và hiểu tình dân, không phải cốt ở chuyện giấy mực mà thôi, các việc chính-trị, kinh-tế, xã-hội văn-học đều chép đăng báo... »

Bài đó cũng cho ta biết tại làm sao họ lại bày ra mục Dã-sử:

« Mong rằng ngoài tờ thông-tư này, các nơi có việc gì hay, hoặc từ trước, hoặc mới đây, hoặc lời quê chuyện lạ, như những chuyện cháu ngoan con thảo... đều được trình duyệt, sẽ giao nhà in lựa đăng trên mặt báo... » (Dã-sử trang 36, 37).

Chính vì mục đích đó mà Đại-Nam Đồng-văn nhật-báo mới có mục Dã-sử sau biến thành nhan của tập Dã-sử này.

Người sao chép tập tài-liệu này có lẽ do thói quen của một nhà nho ham đọc, ham chép, thích giữ gìn tài-liệu. Nên khi đọc Đại-Nam Đồng-văn nhật-báo, ông đã cẩn thận sao chép những bài nào ưng-ý, và hình như vì bắt đầu từ câu chuyện dã-sử « Quận công Phong Lâu » trong mục Dã-sử nên sau đó lẫn lộn trong tập sách mới có bài « Chép thêm điều sót trong Dã-sử ». Thế là từ đề-mục của một bài báo biến thành tên một quyển sách rồi nhân việc thấy Trường Viễn-đông Bác-cổ mua tài-liệu mà đem bán đi, vô tình hay cố ý thì không rõ.

Dịch giả sách này thấy nhan đề Dã-sử hay và có thể có đôi chút huyền-hoặc nên ông giữ nguyên nhan-đề và có thể cũng vì cho rằng Dã-sử không phải là chính sử nên chẳng cần bận tâm đến thời-tính của tập sách.

Và phải chăng quý vị có trách nhiệm duyệt-xét sách này cũng chia chung một quan-niệm như thế nên mặc-nhiên cho ấn-hành tập sách này.

Ai cũng phải công nhận rằng những sách do Bộ Giáo-dục xuất bản có một ảnh-hưởng rất lớn. Ảnh-hưởng đó có tính cách chung quyết và khó sửa sai. Thành ra một cơ-quan chính-thức của Bộ không thể cầu-thả bừa bãi được, ấy thế mà chúng ta cứ vẫn phải chứng-kiến cảnh bừa-bãi tắc-trách xảy ra.

(1) Theo Âm lịch năm Nhâm-Thìn (1892) nhuận 2 tháng sáu.

Bề ngoài thì lễ lối làm việc của Trung-tâm Học-liệu rất có qui củ và khoa học. Quyền Dã-sử trước khi ấn hành được giao cho một Hội-đồng duyệt-sách. Thật là chu đáo. Các vị trong Hội-đồng lại toàn là những người có uy tín trong học giới.

Đã thế trong « Thay lời tựa » ông Hồ-Đắc-Ý còn cần thận ghi : « Hội-đồng duyệt-sách quyết định bỏ bớt những bài không hay và sửa chữa bản dịch ». Điều đó chứng tỏ Hội-đồng đã thật sự quan tâm đến tác phẩm, họ đã cân nhắc từng ly từng tí nên bỏ bài nào, chọn bài nào, nghĩa là có đọc kỹ nội-dung quyền sách. Nhưng hỏi ời, có phải đúng như vậy không ? Tôi nghĩ rằng quý vị đó đã không làm đến mức như vậy. Bởi nếu quý vị đó chịu khó chú-ý lấy một chút họ đã không để tái diễn cái cảnh hòn ngọc của Biên-hòa, hai lần qua mắt hai vua Sở mà vẫn cứ thấy đá là đá.

Thành ra không hiểu quý vị đã làm việc theo tiêu-chuẩn nào, quý vị có ý-thức được vai trò và trách nhiệm của mình không ?

Thường một tài-liệu cổ trước khi dịch-thuật, trước khi công-bố, vấn-đề tiên-quyết phải đặt ra : « Trường hợp hiện-hữu của tác phẩm có khả năng không ? » Đây là giai-đoạn khảo-chứng tài-liệu. Công việc đó tối quan trọng. Một cơ-quan của nhà nước lại là cơ quan của Bộ Giáo-dục, tôi tưởng hơn ai hết, Trung-tâm Học-liệu phải làm công việc đó. Nếu không, những phán-quyết của một cơ-

quan giáo-dục đã tạo thành những thành-kiến khó gột rửa được. Trường hợp «Chinh-phụ ngâm» mặc dù nhiều học-giả quyết tâm trả lại vòng hoa vinh-quang cho Phan-Huy-Ích, mà lẽ phải như vậy, nhưng định-kiến của độc-giả vẫn không thay đổi. Trường hợp bài văn-tế cá sấu giả mạo gán cho Hàn-Thuyên cũng vậy, bao nhiêu lần người ta đã cải chính mà rồi học sinh vẫn cứ đinh ninh là có thật. Cho hay định-kiến ban đầu quan trọng thật. Một tập cổ-thư đem phiên-dịch nếu không chỉ rõ nguồn gốc tài-liệu cùng niên-đại, nếu không chú-thích tường tận có thể trở thành vô giá trị. Phương chi lại chỉ dẫn sai lầm !

Viết bài này tôi chỉ muốn đề nghị Trung-tâm Học-liệu nên cấp thời phối-kiểm lại tài-liệu « Dã-sử » và phải gấp rút đính chính sự sai lầm này để những người dùng sách — đa số là Sinh viên — khỏi rơi vào những dẫn-chứng sai lầm nghiêm trọng (1).

NGUYỄN THIẾU DŨNG

(1) Tuy nhiên công trình này lại có một lợi ích bất ngờ khác. « Dã-sử » là một tài liệu rất quý giá cho văn học, đó là dấu tích còn sót lại của tờ Đại-Nam Đồng-văn nhật báo, tờ báo đầu tiên ở Bắc-kỳ, tờ báo mà đến nay không còn ai lưu giữ hoặc nếu có cũng khó đến mắt chúng ta. Những ai hằng lưu tâm đến quá trình phát triển báo chí Việt-Nam có thể tìm được nhiều lợi ích khi nghiên cứu tài liệu đó : nghĩa là bỏ tiền ra mua một tập « Dã sử » chúng ta lại có ngay tập... Đại Nam Đồng văn nhật báo với một số bài được tuyển chọn. Đó là một chuyện đáng cười... ra nước mắt của việc nghiên-cứu cổ-văn Việt-Nam.

Một vài cảm nghĩ

về loạt bài của Georges E. Gauthier viết về Phạm Duy

L.T.S. Sau bài chót của Gauthier « nghĩ về nghệ thuật Phạm Duy » (B.K. 375) chúng tôi đã nhận được bài của một bạn đọc trẻ — Ô. Lê Đông Yên — muốn « đáp lễ » cùng Gauthier. Mặc dầu sự « thích » và « không thích » của người viết rất chủ quan và có hơi khắc nghiệt đối với nhạc Phạm Duy — trong 15 năm trở lại đây ông chỉ ưa được có 3 bài của tác giả Tâm ca, Đạo ca... — nhưng ông bày tỏ cảm nghĩ rất thành thực. Chúng tôi vui lòng giới thiệu cùng bạn đọc những cảm nghĩ thành thực này coi như chấm dứt loạt bài về nhạc Phạm Duy đã đăng trên Bách Khoa hơn một năm nay.

Tôi đã theo dõi loạt bài của G.E. Gauthier viết về nghệ-thuật Phạm-Duy, suốt từ đầu đến cuối, không phải là không có ít nhiều chạt-vật. Số là trong thời gian còn ở quân ngũ, nhiều khi không thể tìm được một cuốn Bách-Khoa suốt cả tháng trời. Bách-Khoa là một tạp chí thuộc vào loại chọn lọc nên không dễ gì kiếm được ở các thị trấn lẻ mỗi khi có dịp ghé qua. Dù vậy, như đã nói, tôi đã đọc trọn vẹn những bài viết của G.E. Gauthier. Phải nhận rằng nếu loạt bài trên được viết bởi một người Việt-Nam, dù người đó là Tạ Ty đi chăng nữa, nó cũng không thể có tính cách hấp dẫn bằng loạt bài của nhà nhạc-học trẻ tuổi người Gia-Nã-Đại nọ.

Đọc Gauthier tôi chắc người Việt-Nam nào cũng cảm nhận ít ra là đôi chút hãnh diện. Tôi đã xúc động và rất hãnh diện khi đọc loạt bài của ông. Mặc cảm thua kém của người

dân nhược tiểu khiến tôi có niềm hãnh diện đó. Từ trước tới nay, hầu như chưa có nghệ sĩ Việt-Nam nào, còn sinh tiền, được một người ngoại quốc dành cho nhiều cảm-tình ưu ái làm vậy. Và dù rằng Phạm-Duy là một nhạc sĩ đã gây được tiếng tăm quốc-tế, và G.E. Gauthier, thì cho đến những ngày gần đây — những ngày ông bắt đầu viết về Phạm Duy — mới được một số không mấy đông đảo người Việt-Nam biết tới, tôi vẫn coi thường chuyện đó và vẫn lấy làm hãnh diện vì Gauthier đã viết về một đồng bào tôi.

Với vài dòng cảm nghĩ phôiển diện này, không bao giờ tôi dám liều lĩnh đặt chân vào lãnh vực nhạc học, một lãnh vực mà tôi rất dốt. Song chỉ đề nói lên một vài ý nghĩ nho nhỏ, một sự đóng góp khiêm nhượng bên cạnh những ý-kiến sâu sắc của G.E. Gauthier. Gauthier có thể coi đây như một sự « đáp lễ » — sau sự « đáp lễ »

của chính Phạm Duy — của một độc giả Việt Nam tầm thường.

Cảm nghĩ đầu tiên của người viết : G.E. Gauthier là một người chân-thành ngưỡng-mộ Phạm-Duy. Sự ngưỡng-mộ ấy có ảnh-hưởng đến tính cách vô-tư của một nhà phê-bình hay không, chúng ta không bàn tới ở đây. Tác giả loạt bài về Phạm-Duy đã không hề hà-tiện khi dùng những từ-ngữ này để thẩm định giá trị nghệ thuật nhạc sĩ : vĩ đại, tuyệt hảo, tuyệt diệu, tuyệt vời, thiên tài, tài tình, tài ba, cực đẹp... Và những từ-ngữ đó áp dụng cho hầu hết cuộc đời sáng-tác của Phạm-Duy. Gauthier không ngần ngại thồ lộ : « ...Khi xét về giá trị thực sự của Phạm-Duy của những năm gần đây, tôi đã không tiếc lời tán-thưởng nồng-nhiệt... » (Bách-Khoa, số 375, trang 39 : Mấy lời kết thúc). Chúng tôi không có ý nói rằng Gauthier nhắm mắt khen càn tất cả mọi tác-phẩm của Phạm-Duy. Độc giả theo dõi loạt bài của Gauthier, hẳn phải nhận thấy ông cũng đã đưa ra những nhận xét về một vài chỗ yếu trong nghệ-thuật Phạm-Duy. Song phải nhận rằng tác-giả đã khá dè dặt, như ông đã từng cho biết : «...khi xét đến một vài nhược-điểm của Phạm-Duy hiện tại, tôi đã hết sức công bình...» và «...để cập đến vấn đề các nhược-điểm hiện tại của Phạm-Duy, tôi vẫn có sự dè-dặt... » (Bđd *). Là độc giả Việt-Nam, chúng ta không nên nghi ngờ sự công bình của tác-giả. Chúng ta cũng hoàn toàn cảm thông với thái độ

thận trọng và dè-dặt của tác-giả. Song có lẽ chúng ta còn phải học hỏi tác giả nhiều trên phương-diện phát-hiện cái đẹp của nhạc Phạm-Duy.

Thính-giả Việt-Nam, loại thính-giả tương đối chọn lọc, theo nhận xét của riêng tôi, rất yêu mến Phạm-Duy khi ông sáng tác những ca khúc như : « Tiếng hát sông Lô », « Bà mẹ Gio-Linh », « Về miền Trung », Trường ca « Con đường Cái quan » (1) và một số bài Dân ca khác. Những nhạc phẩm rất được ưa chuộng này hầu hết được sáng tác trước năm 1955. Đó là một vài ca khúc mà nếu không quá khe khắt, chúng ta có thể liệt vào hạng bất hủ. Nhưng còn những sáng tác gần đây, khoảng 15 năm trở lại đây, của Phạm-Duy thì sao ? Nói theo kiểu thống-kê, ta thấy có hai ca khúc « có vẻ » được ưa chuộng nhất, được truyền bá sâu rộng nhất là bản « Huyền sử ca : Một người mang tên Quốc » và bản « Kỷ vật cho em ». Cho được thêm đầy đủ, còn phải kể « Giọt mưa trên lá » nữa chứ. Chúng tôi có nên hấp tấp khẳng định rằng cả ba nhạc-phẩm trên đều dần dần mang số phận những bản nhạc thời trang — mặc dầu lừng lẫy một thời — nhưng rồi cũng lần hồi đi vào quên lãng ? Dĩ nhiên giá trị đích thực của một nhạc phẩm không phải là vấn đề nó có được phổ biến sâu rộng hay không. Chỉ có thời gian mới có quyền phán-quyết chung

(*) Bđd : Bài đã dẫn.

(1) L.T.S. Trường ca « Con đường cái quan » ra đời năm 1959.

thâm. Nhưng quả thật chúng tôi đã yếu lòng tin ở G.E. Gauthier khi chúng tôi nghi ngờ giá trị của những tập nhạc mà Phạm-Duy cho xuất bản khá đều đặn trong thời gian gần đây, từ Tâm ca, Đạo ca, Tục ca và còn gì gì nữa. Chúng tôi không dám chê những tác phẩm nêu trên. Sở học non kém về âm-nhạc của chúng tôi không cho phép tìm ra những nhược-diểm về kỹ-thuật và nghệ-thuật trong số đông đảo tác phẩm kể trên. Chúng tôi chỉ « không thích » chúng. Xin nhắc lại một lần, đây chỉ là những « cảm nghĩ ». Và chính vì luôn luôn tự nhận thiếu con mắt tinh đời, thiếu khiếu thẩm mỹ tinh-tế, nên lại xin nhắc lại một điều khác : Chúng ta còn phải học hỏi G.E. Gauthier nhiều trên phương-diện thưởng-thức nhạc Phạm-Duy.

« Sẽ không có ai kể nghiệp Phạm-Duy cả. » Mở đầu « Mấy lời kết thúc » (Bđd, trang 37), G.E. Gauthier đã viết như vậy.

Tôi hoàn toàn đồng ý với Gauthier khi ông nhận định rằng sẽ không có ai kể-nghiệp Phạm-Duy, cũng như không có ai « đã thực sự kể - tục Mozart, Beethoven, Schubert hay Chopin cả » (Bđd, trang 37). Sự đồng ý trên đưa đến hệ-luận này : « ... Không hề có một dấu hiệu gì tỏ ra có một Phạm-Duy thứ hai đã ra đời ở Việt-Nam ». Tới đây, ý kiến của tác-giả đã khiến tôi dè dặt hơn. Tác-giả giả-thuyết có một kẻ kể-tục Phạm-Duy, thì kẻ ấy « ... phải có nơi mình cả một thiên-tài của

Phạm-Duy lẫn kiến thức nhạc học uyên-bác của ông, ấy là chưa kể nhiều điều-kiện khác nữa », (Bđd, trang 37).

Nếu tôi không quá nông-nổi đến nhận xét sai lầm ý định của tác-giả khi viết những giòng trên, thì có thể nói : Gauthier cho rằng hiện nay ở Việt-Nam chưa thấy xuất hiện một mầm non âm nhạc có thể đạt tới mức độ nghệ thuật tương đương với Phạm-Duy trong tương lai. Tôi dám đưa ra nhận xét này vì chính Gauthier đã khẳng định : « ... Và lại bầu không khí chung của cả nước Nam đã từ quá lâu trở nên hỗn độn. khó cho phép xuất hiện một thiên tài nghệ thuật mới » (Bđd, trang 37). Và để củng cố thêm luận-cứ mình, tác giả viết : « những cơ hội đã tạo nên cuộc đời của một Phạm-Duy đều quá ư đặc-biệt và độc đáo, khó bề tái diễn một lần thứ hai... » (Bđd, trang 37).

Người Việt-Nam chúng ta nếu có đủ lòng tin để không nghi ngờ những nhận xét của G.E. Gauthier hẳn phải rơi vào trạng thái tuyệt vọng kinh khủng. Bạn đọc ạ ! Đầu con đường tiến thủ của chúng ta, trên bình-diện nghệ thuật, là bóng dáng lừng-lững của Phạm-Duy vĩ-đại. Chúng ta không có hy vọng vượt qua ông được. Ngang hàng cũng không. Vì sao ? Vì « bầu không khí nước-ta quá hỗn độn. » Mặt khác, chúng ta thiếu những cơ-hội để tạo cho đời ta về « đặc-biệt » và « độc đáo », mặc dù đôi khi lần thân,

chúng ta nghĩ rằng hoàn cảnh cực kỳ xáo trộn hiện nay chính là một cơn «đau đẻ», một cái lò đào luyện nhân tài... Nếu đúng như Gauthier nói thì thế hệ thanh thiếu niên chúng ta hiện tại quả là tầm thường. Sẽ không có nghệ sĩ tài ba nào xuất hiện trong tương lai vài chục năm nữa !... Tôi nói « nghệ sĩ » mà không dùng từ ngữ « nhạc sĩ » vì chính Gauthier đã không cần đề đặt đề chỉ giới hạn trong phạm vi âm nhạc : « khó cho phép xuất hiện một thiên tài nghệ thuật » (Bđd)

Đã có đoạn, Gauthier viết : « ... tôi biết mấy năm gần đây có đôi ba người tưởng rằng một nhạc sĩ trẻ Việt-Nam nào đó sẽ là kẻ kế tục Phạm-Duy » (Bđd trg 137). Nếu tôi không lầm, người nhạc-sĩ trẻ có hân hạnh được Gauthier nhắc tới ở đây không ai khác hơn là Trịnh-Công-Sơn. Cứ cho rằng tôi sai lầm trong việc chẩn đoán ý định của tác giả, chúng ta cũng nhận cơ hội này lạm bàn về Trịnh-Công-Sơn đôi chút. Nếu sự lạm dụng này có bị cho là một « tham vọng ấu trĩ » để tìm cách trả lời sự khẳng định của Gauthier về sự kém cỏi của giới thanh niên Việt Nam hay chẳng, điều đó lại là chuyện khác.

Như chúng ta từng biết, Trịnh-Công-Sơn đã bắt đầu gây được sự chú ý của một số người ngay từ những năm 1962, 63 (hay sớm hơn nữa, điều này người viết không được rành rẽ lắm, xin quý vị bổ khuyết). Từ đó đến nay kể được là 10 năm và càng ngày anh càng tự tạo cho mình một địa vị vững chắc trong giới

âm nhạc. Có thể nói ở Việt Nam, cò kim chưa có một cá nhân nào, bằng vào tài năng của mình, gây được một sự chú ý của một quần chúng đông đảo như vậy trong một thời gian ngắn ngủi như vậy. Và ở đây cùng với sự chú ý là sự mến mộ, sự trọng vọng. Dĩ nhiên vẫn có trường hợp thừa trừ.

Nhạc sĩ Trần-Trịnh — tác giả nhạc phẩm « Lệ đá », một nhạc phẩm khá nổi tiếng — khi trả lời một bài phỏng-vấn trên nhật-báo « Xây - Dựng », đã cho rằng lời ca của Trịnh Công Sơn đẹp như những bài thơ. Nhưng — tai hại thay cho Sơn — ông cũng liền xác định : Trịnh-Công-Sơn chưa rành nhạc lý. Nhiều bản nhạc viết sai nhạc pháp một cách ấu trĩ. Cuối cùng Trần Trịnh cho rằng Trịnh-Công-Sơn nên làm một thi sĩ hơn là một nhà soạn nhạc.

Tôi dốt nhạc lý (lại một lần nữa thú nhận), nên cũng chẳng tìm cách kiểm lại những điểm sai lầm về nhạc pháp mà Trần Trịnh nêu lên trong nhạc phẩm của Sơn. Tôi nhắm mắt chấp nhận lời phê bình của Trần Trịnh và trong khi thấy Sơn ngày càng nổi tiếng, càng được ưa chuộng, tôi vẫn thường thắc-mắc: Không hiểu anh chàng này còn đặt nhạc sai nữa hay không ?

Nhưng tại sao Sơn viết nhạc sai mà vẫn gây được tiếng tăm lừng lẫy ? Và giới thường ngoạn nhạc Sơn không phải chỉ là giới bình dân. Những người yêu Sơn, trước hết phải kể là những sinh-viên, những người trí thức. Tóm lại là những người có một trình độ âm nhạc không mấy thấp kém.

Nên coi Trịnh Công Sơn như một hiện-tượng chăng? Nhưng một hiện-tượng chỉ nổi lên nhất thời rồi chìm vào quên lãng — nói theo kiểu nhà văn Duyên Anh. Trịnh Công Sơn đã nổi tiếng hơn mười năm nay và trong một tương lai trông thấy, chưa có dấu hiệu gì chứng tỏ Trịnh Công Sơn đang bị lãng quên.

Cuộc kháng chiến chống Pháp là cuộc chiến «có bài ca» — để dùng lại ngôn ngữ của Giáo sư Nguyễn văn Trung. Và Phạm Duy đã là một trong những nhạc sĩ có những sáng tác tuyệt-diệu nhất phụng sự cuộc kháng chiến đó. Cuộc chiến hiện tại «không có bài ca» — nói theo ông Nguyễn trọng Văn. Nhưng những nạn nhân chiến cuộc vẫn có những bài ca. Trịnh Công Sơn đã sáng tác những bài ca cho đông đảo quần chúng khổn khổ này... Nhưng ta cũng không nên quên hiện tại có không ít nghệ sĩ đi cùng một đường lối với Trịnh Công Sơn. Và tại sao họ đã không giữ được địa vị như Sơn? Trịnh Công Sơn đã nói lên, thay chúng ta, những nỗi cơ cực của chiến tranh, những khó khăn của giống dân nhược tiểu da vàng. Điều đó đúng. Nhưng điều đó không đủ để khiến Sơn nổi tiếng. Cho thấy, ít ra, trong những tác phẩm của Sơn, phải có một giá trị nghệ thuật nào đó. Và lại ở Sơn không phải chỉ là loại nhạc «thân phận» hoặc «chống đối này nọ». Theo thiên ý, những «Tình xa», «Tình nhớ», «Diễm xưa»... mới chính là những nhạc phẩm thành công nhất của Sơn.

Gauthier nghiên cứu và hiểu nhạc Phạm Duy đã có thể nói là đến nơi đến chốn. Đọc ông, ta còn khâm phục ông về sự hiểu biết khá rành rẽ về văn hóa và tâm tình Việt-Nam. Dù sao có những vấn đề Việt-Nam, theo tôi nghĩ, phải là người Việt-Nam mới thấu triệt nổi.

Tại Gia Nã Đại cũng như tại các nước Tây phương tiền tiến khác, người dân sống trong thanh bình và tự do đã từ bao thế-hệ. Ở một nước như quê hương của Gauthier, hễ người có tài là có dịp tiến thân, có dịp nổi tiếng không ai ngăn cấm một thiên tài phát hiện tài năng của mình, dù người ta thấy tác phẩm của y có thể phương hại tới «nền an ninh quốc gia và trật-tự công cộng». Nhưng ở Việt-Nam thì lại khác. Vì hoàn cảnh cực kỳ xáo trộn hiện tại, một số không nhỏ nghệ sĩ Việt-Nam có khuynh hướng «trùm chăn», âm thầm sáng tác và chờ thời. Như thế, nhiều tác phẩm đã ra chào đời nhưng hầu như không bao giờ được đông đảo quần chúng biết tới. Trong số những tác giả «mai danh ấu tích» nọ, ta có thể quả quyết tất cả họ đều vô tài bất tướng chăng?

Nhiều người đã nhìn vào thị trường văn nghệ quá tiêu điều của nước Việt-Nam hiện nay để cho rằng nó nghèo nàn, hết sinh khí. Trong tình trạng chợ chiều ế ẩm đó, thật là dễ dàng để đi đến kết-luận rằng không có một dấu hiệu nào chứng tỏ có một tài năng đang vươn mình đứng lên

“ Một vài cảm nghĩ... ” như vậy
kề cũng đã dài. Kiểm soát lại tôi
tự hài lòng vì đã không đề cập
tới lãnh vực chuyên môn của
nhạc học. Nếu có liều lĩnh bày tỏ
một vài ý nghĩ về một số tác phẩm
nào đó, thì cũng chỉ hoàn toàn đứng
ở cương vị một người thưởng ngoạn
âm nhạc tài tử mà thôi. Sự hời hợt
— hẳn có — ở đây mong được hưởng
trường hợp giảm khinh.

G. E. Gauthier đã dành trọn vẹn
cảm tình cho Phạm-Duy. Thiện cảm
của ông đối với nước Việt Nam cũng
không phải không sâu đậm. Ông đã
xác nhận nhiều lần điều đó trong loạt
bài của ông. Tôi viết “ Một vài cảm
nghĩ... ” với ý hướng đầu tiên là
đáp lại tình cảm ưu ái của Gauthier

dành cho chúng ta. Không ngờ khi
soát lại những điều mình đã viết,
tôi bỗng nảy mặc cảm như là mình
đã “ lấy oán báo ân ”. Những cảm
nghĩ của tôi dường như không được
đẹp đối với Gauthier. Lời lẽ của tôi
đâu đó dường như đã tiến tới tính
cách châm biếm mỉa mai. Dù sao, tôi
quyết định giữ lại những điều mình
đã viết. Đây không hề là chiến thuật
đi đến một thái độ cực đoan để
mong gây một phản ứng nào đó. Tôi
chỉ muốn thành thật với Gauthier và
với chính tôi. Tôi ước ao điều đó
có lợi hơn là tìm cách bực quá nhiều
đường cho một viên thuốc đắng.

LÊ ĐỒNG YÊN

(Phan Thiết 25-VII-72)

thuốc ho viên

Pectal
FORT

trị các chứng HO



ho gà. ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm. suyễn
sưng cuống phổi

, BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

PECTAL
FORT

trị các chứng HO

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm suyễn
sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây

VÀO ĐỜI

(tiếp theo BK số 376)

Chương 11

Xe khởi hành ở Nha-trang hơi trễ, nên đến Sài-gòn lúc trời vừa tối. Cậu bé ngồi bên cạnh Quang cứ nhí nhòm không yên, nghiêng người ra cửa xe đọc thuộc lòng từng tên phố tên đường. Vài người than phiền tài xế không gắng chạy vào sớm như lời hứa để kịp đón xe ra vùng ngoại ô. Ông tài chống chế:

— Tôi chạy hết ga rồi, đến trễ là tại mấy cha nội chớ đâu phải tại tôi.

Hành khách bây giờ hết sợ mấy cha nội nữa, cười nói huyên thiên:

— Nghe tới Rừng Lát, ai cũng ớn da gà. Năm ngoái lộn xộn lắm, đi qua đó phải nộp thuế, học tập đều đều.

— Tôi đau bụng mà không dám bảo dừng. Sợ quá, quên cả đau...

... Sự lạc quan quá đáng đôi lúc báo hiệu một tai nạn thấp thoáng đâu đó. Ai nấy cảm ơn Trời Phật vì hành trình bình yên. Có trễ chút ít cũng không hại gì.

Cậu bé vẫn không ngớt bi bô đọc tên từng con đường quen thuộc. Đến ngã tư đầu tiên, xe phải dừng lại chờ đèn xanh. Quang ngạc nhiên nhìn xe cộ tấp nập chen chúc lẫn nhau, xếp hàng cái nọ nối sát vào cái kia. Mấy chiếc xe gắn máy lách qua lách lại khéo léo, đến đâu một hàng trước lẫn mức, rõ ga xì khói mù

mịt. Ai nấy đều ở vào cái thế chuẩn bị, mắt lão liêng, tay ga sẵn sàng, chân phải trên bệ-đan nhấp nhấp chờ đợi. Nhịp lưu thông vội vã, quay cuồng. Đèn xe hơi, đèn xe gắn máy mờ tỏ, chiếu lên khoảng không gian hẹp mù mịt khói trắng phía trước. Đèn vàng vừa bật, mấy chiếc gắn máy đã ủa lao mạnh đến trước, vây chặt những bộ hành chậm chạp, lính quính. Xe cộ hăng hà sa số, tuôn trào như thác lũ, lừng xăng len lỏi nhanh nhẹn rồi đổ vào hầu hết các ngã đường. Cảm tưởng đầu tiên của Quang về Sài-gòn là sự hối hả phi lý ấy, sự hối hả cướp giật không cho phép cá nhân có chút thì giờ vượt lại một mái tóc rối, mỉm một nụ cười vu vơ, hay phác một thoáng nhìn mơ mộng.

Xe Phi Long bò vào đến bến đúng 8 giờ tối. Mọi người hối hả lấy hành lý, rồi trong một chốc, tan vào đám đông di động quanh đó như một phép màu. Chỉ còn có Quang đứng bơ vơ trước đầu xe, mỗi tay ôm một cái bao cát xanh đựng quần áo và sách vở. Quang chưa tính gì được, không biết phải làm cái gì ngay lúc ấy. Nếu ông tài không bóp còi cho Quang tránh xa để lái xe đậu chỗ khác, có lẽ Quang còn đứng trồng ở đó cả nửa giờ đồng hồ. Quang vội vàng ôm hai cái bao đi về phía bên kia đường. Vệ hè khoảng này khá rộng, lại gần ngay bến xe, nên người ta

bắt điện nê ông ra sát đường cái, lập những hàng ăn bán đầy đủ nào cháo tim cật, mì, phở, hủ tiếu... Hàng quán đã nhiều, khách ăn lại càng nhiều hơn nữa. Thiên hạ ăn uống xì xụp, cười nói bi bô hả hê, ngồi đong đưa trên ghế đầu hay gác chân lên một cái ghế khác dưới gầm bàn cho thoải mái. Phía sau nồi nước lèo bốc khói, mấy người Tàu đầu bếp xoay tròn, chỉ mặc độc cái quần đùi, ngang hông quấn một cái khăn lớn dùng lau chùi sơ sài muống nĩa hay dao cắt. Khách hàng lớn tiếng gọi món ăn, người bồi lễ phép lắng nghe, rồi còn cao giọng hơn đề gọi với vào trong mái hiên cho người bếp nấu nướng. Không khí náo nhiệt của cảnh ăn uống nhậu nhẹt, cùng mùi thơm bốc lên từ các nồi nước lèo, khiến Quang nhớ ra rằng từ trưa đến giờ, mình chưa ăn gì hết. Quang bỏ hai cái bao xuống chân, đưa tay vào túi quần kiểm soát mấy tờ giấy bạc còn lại. Quang sờ thấy ba tờ giấy năm trăm mới, và một tờ giấy bạc mềm nhẽo nham nháp mồ hôi. Quang không thể lắm. Mình chỉ còn 1520 đồng. Quang nhìn lại các quán hàng. Ánh đèn sáng trưng, tô cháo tô mì to tướng bốc khói thơm. Người bồi tuy mặc độc một cái quần tã cũ, nhưng nghiêng mình hết sức lễ phép khi khách cần dặn điều gì. Chắc ở đây họ tính đắt lắm. Đừng có đại hoang phí số tiền ít ỏi còn lại, ngay khi vừa đặt chân tới Sài Gòn. Cương quyết hơn, Quang ôm hai cái bao lên, đi về phía bà già ngồi bán thuốc

lá dưới cột đèn điện. Người bán thuốc vồn vã :

— Thuốc hiệu gì cậu ? Salem hay Pall Mall ?

Quang vội vàng nói :

— Thưa bác, không ạ. Cho cháu hỏi thăm một chút.

Người bán thuốc chưng hửng, thất vọng, định quay nhìn sang hướng khác cho đỡ thẹn, nhưng không thể dẫn tò mò, chăm chăm nhìn hai cái bao của Quang.

Quang hỏi ngay :

— Đây về Khánh-Hội xa không bác ?

— Khánh-Hội hả ? Xa lắm. Bên kia rạch Bến Nghé lận.

— Còn Chánh-Hưng, bác ?

— Trời đất quỷ thần. Ở chi mà xa ác hơn vậy ? Tận bên kia cầu chữ Y.

Quang chán nản. Trời tối thế này, dù khu nhà của Hiền và Phan ở ngay bên đây, chưa chắc Quang đã tìm ra, huống chi là ở tận bên kia rạch bên kia cầu. Không còn cách nào khác hơn là tìm chỗ ngủ đêm nay, rồi mai hẵng hay. Quang rút hai chục trong túi ra, đưa cho bà cụ :

— Bác bán cho con hai chục đồng thuốc lẻ.

Bà bán thuốc đột nhiên vui vẻ trở lại, liền thoảng hỏi :

— 20 đồng hả cậu ? Salem nha ? Đáng lẽ 3 đồng một điếu, nhưng hai

chục đồng tôi để cậu gói thuốc còn 8 điếu đây. Lấy luôn bao đi.

Quang vừa rút một điếu thuốc, ngậm lên môi, bà cụ đã đưa cây nhang cho Quang mời. Quang ngượng nghịu cảm ơn, rồi hỏi sau một hơi thuốc lá :

— Thường thường vùng gần bến xe, người ta có cho thuê ghế bố. Ở đây chỗ nào cho thuê hở bác ?

— Thiếu gì Cậu cứ ôm đồ đạc lớ xớ đứng chỗ cây xăng kia, là có ngay một đàn một lũ con nít ra lôi kéo cậu thuê phòng thuê giường. Khỏi có lo đi.

Quang lại ôm đồ đạc băng đường qua bến xe. Quả đúng như lời bà lão, vừa qua khỏi đường, đã có bốn năm đứa nhỏ, trai có gái có, chạy ùa ra vây quanh :

— Thuê phòng không anh? Phòng rộng rãi mà rẻ lắm.

— Muốn ghế bố ngủ không anh ?

— Em út không anh ? Thứ tốt lắm.

Quang nắm tay đứa nhỏ trai vừa mời thuê ghế bố :

— Một đêm bao nhiêu ?

— 150 đồng. Có cho mượn mũn mền đàn hoàng. Số dzách.

Quang cố lấy giọng anh chị :

— Xạo mày. Tao biết giá cả hết. Chỉ 100 thôi.

Đứa bé cố kỳ kèo 140 rồi 120 trước khi chịu giá. Quang ghé đến

xe bánh mì mua ba chục đồng bánh mì chả, rồi mới theo thằng bé vào hẻm.

Phòng ngủ sâu hun hút, mấy dãy ghế bố kê sẵn hai dọc dài, mùng cũng treo sẵn nhưng được vắt lên gọn ghẽ. Quang trả tiền cho bà chủ xong, chọn một cái giường vải còn mới và khuất gió, đặt cái bao sách vở bên dưới, đặt bao quần áo lên trên đầu thế gối, rồi nằm ngay xuống. Cảm giác rã rời của một ngày hành trình nhọc nhằn lan nhẹ qua từng đốt xương sống, từng đốt ngón tay ngón chân. Quang muốn biệt lập với thế giới bên ngoài, nằm ôn lại những điều đã qua, những hình ảnh xô bồ bất chợt dồn dập đến rồi tan biến vội vã. Quang thả mùng xuống, nằm thẳng chân, lười lỉnh đưa ổ bánh mì lên miệng nhai từng miếng nhỏ.

Không còn hồ nghi gì nữa. Mình đã xa Qui-nhơn rồi. Bên trên cái đỉnh mùng này, cũng là mái tôn như dãy trại gia binh. Nhưng bên trên mái tôn này là khung trời xa lạ. Không có gió từng cơn vượt qua đỉnh núi phía đông đem hơi mát của biển cả và đầm lầy về làm giảm hơi nóng của một ngày hè ròn. Không có ánh trăng hừng đỏ bên kia rặng núi đen, hay ánh trăng nhợt nhạt sắp chìm phía sau dãy núi bên phải đường cái quan xuôi về phương nam. Không có tiếng trẻ con chòng ghẹo la khóc tối ngày, tiếng xe gầm gừ trong gara trước cửa, ngọn cỏ vươn cao ngay ở đầu giường. Và chung quanh đây, đâu còn tiếng cười say của anh Lâm, giọng khóc

nỉ non của chị Phú. Quang đang ở bước đầu của một cuộc phiêu lưu xa lạ, và tuy đã bước qua khỏi giờ quyết định, vẫn chưa hiểu rõ vì sao mấy hôm trước, mình lại dứt khoát xa Qui-nhơn như vậy. Cách mấy giường, hai người đàn ông miền nam đang xầm xì nói chuyện với nhau, giọng nhe nhè tai. Bà chủ nhà lớn tiếng kêu đứa con gái nhỏ về nhà trước khi khóa cửa. Giọng nói kéo dài ra, buông thả, lười lỉnh, một cách lạ lùng. Không có gì quen thân với cuộc sống Quang từ xưa đến nay. Cảnh vật, màu sắc, âm thanh, cái gì cũng lạ hoắc, bất thường. Quang nghiêng người, cốt quay lưng về phía ánh đèn để dễ giấc ngủ. Hai đồng bạc chli trong túi ấn mạnh vào xương hông đau điếng. Ờ, hai chục đồng bạc chli, cộng 50 bạc giấy, cộng hai trăm đồng bạc giấy nữa, cộng hai tờ năm trăm mới tinh, trong túi mình hiện có tất cả 1.270. Bão là gần 1300 cũng được, nếu muốn tự lừa dối. Bão rằng còn 1200 cũng được, nếu muốn tự chế, lo xa.

Bao nhiêu tiền ấy, cho cả một cuộc đời, từ giờ phút này, từ đêm nay cho tới mãi mãi mai sau.

* *

Dù nhớ kỹ lời chỉ dẫn của bà chủ cho thuê ghế bố. Quang phải vất vả gần trọn buổi sáng mới tìm ra nhà Hiền bên Khánh Hội. Tuy có địa chỉ Vân, Quang vẫn thấy ngái ngái thế nào, không muốn tìm lên Trương minh Giảng. Quang chọn Hiền, vì

đã từ lâu, vẫn có chút mặc cảm tự tôn đối với người bạn cần mẫn trầm lặng này. Hiền cùng học lớp đệ nhất B 3 với Quang, là một học sinh gương mẫu, quá gương mẫu đến nỗi cả thầy lẫn bạn ít ai chú ý anh có mặt hay không trong các buổi học. Nét mặt nặng nề lăm lì, Hiền không gây được cảm tình ngay từ phút đầu. Nhưng về lâu về dài, anh là một người bạn tốt, thành thực, chí tình, loại bạn Quang có thể thổ lộ một tâm sự u ám kỳ quái mà không chút ngưng hay lo sợ bị tiết lộ. Hiền là một cái bóng, thứ bóng mát của tàn cỏ thụ nơi một khoảng đường vắng, lặng lẽ chờ đợi để cho mát cho bất cứ người bộ hành lạc loài và vô ơn nào.

Tìm được đến địa chỉ, Quang ngập ngừng hỏi thăm ông chủ bấy giờ đang loay hoay cân đường cho hai người đàn bà mua hàng. Nghe đến tên Hiền, ông ngừng lên. Nhưng khi Quang xác định rõ hơn, bảo là Hiền vừa ở Trung vào, ông trả lời ở đây không có ai như thế cả. Quang thất vọng định quay ra, cổ vót vát cầu may :

— Dạ anh Hiền cận thị, người hơi thấp, vừa ở Qui-nhơn vào đây thuê nhà mà chú ?

Bấy giờ ông chủ mới à lên một tiếng, chậm rãi nói :

— Thế thì có. Cậu ấy đi khỏi. Chốc trưa cậu trở lại đây, sẽ gặp.

Quang đến quán nước phía gần cầu, uống chậm chậm hai ly cà phê cho qua thì giờ, hút hết mấy điếu

thuốc còn lại. Mới 11 giờ 30 ! Quá nóng ruột, Quang trở lại nhà Hiền. Ông chủ vẫn ngồi trước bàn coi hàng, chăm chú đọc báo không ngừng lên. Ông chỉ gọi lớn :

— Cậu Hiền, có người quen tìm.

Có tiếng Hiền dạ, rồi đôi chân mập trắng của Hiền thò xuống ô vuông đầu cái thang gỗ. Hiền cẩn thận như thường lệ, chậm chạp xuống thang. Khi liếc xuống dưới nhà thấy Quang đứng chờ, anh không ngăn được sự ngạc nhiên mừng rỡ. Bước chân xuống thang thoăn thoắt hơn. Lúc xuống hẳn nhà dưới, Hiền chạy đến ôm vai Quang lắc lắc không tìm được câu gì để nói, rồi kéo bạn về phía phòng sau. Gian tiếp theo dùng làm nhà kho, chỉ chứa một khoảng hẹp gần cửa sổ đặt bàn ăn. Hiền còn xúc động nên tiếng nói liếng thoảng, âm này chập lên âm kia :

— Anh vào lúc nào, kết quả sự phạm có chưa ?

Quang tự kéo ghế ngồi xuống. Hiền cũng ngồi theo, hơi lấy làm tiếc vì vô ý không mời bạn ngồi trước. Quang trả lời :

— Có rồi. Mình đậu thứ nhì, Nhưng trình diện trễ nên không được học.

Hiền bảo :

— Thôi. Học sự rậm làm gì. Vào đây tìm cách thi vào các trường Cao-đẳng tiện hơn. Vân có chuyện thư của tôi cho anh hay sao mà biết địa chỉ này ?

— Không. Hiền gửi thư ra hi Vân

đã vào Saigon rồi. Nhưng cô em bà con của Vân có chuyện lại. Mình cứ sợ Hiền chép lầm địa chỉ. Khi này nghe ông chủ bảo không có cậu Hiền người Trung nao ở đây cả, mình đã teo...

Hiền cười, giải thích :

— Ở đây, nói chữ *miền Trung*, họ chỉ hiểu lơ mờ là Huế hay vùng quanh đó. Cả báo chí và âm nhạc cũng vậy. Nào là *Cuộc tranh đấu miền Trung*. Nào là *Phật-giáo miền Trung*, về *miền Trung*. Ông chủ tưởng Quang tìm một người Huế, nên bảo không có ai cả là phải. Trên gác chỉ có năm đĩa, hai đĩa Nha-trang, mình Qui-nhơn, và hai đĩa nửa dân nam. Lên gác chơi đã. Tụi nó sắp về đủ đấy.

Hiền dẫn Quang lên gác. Lúc đến chân cầu thang, ông chủ bỏ tờ báo xuống nhìn lên. Hiền tự thấy phải có phận sự giải thích :

— Thưa bác, đây là anh Quang bạn cùng lớp với cháu, từ Qui-nhơn vào đây học. Ông chủ gật đầu chào Quang, lần này có vẻ nồng nhiệt hơn. Thấy cả hai đều dậm bước lên cầu thang, ông chủ vuốt :

— Mời cậu lên gác với anh Hiền. Hai anh em lâu ngày gặp lại, chắc cần nói chuyện nhiều với nhau. Cậu cứ đề đồ đạc dưới này, tôi coi giùm cho.

Hai anh em leo lên gác ván. Thật ra không thể gọi đó là một căn gác được. Ngôi nhà tôn vách xi-măng này cũng thấp như bất cứ mọi căn nhà cất-vội-lấy-có nào. Vì vậy, chủ nhà phải mua ván tạp về đóng một

lớp trần bằng, và chừa một cửa tò-vò phía hướng về mặt sông cho gió thổi vào, đùa bớt một ít hơi nóng. Nhưng có lẽ cái quán xập xệ ở khu tân lập này không đủ nuôi sống một gia đình gồm hai vợ chồng và ba đứa con. Vợ chồng bóp trán không tìm được lối thoát. Túng thì phải tính. Và trong những trường hợp như vậy, người đàn bà vẫn có nhiều sáng kiến táo bạo và độc đáo: Đề nghị khoét cái trần bằng, bắc một cái thang gỗ, mở rộng cửa tò-vò, chèn bìa cứng dưới mái tôn trước khi treo một tấm bảng rao hàng: **NẤU CƠM THÁNG CHO HỌC SINH. BAO LUÔN ĂN Ở. GIÁ RẺ MẠT.**

Hai chữ cuối cùng có một hấp lực mãnh liệt, quyến rũ được năm cậu học trò tỉnh lẻ đang dáo dác bơ vơ giữa thủ đô xa lạ.

Hiền chỉ quanh cho Quang thấy chỗ ngủ, chỗ học:

— Sàn ván nên mình khỏi cần mua giường. Chỉ cần chiếu với mùng. Vả lại, kê giường cao chừng nào, càng nóng chừng ấy, vì kê sát vào mái tôn. Cái bàn lớn chỗ cửa kia là bàn học. Tụi mình đồng ý với nhau: không được ê a đọc to khi học bài. Phải học thầm.

Rồi Hiền chỉ về phía góc trong:

— Chỗ kia của mình đấy. Lại ngồi chơi.

Quang vừa nhìn ra mặt sông qua cửa tò-vò vừa bước theo bạn. Chưa đi được hai bước, đã có cái gì cứng,

sắc đập mạnh vào trán Quang, khiến anh tối tăm mặt mũi. Quang cúi xuống ôm đầu, trong khi Hiền rối rít:

— Có sao không? Mình quên dặn Quang, ở trên này lúc đi nhớ khom người xuống, không thì đụng cái đà ngang.

Quang còn nhắm mắt cho nước mắt khỏi trào ra vì đau đớn, dò theo tiếng Hiền bước về phía bạn. Lúc mở mắt ra, Quang mới nhận định được tình thế. Cầu thang dẫn lên ngay chính giữa, chỗ trần cao nhất, vì vậy người nào từ dưới leo lên cũng có thể đứng thẳng lưng thoải mái. Nhưng nếu muốn bước sang phải hay sang trái, phải coi chừng, vì mái tôn nghiêng thấp ở hai bên. Quang ngồi xuống chiếu bạn, thắc mắc:

— Ở thế này, khom lưng hoài thành ông cụ non mất.

Hiền cười:

— Ban đầu hơi khó chịu, nhưng sau cũng quen đi. Đến một lúc tất cả trở thành phản xạ tự nhiên. Hãy đi ở giữa nhà thì thẳng lưng, còn đi lệch sang một phía, cái lưng tự nhiên khom xuống. Ốc chưa kịp nghĩ, xương sống đã tự động cong lại rồi.

Quang nói:

— Đến một lúc cái máy tự động nó lờn, phản xạ bậy bạ thì nguy to. Hiền cứ tưởng tượng sau một thời gian nào đó, như cái máy xe cũ, nề khề khề, chạy hục hặc, sự phản xạ không hợp lý nữa. Thay vì phải

khom, nó lại ngay, hoặc ngược lại...

Hiền ngần người, rồi nghĩ thầm, cười lên ha hả. Hiền cố gằn lại, ngưng ngưng vì có thái độ hơi quá mức thường. Hiền trang trọng hỏi Quang :

— Anh vào đây định ở đâu chưa ?

— Chưa. Mình không quen biết với ai trong này. Ra đi, trong túi chỉ có mảnh giấy nháp ghi địa chỉ Hiền, Phan và Vân.

Hiền vội hỏi :

— Hôm qua chắc anh lên anh Vân rồi. Anh ấy ở đâu ?

Quang không muốn dài dòng giải thích vì sao mình không muốn tìm đến Vân. Quang nói lảng :

— Mình chưa tìm nó. Săn tiện đường ghé đây trước. Bà chủ nấu cơm tháng bao nhiêu ?

— 1500 cả ăn và ở. Ăn hai bữa, buổi sáng phải tự túc. Sáng sáng có bà xôi bắp đi rao hàng trước cửa, kẻ cũng ít tốn.

Hiền liếc nhìn Quang, lúc ấy đang đưa mắt lướt qua cái bề bộn của căn gác thấp : chiếu trải xô lệch, mùng mền vắt bừa bãi, sách vở vất rã rác đầy đó. Mấy chai nước lọc hoặc đã cạn, hoặc cẩu bần, bàn chải đánh răng và mấy ống kem la liệt trên bàn học. Hiền e dè đề nghị :

— Hay anh Quang ở luôn đây cho vui.

Quang không có lựa chọn nào khác, trả lời :

— Ờ, mình cũng thích ở chung với Hiền.

Hiền mừng rỡ trông thấy. Anh rồi rít kéo tay bạn đứng dậy :

— Xuống đây mình gặp bà chủ nói chuyện đó liền. Trưa nay ăn cơm ở đây luôn. Quang đứng theo bạn, và một lần nữa, đầu chạm vào mái tôn. Hiền nói chữa thẹn : Cái máy của anh mới bán tự động thôi. Lâu dần rồi sẽ khá hơn.

* * *

... Đêm hôm đó, Quang kéo chiếc chiếu của mình đến cạnh chiếu Hiền. Hai người mê man ôn lại những chuyện Qui-nhơn, kể lể cảm động như nói về một quê hương xa đã lâu ngày, một quê hương mất hút vĩnh viễn. Hiền say sưa nói đến những kỷ niệm thơ ấu ở xóm làng ven sông Lại giang, dưới mấy bóng dừa xanh. Những đêm trăng trên sông. Những buổi tối ngồi nghe tiếng lá dừa xào xạc, nhìn những bóng lá đen cắt hình trên nền trời. Quang tiếp lời bạn, so sánh mọi thứ ngoài mình với trong này.

Quang đang nói, chợt nghe tiếng Hiền ngáy đều. Anh im lặng, cho tay vào túi quần cho bớt lạnh. Nỗi lo canh cánh, phải chờ quá khuya, Quang mới ngủ được chút ít.

(còn tiếp)

NGUYỄN MỘNG GIÁC

ĐẠI-Á NGÂN HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.700 — 98.160

Trương Mục

TIẾT KIỆM ĐỊNH KỲ

Lãi Xuất 24% 1 Năm

Kể từ ngày 01-08-1972, ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG sẽ dành **LÃI XUẤT ĐẶC BIỆT** cho loại Kỳ Thác Tiết-Kiệm Định-Kỳ, tương-ứng với thời gian ký-thác như sau :

— dưới sáu tháng	19%
— đã đủ hay trên 6 tháng	21%
— đã đủ hay trên 9 tháng	22%
— từ 12 tháng	24%

Gửi tiền vào Trương Mục Tiết-Kiệm Định-Kỳ « CON PHƯỢNG VÀNG » Quý vị sẽ hài lòng vì :

- TIỀN LỜI TÍNH HÀNG NGÀY TỪ KHI GỬI ĐẾN KHI LẤY RA
- MUỐN RÚT VỐN RA BẤT CỨ LÚC NÀO CŨNG ĐƯỢC

KỶ THÁC TIẾT KIỆM THƯỜNG : LÃI SUẤT 19% MỘT NĂM (THAY VÌ 17% MỘT NĂM).

CÁC CHI NHÁNH

— Chi-Nhánh Cnolon, 47 Tổng Đốc Phương ĐT : 51.047

— Chi-Nhánh Cầu Ông Lãnh, 21 Yersin ĐT : 99.386

— Chi-Nhánh Gia-Long, 121-123 Gia-Long ĐT : 96.827

— Chi-Nhánh Thị - Nghè, 22 Hùng Vương ĐT : 96.251

— Chi-Nhánh Biên Hòa, 10 Nguyễn Hữu Cánh ĐT : 36

— Chi - Nhánh Banmêthuôt, 80-82 Quang Trung ĐT : 148.083

— Chi-Nhánh Sadec, 139-141 Tổng Phước Hòa ĐT :

— Chi-Nhánh Vĩnh Bình, 24 Gia Long ĐT : 92

— Chi-Nhánh Long An, 36 Thống Nhất ĐT : 20

Chi-Nhánh Vĩnh Long, 49 Phan Thanh Giản ĐT : 93

— Chi-Nhánh Đà Nẵng, 197 Độc Lập ĐT : 21.077

CHUYỆN MÙA

Sau bữa cơm tối, ba người ra ngồi đầu thềm hóng mát.

Tảo ngã người trên ghế, nghiêng mặt về phía Mận trong dáng ngồi biếng nhác. Ánh đèn từ khung cửa lớn hắt ra, soi rõ sợi khói mỏng manh bốc từ điều thuốc kẹp lơ đãng giữa hai ngón tay. Mận đón khòe nhìn âu yếm của hắn. Câu chuyện nối tiếp lan man quanh cái trại lính hắn ở.

— Nhiều đêm ngồi dưới hầm trốn pháo kích, nghe tiếng còi báo động, anh thường nghĩ đến tiếng còi tàu.

Mận nheo mắt, cười chúm chím:

— Thật à?

— Bộ em tưởng anh nói giỡn chơi? Còn hơn thế nữa, anh tưởng tượng một chuyến tàu tới muộn.

Giọng Tảo dường phảng phất chút hơi men nào đó nghe khá nồng nàn. Thứ hơi men không bốc từ rượu mà có lẽ toát ra từ vẻ khỏe mạnh cứng cỏi của hắn. Tôi ngừng mũi kim trên tấm áo đan dở, ngược lên:

— Tới muộn?

— Vâng, nghĩa là nó không thể tới sớm như mình mong đợi vì một lý do, kẻ khờ khạo nhất cũng biết.

Mận reo nhỏ:

— Anh muốn nói chiến tranh chứ gì? Tội nghiệp những con đường sắt.

Tôi thấy mình bắt đầu bị tàu hút bởi con tàu tượng của hắn.

— Thế rồi con tàu có dừng lại đón Tảo không?

— Không, chị.

— Vì Tảo chẳng muốn lên?

Hắn cười hắt:

— Lên làm sao được, sau tiếng còi báo động là hàng loạt tiếng nổ của đạn pháo. Chị nghĩ con tàu không ngộ nạn à?

— Có thể lắm chứ, nhờ phép lạ nào đó.

Mận biểu đồng tình:

Ừ! Nói như chị Tiên, biết đâu nhờ một phép lạ nào đó giúp nó an toàn.

Tảo quay sang Mận:

— Không có phép lạ nào đâu. Anh cảm tưởng nó tan nát và, chính những miếng sắt vụn cửa vào cái óc ưa tưởng tượng hão của mình làm anh tỉnh táo, thấy rõ mình đang ngồi trong hầm như con chó tiền rưởi chứ không phải đứng đợi tàu trên sân ga. Lắm cảm hết sức.

Hắn hút một hơi, búng mẩu thuốc còn lại bay ra vườn, cười thành tiếng:

— Thế chị Tiên và Mận có bao giờ nghe ai bảo thời đại này là thời đại sâu-bọ-lên-làm-Người chưa?

Mận nhanh nhẩu:

— Dạ có, em đọc thấy câu ấy trong một bài báo nào đó lâu rồi.

— Em tin vậy không?

— Không tin lắm. Có lẽ người ta nói hơi quá đáng.

Tào có vẻ nóng nảy:

— Còn chị, chị Tiên?

Tôi lơ lửng:

— Nhận xét đó có thể đúng ở vài trường hợp, một vài người.

Hắn nhìn tôi, mắt ánh vẻ tinh quái

— Vậy mà tôi hay nghĩ tới câu ấy mỗi khi chui xuống hầm. Hầm đào sâu dưới đất, có nắp đậy vững chãi, in một cái hang động.

Mặn kêu khẽ:

— Anh nghĩ sâu - bọ - lên - làm - Người? Em không hiểu.

— Không, nghĩ ngược lại: Người trở - xuống - làm - sâu - bọ.

Tôi không nín được cười:

— Khôi hài nhỉ?

Tào hơi cựa mình trên ghế. Giọng hắn vẫn thản nhiên:

— Chẳng có gì hài hước đâu. Con người chui xuống đất thì khác gì con giun con dế, những động vật bò sát?

Mặn thường nghĩ nhiều điều giống tôi. Mặn cười ruồi:

— Khôi hài chứ gì nữa? Mình chỉ chui xuống hầm một lát hoặc vài ngày... có ở đời ở kiếp dưới đất đâu. Trừ lúc chết.

Hắn đốt một điếu thuốc:

— Nhiều đêm ngủ dưới hầm, anh mơ thấy mình biến thành một con sâu.

Mặn cười to:

— A! Té ra lâu nay em yêu một con sâu mà em không biết.

Hắn vói tay cốc nhẹ đầu Mặn:

— Con sâu những lúc dưới hầm thôi bạn ạ. Lúc này anh là một cây thông.

Mặn tỉnh nghịch:

— Hách quá ta. Còn em, em là gì?

Tào nghịch tình hơn. Giọng hắn tỉnh khô:

— Nép sát vào anh tí nữa, quàng tay ôm anh anh nói cho nghe.

Mặn đỏ au đôi má nhìn tôi. Tôi cố giữ giọng mình thật tự nhiên:

— Kìa, cứ làm theo lời Tào nói coi Mặn là cái gì.

Qua phút bối rối vì câu nói bất ngờ của hắn, Mặn lấy lại điệu dáng nhí nhảnh phá phách thường ngày, khẽ xích ghế tới gần Tào, quàng cánh tay qua vai hắn như đóng kịch. Tào dí dỏm:

— Nè chị Tiên, trông Mặn có giống giầy leo tằm gửi quần quanh cây thông không?

Mặn dang ra, dí ngón tay vào trán hắn:

— Xí xon! Em không thích làm giầy tằm gửi đâu, thích anh biến thành trái xoài tượng em táp một miếng sâu tận hột, nhai ngon lành à.

— Em hung hăng như gà con vừa nứt cựa.

Mận ngúng nguẩy:

— Em muốn em là con gà rô ti để anh nhậu thôi.

Tiếng cười hai người trẻ tuổi nổi lên tựa nhạc trời. Khúc nhạc hoan ca. Tôi cảm tưởng mình đang ngồi trong vùng hào quang hạnh phúc của họ. Tôi khẽ nhắc:

— Hai người không xuống phố đi xi-nê à? Gần tới giờ rồi.

Mận vuốt tóc nhìn Tảo:

— Thôi ở nhà thích hơn, em nhúc nhúc cái đầu không muốn đi.

Tảo đứng dậy vươn vai. Bóng hằn ngã dài trên bậc cấp.

— Tùy em.

Gió rì rào ngoài vườn tối. Sương mù xuống từ lúc chập choạng, bây giờ càng mù hơn. Dưới chân thềm vương vãi nhiều bông trứng cá rụng lổm đổm những chấm trắng ửng. Giữa bầu khí yên tĩnh chợt vang vài tiếng ho húng hắng của bà cụ từ nhà trong nghe thật lẻ loi.

Tôi vào nhà coi bà cụ có cần gì không. Không nghe bà nói gì cả, chắc bà đã ngủ lại.

Đặt búp len, que đan và tấm áo đan dở lên đầu tủ. Tôi đứng lặng vài phút bên giường nhìn thằng nhỏ ngủ say muồi trong mùng. Mớ tóc mềm mại rủ trên vầng trán trắng mịn. Đôi mắt khép, hai làn mi kẻ hai nét bóng tối đậm. Tôi muốn thu nhỏ

mình lại núp ẩn dưới bóng mát hai làn mi ấy. Tôi muốn hôn thẳng nhỏ hết sức, nhưng ngại nó bị đánh thức nên thôi.

Tôi rót nửa ly nước và uống, dù không khát lắm.

Ngoài thềm, ba chiếc ghế trống trơn dưới khoảng đèn sáng. Tảo và Mận đã đi nhau ra vườn, chắc thế.

Thời tiết đang rạo rức chuyển mùa. Trời đất thoải mái hô hấp những luồng gió dịu dịu đầu thu. Mùa nóng bức đã qua. Tôi nhận rõ sự tươi mát của mùa mới trên da thịt thẳng nhỏ. Những mụn sảy cuối cùng biến mất từ hôm qua hôm kia. Dù sao, để chống lại những đám sảy quái quỷ ấy, thằng nhỏ cũng đã xài hết một hộp phấn bột.

Nghĩ nên tắm một cái trước khi đi ngủ. Tôi mở tủ sửa soạn đồ tắm.

Đụng vào bất cứ đồ dùng nào trong nhà này, tôi đều có cảm giác chung: ngờ ngợ buồn buồn. Cảm giác lâu ngày trở nên cũ càng. Tuy nhiên, lúc này tôi hiện có cảm giác ấy; không thể nào rũ bỏ.

Cảm giác gợi từ nỗi nhớ nhưng quay điếng những ngày đầu, âm ỉ lâng lâng những ngày sau và, nỗi dài tới bao giờ? Nỗi tiếc nhớ tựa sợi dây sắc sắc không không buộc người sống với kẻ khuất mặt. Sợi dây chợt chùng chợt căng bất thường nhưng chưa đứt.

Tôi cuốn vội chiếc khăn, bộ áo quần đi nhanh vào buồng tắm. Lê dép thật nhẹ, sợ làm kinh động giấc ngủ của bà cụ và thằng nhỏ.

Nước trong thùng đã cạn. Từ hai tuần nay ống dẫn nước bị hư chưa kêu thợ sửa lại, phải dùng nước từ ngoài giếng chuyển vào. Tôi mặc khăn áo quần lên giây, nhìn thoáng mặt mình trong gương. Đôi mắt long lanh về gì đó tôi ngại không dám nhìn lâu. Phải rồi, tôi chợt nhớ đôi mắt anh ấy.

Tôi xách chiếc xô nhựa bước nhanh ra giếng lấy nước.

Cái gàu thiếc va chạm vào thành giếng bật vài âm thanh rời, chói tai.

Tiếng Mận vọng tới từ cuối vườn :

— Ai đó ? Chị Tiên hả ?

Ừ ! Tôi lấy ít nước, trong nhà không còn một giọt.

Im lặng. Khu vườn sa trầm xuống biển tịch mịch cũ. Tôi cảm tưởng khắp trần gian giờ phút này chỉ có một thứ âm thanh độc nhất chiếm ngự : tiếng gió.

Ban đêm, chúng tôi (tôi và Mận) thường tắm ngay tại giếng — kể cả lúc ống dẫn nước trong buồng tắm chưa bị hư — Vừa dội nước ào ào vừa ngửa cổ nhìn sao trên trời rất thú. Nhưng đêm nay có sự hiện diện của một người đàn ông trong vườn, đành rút vào cái buồng tắm chật chội kia.

Đắm đuối giữa vùng im lặng tuyệt vời, má tôi bỗng nóng ran khi nghĩ cuối vườn Tảo và Mận đang tình tự...

Ngày xưa, tôi và anh ấy cũng hay ra vườn. Những đêm trăng sáng quá, anh ấy thường nói : Trăng lu tí nữa hẳn tuyệt vời hơn. Đêm nay không trăng.

* * *

Đưa Tảo ra công xong, Mận trở vào ngồi xuống bên tôi :

— Chị chưa ngủ sao còn bày đồ ra ủa ?

Tôi dừng tay, dựng chiếc bàn là trên mặt tắm mền ươn hơi nóng, ngược nhìn khuôn mặt thanh tú của Mận :

— Mận ngủ trước đi. Ủi xong, tôi còn một lô đồ phải giặt nữa.

Mận đưa tay che miệng ngáp, khẽ nhún vai :

— Đề mai không được sao chị ?

— Mai chị định xin má bằng thằng nhỏ về thăm ngoại.

Mận lật tay coi đồng hồ :

— Mới kém năm đầy mười giờ thôi à ? Em tưởng khuya lắm rồi chứ.

Tôi cúi xuống tiếp tục ủi mớ áo quần còn lại, hồ hững :

— Sao Tảo về sớm thế ?

— Anh chàng hết phép, về sửa soạn mai đi.

Mận đứng dậy bước ra hành lang, dáng uể oải :

— Nhức đầu quá, em ngủ trước nhé.

— Ừ.

Tiếng nhạc văng nhẹ từ phòng Mạn. Lát sau đèn tắt. Nhạc im bật.

Còn lại tôi với nỗi trống vắng lớn. Tôi đã quen nỗi trống vắng trong căn nhà này như quen nhìn chiếc bóng lủi thui mình in trên vách mỗi đêm.

Có lần tôi bắt chước thiếu phụ Nam Xương, chỉ chiếc bóng tôi trên vách bảo thằng nhỏ: Ba mày đó. Thằng nhỏ vươn hai bàn tay bụ bẫm chụp bắt bóng cười rộ. Trò chơi chính tôi bày ra, lại chính tôi ứa nước mắt. Tôi chẳng (có hạnh phúc) được hàm oan như thiếu phụ Nam Xương vì nhà tôi chẳng bao giờ về nữa.

Ngày rồi đêm. Vào ra, thờ dài, ngồi, nằm, đi, đứng, trần trở, ru dỗ, khóc thầm, nhớ thương, tưởng, tiếc. Tất cả chừng ấy lặp lại điều hòa cơ hồ hơi thở. Đây theo sự đòi thay mệnh mông mưa nắng bên ngoài; voi theo sự xao xác gầy mòn mộng tưởng bên trong. Tôi coi những chuỗi cười trong vạt hồn nhiên của thằng nhỏ là những vòng hoa quàng khen ngợi tài chịu đựng gan lì của tôi, mẹ nó.

Hai người đàn bà, một cô gái, một đứa trẻ và một căn nhà hơi rộng, càng rộng hơn từ ngày vắng mặt anh ấy. Bà cụ ít nói hơn ho. Mạn có riêng đời sống của cô, với bè bạn và những băng nhạc kích động đôi khi mở quá lớn làm nhức đầu bà cụ. Thằng nhỏ và tôi chiếm một căn phòng, có những cái riêng

biệt của hai mẹ con. Bà cụ thương cưng cháu nội, nhưng sức khỏe không mấy phong phú nên chỉ đùa chơi, ăm bồng cháu rất có giới hạn, thằng nhỏ phá quá bà kêu mệt.

Thỉnh thoảng Tảo tới. Với đôi vai rộng, rắn chắc, hằn như mang vào gia đình này một luồng gió mới, đời mùa. Khí hậu gia đình trầm trầm hơi thở đàn bà, trẻ con. Hẳn tới, góp thêm một hơi thở đàn ông chột đời khác. Rộn ràng hơn một tí, nóng ấm hơn một tí và, dường như căn nhà vùng thoát khỏi trạng thái lim dim thêm thiếp thường ngày. Lâu lâu hẳn lại mang quà bánh, đồ chơi cho thằng nhỏ, mắt công tôi dạy thằng nhỏ vòng tay cúi đầu nói cảm ơn. (Tới gói quà thứ năm, thằng nhỏ thuộc bài, vòng tay cúi đầu cảm ơn thật điệu, tôi khỏi cần phụ tá, đạo diễn). Hẳn có vẻ ưa đùa giỡn với thằng nhỏ. Hẳn được cảm tình bà cụ nên thỉnh thoảng về phép, ghé lại ăn cơm nói chuyện rầu hoặc dẫn Mạn đi chơi. Trông Mạn và hẳn thật xứng đôi. Dường như bà cụ tin hẳn sẽ cưới Mạn.

Ban đầu không mấy chú ý đến sự có mặt của Tảo. Nhưng sau này, có lẽ quen dần, tôi cũng vui như Mạn, như bà cụ, như thằng nhỏ mỗi lần hẳn ghé lại. Hẳn mang dáng vẻ của một người luôn luôn tỏ ra cởi mở, bất thiệp và có thể trở nên liều lĩnh bạt mạng, nếu cần. Tôi không tin óc nhận xét của mình lắm. Tuy nhiên, gần gần như thế, không hẳn lệch lạc sai lầm lắm. Tảo có lỗi nói

chuyện hài hước, châm biếm khá tinh táo, gàn gàn. Có thể tôi thích lối nói chuyện thu hút đó, nhưng không vì thế mà tôi quá lưu tâm đến hắn — cho đến một buổi trưa, cách đây hơn một tháng — tôi bắt gặp hắn nhìn tôi, khóe nhìn là lạ làm tôi bối rối cúi mặt, tới lúc chấm dứt bữa ăn hôm ấy tôi không dám nhìn lại lần nào. Khóe nhìn là lạ đó chỉ ánh lên một lần.

Không biết giữa Tảo và nhà tôi có nét tương đồng nào. Tôi nảy ý phân tách so sánh nhưng chưa rõ hẳn. Có điều nhiều lúc nhìn hắn, tôi nhớ anh ấy quá chừng. Phải chăng tôi nhớ nhà tôi qua bộ áo quần lính hắn mặc? Qua dáng đi chững chạc, mạnh mẽ? Qua mùi khói thuốc hắn hút? Tâm tính thì hai người khác hẳn nhau. Nhà tôi trầm tính, ít nói (điểm đặc biệt anh ấy giống bà cụ) và không bao giờ pha trộn chất hài hước trong những câu chuyện, dù là chuyện vãn. Nhưng liệu có phải do sự trái ngược này mà tôi cảm thấy thích thú nhìn hắn? Tảo và tôi chưa bao giờ tới mặt nhau riêng biệt. Nếu gặp riêng hắn, tôi sẽ thế nào nhỉ? Có thân nhiên như thường ngày hay lúng túng tới độ lố bịch? Thật là ngược, nếu Mận biết được những ý tưởng này.

Chưa buồn ngủ chút nào. Ngạc nhiên thấy mình ủi quá nhanh. Tôi ăn mằn xếp những bộ áo quần xinh xinh của thằng nhỏ vào ngăn tủ và, náng những chiếc áo dài của tôi lên móc cùng với chút cảm giác ngờ ngợ buồn buồn thường lệ. Nếu không làm

thì, từ ngày nhà tôi chết, tôi chưa may thêm cái áo mới nào. Trước kia, màu áo thường do anh ấy chọn. Mận luôn đề ý khích lệ vấn đề ăn diện của tôi. Thấy tôi đơn giản Mận kêu: Chị ưa làm ra vẻ mình già. May tôi giữ miệng kịp không thốt ra câu: Đâu có cô! Chưa tới lúc tôi ăn diện đó thôi. Còn tới lúc nào nữa?

Ở sở tôi làm việc có hai người đàn ông (một chưa vợ và một góa vợ) theo đuôi tán tỉnh. Kỳ cục hết sức, tôi đã tỏ thái độ gàn như là khước từ làm họ nản. Tuổi 26 chưa phải tuổi đóng băng và, tâm hồn tôi chưa già héo. Tôi sẽ bước thêm bước nữa ở một tuổi nào đó, nhưng chưa phải lúc này. Dẫu sao, tôi cũng phải chấm dứt chuỗi ngày lủi thủi bằng một đèn bù, dù rất tương đối. Bà cụ dường như linh cảm được điều đó, bà im lặng chờ đợi. Còn tôi. Tôi bình thản.

Bước thêm bước nữa để được có cảm tưởng cuộc đời không quá đối ngán. Dù bước vào tuần trăng mật thứ hai là đại đột đánh mất vĩnh viễn những gì đẹp nhất của tuần trăng thứ nhất, đầu đời. Vâng, tôi biết.

Tôi bê thau quần áo dầm bột giặt từ buổi trưa ra giếng. Không nhiều lắm, nhưng ít ra cũng mất một giờ mới thanh toán xong mớ linh kinh này để ngày mai, chủ nhật, được rảnh rang dắt thằng nhỏ về thăm bà ngoại.

Đêm mát rượi. Vườn vẫn rì rào

điều gió cũ. Bốn bề thình lạng mênh mông quá làm tôi thấy lạnh, lạc lõng dễ sợ. Những đêm nhớ nhà tôi quá, không ngủ được, tôi thường ra góc vườn khóc một mình. Bị cảm lạnh nằm liệt giường mất một tuần vì đêm giỗ đầy năm anh ấy tôi lì lợm quanh quần ngoài vườn tới sáng. Bà cụ và Mạn không hề hay biết. Sau lần bệnh đó, tôi không ra vườn ban đêm nữa.

Tôi dướn người làm vài động tác thể dục, căng rộng hai buồng phổi hít lấy làn thanh khí tuyệt vời của đêm. Đêm rạo rức chuyển mùa và, dưới làn vải lụa mỏng manh, hai đầu ngực nhọn tôi như muốn nhảy thoát thành chim bay vào sương mù. Tập bay đi Tiên. Ngày nào đó mi sẽ bay bổng như cánh diều thoát khỏi vùng mông quạnh này. Tôi bỗng khựng lại, bất động, túi thân lạ lùng. Tôi thông gàu xuống giếng mức nước. Đứng im chập nữa e tôi khóc mất.

Tôi giật thót người quay lại khi nghe tiếng chân nghiêng lao xạo trên sỏi bước từ cổng vào. Ánh đèn từ nhà bếp hắt ra giúp tôi nhận rõ kẻ vừa tới là Tảo. Tảo? Vâng, chính hần. Hần trở lại làm gì giữa lúc khuya khoắt thế này? Tôi tự hỏi không biết ai sẽ lên tiếng trước.

Hần dừng lại dưới khoảng đèn sáng, dáng điệu ngập ngừng. Tôi vừa ngạc nhiên vừa bối rối một cách kỳ cục. Tôi buột miệng:

— Gì đó Tảo?

Mắt hần rời ô cửa sáng đèn hướng

về phía tôi. Tảo cười, khuôn mặt rạng những nét hoan hỉ:

— A! Chị chưa ngủ hả? Mạn đâu rồi chị?

— Mạn kêu nhức đầu, ngủ rồi.

Hần rời khỏi vùng sáng, đến gần tôi:

— Chị làm gì đó? Giặt hả? Tôi quên cái que Zippo lui lấy, sợ mai đi sớm không ghé kịp.

Rồi như ngại tôi chưa tin lắm lý do trở lại thình lình của hần. Hần vội tiếp:

— Cái Zippo là vật kỷ niệm của một người bạn tặng, tôi cưng quý nó lắm.

Tôi đặt cái gàu lên thành giếng:

— Tôi vào thức Mạn dậy nhé.

Tảo xua tay:

— Thôi cảm ơn chị. Có lẽ đánh rơi đầu đó ngoài vườn để tôi ra kiếm.

Tôi nhìn khoảng vườn đen thẫm:

— Tối thế này làm sao tìm thấy? Tôi vào nhà lấy cây pin nhé?

— Vâng, phiền chị quá.

Tôi vào nhà. Phải mất mười lăm phút mới tìm ra cây pin thẳng hỏ chơi nghịch đá lăn dưới gầm tủ.

Tảo cầm pin, quay lưng đi ra vườn. Tôi nhìn theo, thần trí hơi mất thăng bằng vì dáng đi rần rỏi của hần làm tôi liên tưởng đến anh ấy. Và, tự đáy lòng thăm thăm, cơ hồ có

đám tro than nguội lạnh vụt khơi dậy, văng vắt rạo rức dóm lửa bàng hoàng. Tôi thềm có vầng trăng thoát hiện trên nền trời, phá bỏ cái vòng đai đêm quánh đặc chung quanh. Phút chốc, Tảo khuất sau những hàng cây. Đôi vai rộng của hắn như vừa ghé đầy mở một cánh cửa rồi, vội vàng khép chặt lại. Cánh cửa huyền hoặc bí mật của đêm thâu.

Hơn năm phút, mười phút, không thấy hắn quay vào. Không hiểu do ma lực nào dẫn dụ đến nỗi tôi không tự kiềm chế mình lại được. Như một con bệnh mộng du, tôi rời giềng rào bước ra vườn.

Ánh đèn pin lướt trên mặt cỏ rồi nom tựa những miếng trắng bay lượn la đà. Tảo khom lưng cúi húi tìm kiếm. Hắn di chuyển chậm chạp, những đường nét quen thuộc của hình hài hòa nhập thành một khối đen linh động. Tảo vụt đứng thẳng người lên lúc nghe tiếng chân tôi lại gần.

Dù giữa đêm tối, không nom rõ mặt hắn. Tôi vẫn cảm tưởng hắn đang nhìn mình bằng khoe nhìn là lạ hôm nọ. Cái nhìn vừa khuyến khích a tòng vừa lảng lơ huyền hoặc. Không chắc đúng như ý nghĩ, tôi cũng vội lảng tránh, không đối diện hắn, như kẻ yếu đuối luôn tìm cách che dấu nhược điểm của mình không chịu tỏ lộ. Tôi buông thõng ;

— Chưa tìm thấy à ?

Giọng hắn thật nhỏ, gần như thì thầm :

— Chưa, chị.

Cấp pin trên tay hắn chúc xuống đất, soi rõ khoảng cách giữa hai người, chừng một bước. Vòng ánh sáng thu hẹp tựa vầng hào quang mê hoặc.

Không dừng, tôi thấy lòng chới với bất an. Cảm giác trống vắng cơ hồ trái tim trong ngực vừa đập hụt vài nhịp. Tôi ngửi thấy đầu mũi mùi hương ngào ngạt của các loại hoa cỏ trong vườn, tôi dường bị tê liệt vì mùi hương ảo diệu ấy tiêm nhiễm vào máu ; lòng ngập tràn hối hận đã bước tới gần hắn. Đêm khuya, giữa vườn quạnh hiu tăm tối, đứng với một người đàn ông. Sau đôi mắt đăm đăm kia, hắn đang nghĩ tôi là thứ gì ? Thốt nhiên, tôi muốn bóc trần tâm trí hắn ra xem hắn nghĩ về tôi thế nào, lúc này ? Chỉ cần hắn bước tới một bước là tôi quay đầu bỏ chạy. Nhưng không, hắn vẫn đứng im cầm đó hiền từ như pho tượng đăm đăm nhìn tôi. Sao không quay chạy đi, cần gì đợi hắn bước tới bờ Tiên ? Đồ ngu ! Tôi rửa thắm tôi. Đôi chân bất động. Tôi cảm thấy mình đang dự một trò chơi nguy hiểm, đang buông thả theo đà xoáy của một ngọn gió trở cơn, chuyển mùa. Lá cỏ bên dưới, cây cối vạm vỡ chung quanh cơ hồ vừa mọc ngàn vạn cánh tay trì kéo ràng buộc không cho tôi thoát. Sợi dây sắc sắc không không giữa tôi và kẻ chết đang căng thẳng đến mức cuối cùng, sắp đứt. Tôi chới với níu giữ. Tôi muốn làm cử chỉ nào đó để thoát ra khỏi tình trạng tê cứng lạ lùng hiện

tại như vùng thoát khỏi một giấc mơ
ngắn. Tôi nghe giọng mình lạ hoắc.

— Đưa pin tôi tìm đèn cho.

Và, tôi đã đại dột (hay hân hoan?)
đưa bàn tay mình tới nắm lấy cây
pin, để rồi bị bàn tay hăn giữ cứng
lại, run rẩy thay vì kháng cự.

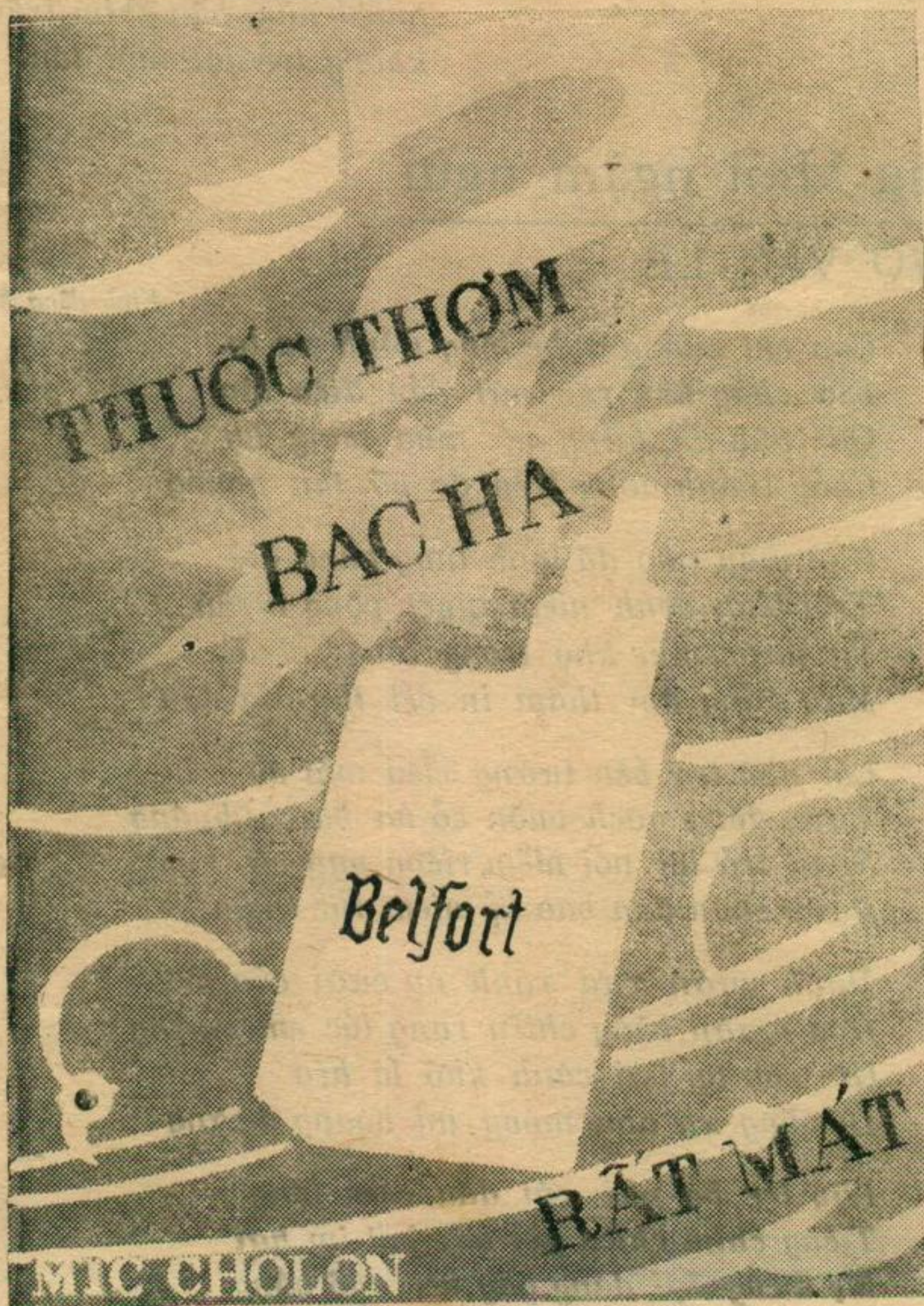
Một tiếng tác vang lên khê khàng.

Ánh đèn pin tắt ngấm.

Cảm giác sau cùng tôi còn có thể
nhận rõ là, thấy mình nhẹ nhàng
lướt tới bởi một sức hút kỳ dị, tựa
thở sắt bị hút chặt vào thanh nam
châm.

MƯỜNG - MÁN

An-Truyền số 7-72



Em theo đoàn lưu dân

Thơ LAN HUỆ EM

Em theo đoàn lưu dân
hành trang cầm tay trái
ta gởi một trái tim
theo em từ hôm ấy.

Em theo đoàn lưu dân
trên đỉnh núi mê oan
ta ngồi con mắt đỏ
khóc em lệ muôn hàng.

Em theo đoàn lưu dân
tóc xanh ngày tháng gió
ta tìm giòng nước cũ
giặt manh áo cơ hàn.

Em theo đoàn lưu dân
mười năm rồi đấy nhỉ
mười năm bầy chim trắng
không trở lại một lần.

Sương khói ngậm ngùi

Thơ VÕ VĂN-LÊ

Kính dâng Mẹ

Con cúi xuống nghe lòng mình xa lạ
Đất cháy khô rạn nứt dấu điêu tàn
Quê nhà đó, hững hờ mùa nắng hạ
Chảy thành dòng trên đồ vỡ tan hoang

Giọt máu nào đã lạnh lòng băng giá
Trời lệnh đênh niềm tuyệt vọng u sầu
Và nước mắt khô trong lòng sỏi đá
Mưa nắng âm thầm in vết thương đau !

Cột nhà trơ bên tường xiêu mái đổ
Từng đồng gạch buồn cỏ úa băng khuâng
Ngày trở lại nỗi niềm riêng vụn vỡ
Bước chân đau bao kỷ niệm thì thầm

Mảnh vườn xưa xanh nụ cười của mẹ
Hoa mướp vàng chiều rụng tóc em vương
Giờ còn lại với cành khô lá héo
Dĩ vãng xa như mộng mị hoang đường

Lũy tre bờ phờ cúi đầu cảm lặng
Tiếng chim chiều giờ bắn bật im hơi
Mẹ đứng đợi dáng gầy bên ngõ vắng
Mắt mờ phai trong sương khói ngậm ngùi !

Ta cũng nhớ

Thơ HUỲNH-KIM-SƠN

Ta cũng nhớ những giòng sông viễn xứ
Những giòng sông xanh thắm giữa quê hương
Đêm ta về ngồi yên không dám thở
Đêm ta chờ bước giặc vượt biên cương.

Ta cũng nhớ những con đường heo hút
Đường đầy chông bên đồng ruộng ngập mình
Ngày ta đi chân dò trên cỏ mục
Ngày ta qua quên mất tuổi hoa niên.

Ta cũng nhớ em buồn như dáng núi
Tóc mùa thu rối loạn những chiêm bao
Giờ tạm biệt lòng ta lưu luyến quá
Giờ chia ly em khóc lệ như sao.

Ta cũng nhớ như loài chim nhớ tổ
Hồn cô đơn tìm quán trọ trong em
Phút gần gũi ta nghe đời hoa nở
Phút nhìn em không rượu cũng say mềm.

Khi về núi hóa thân làm tên mọi
Lòng băng khuâng vọng tưởng giống da vàng
Khi khổ quá ta âm thầm không nói
Nhìn rừng sâu thêm khát thuở bình an.

Ta cúi xuống đời không thương ta nữa
Năm ba lần tan vỡ mộng trên tay
Niềm tuyệt vọng ta lao vào khói lửa
Hồn ta say ngày tháng cũ u hoài.

(Ngày theo dấu chân em)

Sách mới

Chúng tôi đã nhận được những sách sau đây do ông Lê Kim Ngân, Tiến sĩ Luật khoa, Cao học Sử, Giáo sư Đại học Vạn Hạnh và Luật khoa, là tác giả, gửi tặng.

— Công dân Giáo dục Lớp sáu bộ mới, in lần thứ ba, dày 176 trang, Giá 180đ.

— Công dân Giáo dục Lớp bảy, bộ mới, in lần 3, dày 144 trang. Giá 160đ.

— Công dân Giáo dục Lớp tám bộ mới, in lần thứ 2, dày 130 trang Giá 160đ.

— Công dân Giáo dục Lớp mười, bộ mới, in lần thứ 3 có sửa và bổ túc dày 180 trang. Giá 180đ.

— Công dân Giáo dục Lớp

mười một, bộ mới, in lần thứ 4 có sửa và bổ túc, dày 190 trang. Giá 200đ.

— Công dân Giáo dục Lớp mười hai, bộ mới, in lần thứ 3, dày trên 160 trang. Giá 200đ.

— Việt sử, Thế-giới sử, Địa-lý Việt-nam Lớp chín, có phần thực tập bản đồ, bộ mới, in lần thứ 2, dày 450 trang với nhiều hình ảnh và bản đồ. Giá 400đ.

— Việt sử, Địa-lý đại cương Lớp mười, dày 510 trang, với nhiều hình ảnh và bản đồ. Giá 560đ.

— Việt sử, Thế-giới sử, Địa-lý Việt-nam Lớp 11 A,B,C,D, dày 448 trang, với nhiều hình ảnh và bản đồ. Giá 450đ.

Các sách trên đây đều soạn theo chương trình mới. Xin trân trọng cảm ơn ông Lê Kim Ngân và xin giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.



Nhức đầu

· · · · ·

Budon

TRI:

Nhức răng nhức môi đau
lưng đau nhức lúc có
Kính Kỳ



KN-8 1211/87/1009

Đàm thoại với Linh-mục Thanh-Lãng...

(tiếp theo trang 12)

tài liệu do Đại học Văn khoa in làm tài liệu nghiên cứu cho sinh viên, để họ so sánh phương pháp viết văn học của tôi với phương pháp viết văn học của các nhà văn miền Bắc. Chúng tôi đã cho in ronéo tất cả 5 cuốn (bên bị trình ra Tòa có 4 cuốn) nội dung trình bày lịch sử văn học V.N. từ thời thượng cổ đến nửa đầu thế-kỷ XIX. (Đó là Bộ "Sơ thảo Lịch sử Văn học V.N." của Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Đồng Chi và Vũ Ngọc Phan). Có những điều đáng chú ý là :

— 5 cuốn trên đây là lịch sử văn học từ đầu cho đến giữa thế kỷ thứ XIX mà thôi, đang khi phần văn học mà bị can lấy của tôi là thuộc một thời gian rất ngắn của 13 năm giữa thế kỷ XX, tức là từ năm 1932 đến 1945. Như vậy bị can cũng như tôi có muốn lấy tài liệu của 5 cuốn kia cũng chẳng có gì để lấy được.

— 5 cuốn trên đây do chính chúng tôi, Giáo-sư Đại-học Sư-phạm và Văn-khoa Saigon tổ chức quay ronéo, phát cho sinh viên, dùng làm tài liệu nghiên cứu thêm và so sánh. Không có Giáo-sư nào ngó ngàng đã đi lấy văn ở một tài liệu, rồi lại phổ biến chính tài liệu đó cho sinh viên của mình, để họ thấy được sự đạo văn của mình bao giờ.

Tuy vậy bên bị can cũng cố chấp, trích một hai đoạn nói về những tác phẩm hay tác giả như : Quốc âm thi tập, Tô Công Phụng sứ, Bạch Viên Tôn Các, Trê Cóc, Trình Thử, Nguyễn

Công Trứ, Bà Huyện Thanh Quan. Bên bị lập bảng đối chiếu giữa cuốn « *Bản Lược đồ Văn học*, tập I của tôi (không liên quan gì đến cuốn « *Phê bình Văn học Thế hệ 1932* » mà tôi kiện họ đạo văn của tôi) với cuốn Văn-học miền Bắc, để trình bày những điểm tương đồng giữa hai tác phẩm, khi nói về *tiểu-sử của các nhà văn*, hay khi *phân tích các phần đoạn* của một tác phẩm. Sau đó bên bị kết luận là tôi cũng đã đạo văn Miền Bắc.

Nhưng các bên bị không ngờ rằng tất cả những đoạn mà họ bảo văn của tôi giống văn của miền Bắc ấy tôi đều xử dụng tài liệu của chính tôi hay của anh em giáo-sư thuộc Ban Việt-văn Saigon do tôi làm Trưởng ban. Tất cả những tác-giả hay tác phẩm tôi nói ở trên đều được trình bày hoặc trong tác phẩm *Thi văn Việt - nam* của Giáo - sư Nghiêm-Toản (là giáo-sư thuộc ban Việt của tôi) là tác phẩm in năm 1951, tức trước bộ Văn-học của Nguyễn-Đồng-Chi những 8, 9 năm, hoặc trong tác-phẩm *Văn-chương chữ Nôm* của tôi, in năm 1953, tức cũng trước bộ sách của Nguyễn-Đồng-Chi ít ra 5, 6 năm. Nếu có phải kết án, thì phải kết án ngược lại là các nhà văn Miền Bắc lấy văn của các Giáo-sư Đại-học Văn-khoa Saigon, tức lấy văn của Giáo-sư Nghiêm-Toản (thuộc ban Việt của tôi) trong cuốn « *Thi văn Việt-Nam* », hay lấy văn của tôi trong cuốn « *Văn-chương chữ Nôm* ». Nhưng lập luận cho vui vậy

thời chứ ở đây không ai lấy văn của ai cả, bởi lẽ khi nói về tiểu sử của một nhà văn, hay khi phân tích phần đoạn một tác phẩm như tác phẩm Quốc-âm thi-tập thì ai cũng phải nói như ai; ai cũng phải nói Quốc-âm thi tập có 4 phần: phần đề là Vô đề (có 192 bài thơ), phần hai đề là Thời Lệnh môn (có 21 bài), phần ba đề là Hoa mộc môn (có 32 bài), phần bốn đề là Cầm thú môn (có 7 bài). Đại khái những sự-kIỆN văn-học như vậy ai mà nói khác được. Nhưng bên bị cứ lợi dụng đề gây hỏa mù làm xúc động dư luận.

— *Linh-mục đã quan-niệm rằng đối với các sự-kIỆN văn-học-sử, các nhà biên-khảo có thể viết giống nhau, vậy tại sao ông còn đi kiện các ông Nguyễn-Tấn-Long và Phan-Canh?*

— Trong khi viết văn-học-sử, người ta có thể phân biệt 3 sự-kIỆN sau đây:

- 1) Về lý-lịch, tiểu-sử của một nhà văn, cũng như khi phân-tích về phần đoạn trong một tác-phẩm, nhất là các tác-phẩm cổ-diễn, thì thường các nhà văn-học viết có thể tương tự như nhau.

Tôi không hề kiện hai ông về những điểm này.

- 2) Đối với các tài-liệu cần trích để làm chứng, tức là trích chính-văn của các nhà văn, thì kẻ ra ai cũng có quyền làm, không ai ngăn cản ai; tuy nhiên nếu mọi đoạn trích của mình lại cũng giống y nguyên như đoạn trích của người ta mà không nói đến xuất xứ là mình mượn của người

tà thì cũng kỳ. Có thể kiện được hay không, tôi không rõ, nhưng về điểm này, dù hai ông có trích văn của các nhà văn theo sách của tôi hết, tôi cũng chẳng trách cứ bị can nữa.

- 3) Phần thứ ba là những quan-niệm văn-học là của riêng từng người, cách trình bày các phần-đoạn là của riêng từng người, cách « mise en page » là của riêng từng người, những nhận-định, những phê-phán, những tham-luận đều là của riêng từng người, rồi còn câu văn, lời văn, cách chấm câu, cách xếp đặt chữ viết v.v... tất cả những cái đó người ta gọi là « Văn », tiếng Pháp gọi là « Style », thì nó là người rồi (le style c'est l'homme), nó là của riêng từng người viết. Nhưng nếu khi viết văn mà các nhà biên-khảo có một hai câu giống nhau, hay một đoạn văn giống nhau, (điều đó ít khi xảy ra, nhưng không phải là không có) cũng chẳng ai nở bảo là đạo văn của nhau. Và chính tôi cũng không khi nào tố cáo các ông Nguyễn Tấn Long và Phan Canh đạo văn của tôi, nếu các ông chỉ lấy đôi ba câu, hay đôi ba đoạn trong sách của tôi. Hoặc giả như các ông có lấy nhiều nữa đến cả cuốn sách đã in rồi của tôi, có lẽ tôi cũng không kiện. Khốn nỗi, các ông đã lấy cuốn sách *chưa ấn loát* của tôi để in, không phải chỉ lấy tiểu-sử các nhà văn, lấy phần phân-tích phần đoạn một tác-phẩm, cũng không phải chỉ lấy các đoạn trích văn, mà các ông ấy lấy tất cả: quan-niệm, phương pháp văn-học của riêng tôi, lấy cả cách « mise en page » của bộ sách, lấy

mọi phần tham-luận, mọi nhận định, mọi phê-phán của tôi, thậm chí cả câu văn, lời văn, cách chấm câu. Lâu lâu các ông chỉ đòi thứ tự một hai đoạn, trên xuống dưới, dưới lên trên, bỏ một hai chữ, hay thêm một vài chữ. Nếu tôi không kiện ra Tòa, thì khi sách tôi in ra sau sách các ông ấy, các ông ấy sẽ có thể truy tố ngược lại là tôi đạo văn của các ông thì tôi cãi làm sao.

— Ngoài những trang sách giống nhau, có điều gì làm cho Linh mục xác tín rằng hai tác giả « Khuynh hướng Thi ca Tiền chiến » lấy văn của Linh mục, mà không phải là một sự ngẫu nhiên mà 2 bản văn trùng nhau ở nhiều trang? Và các ông ấy có thể bị tố oan thì sao?

— Điều chắc chắn hai ông ấy không bị tố oan là chính các ông ấy đã đến năn nỉ với tôi xin bỏ qua cho vụ này từ hồi năm 1970 như tôi đã nói với anh. Mặt khác, không phải những trang ở hai cuốn sách ngẫu nhiên giống nhau, vì chính họ đã lấy của tôi cả những chỗ in ronéo đúng và lấy luôn cả những lầm lỗi trong bản in ronéo nữa vì người đánh máy stencil của Ban ấn-loát sinh viên hồi đó đã đánh sai lúc đọc bản viết tay của tôi! Chẳng hạn bản của tôi, in ronéo, đã đánh máy lầm tên tác-phẩm của Phan-Khôi là CHƯƠng ĐÀM THI THOẠI (Chính ra là CHƯƠng DÂN THI THOẠI) thì cuốn sách của hai ông Nguyễn Tấn Long và Phan Canh cũng in là « Chương Đàm Thi Thoại ». Tôi viết

tay rằng : « Luật thơ cũ là trối buộc, tù hãm, đã vậy mà còn thô tục » thì lúc đánh máy đề in ronéo trở thành « Luật thơ cũ là trối buộc, là hãm đò, thô tục... » Ngoài ra bản in ronéo của tôi còn chấm câu, đánh ngoặc đơn sai, in lầm tên Ngô-Không ra Tứ-Ly v.v... thì hai ông cũng lấy luôn các sai lầm đó, thành ra trong sách của hai ông : câu tôi nói thì thành câu của Le Graucande, câu của Ngô-Không thì thành của Tứ-Ly đúng như các chỗ in sai của tôi vậy.

Như tôi đã nhắc với anh nhiều lần trong câu chuyện hôm nay là tôi kiện hai ông tác giả « Khuynh hướng Thi ca tiền chiến » chỉ mong để được Tòa xác nhận tôi là tác giả cuốn sách « Phê bình văn học, thế hệ 1932 » của tôi, và nếu trong cuốn sách của tôi có những trang giống với cuốn « Khuynh hướng Thi ca tiền chiến » thì đó là do hai tác giả cuốn này đã lấy của tôi chứ không phải tôi lấy của hai ông ấy. Tóm lại tôi kiện là để tự vệ. Còn số tiền bồi thường, nếu được kiện tôi cũng không bao giờ màng tới, vì riêng tôi không đòi hỏi ở hai ông Nguyễn Tấn Long và Phan Canh điều gì khác ngoài sự xác nhận trên đây.

BÁCH KHOA ghi lại

Chữ « sợ »

« Vụ án thành Prague » năm 1972 làm cho dư luận trong chính giới Tây-Âu xôn xao. Các đảng Cộng-sản « anh em » lại lời qua tiếng lại, xích mích nhau : Cộng đảng Pháp, Cộng đảng Nga, Cộng đảng Tiệp, mỗi bên xác nhận mỗi quan-điểm.

Trong số các nạn nhân của chính quyền Husak, người ta chú ý đến mấy sử-gia. Karel Bartosek là một giáo-sư đại-học. Vì thái độ chống lại cuộc xâm lăng của Nga, ông bị đuổi, và đi làm thợ để kiếm ăn. Tháng 1-1972, lại bị bắt, K. Bartosek tuyên bố : « Đối với một sử-gia, không có chữ sợ ».

Nhưng chữ tù thì... có. K. Bartosek bị kết án một năm án treo.

So với Milan Huebl thì án ấy quá nhẹ. M. Huebl cũng là sử-gia, bị đuổi ra khỏi đảng từ 1970, rồi cả vợ chồng đều bị mất công ăn việc làm từ đó. Rốt cuộc, vừa rồi ông bị kết án sáu năm rưỡi tù.

Chữ « tiền »

Ở Đông phương có món kiếm hiệp, ở Tây phương có món trinh thám. Đối với độc giả, đó là thứ truyện giải trí. Còn đối với tác giả, đó là một kho bạc. Nhất là trong kỷ nguyên của đại chúng hiện nay, khi mà con số quần chúng biết đọc tăng cao.

Trong kỷ nguyên vẻ vang ấy, bên ta Kim Dung hốt bạc đã đành, lại còn suýt có danh vọng : nhiều người ham suy tư đòi hành trình vào triết học Kim Dung.

Bên Tây, San-Antonio cũng hốt bạc và cũng gọi nên nhiều suy-tư như thế :

đã có những luận-án về San-Antonio.

San-Antonio, trong vòng hai mươi ba năm, đã viết được 115 tác phẩm, in ra 113 triệu 960 nghìn cuốn. Tháng chín năm nay, tác phẩm thứ 116 ra đời, nâng tổng số ấn hành lên hơn 114 triệu cuốn.

Được hỏi về bí quyết sáng tác, nhà văn ấy bảo cứ mỗi sáng ông ta cố gắng viết cho được một câu, câu đầu tiên. Thẽ rồi những câu khác cứ phăng phăng lao ra. Ông ta viết ào ào, không bao giờ kịp xem lại, chữa lại. Không bao giờ ông muốn nghe nhắc lại những gì mình đã viết ra.

TRÀNG - THIÊN

Người cầm bút trong 18 năm qua

Đó là đề tài thuyết trình của ông Phạm-Việt-Tuyền trong khóa hội thảo về Sách, nhân năm Quốc-tế Sách do Ủy-hội Quốc-gia UNESCO tổ chức tại Thư-viện Quốc gia vào những ngày 6, 7, 8 tháng 9 vừa qua.

Ông Tuyên có nêu lên 3 cái mốc : năm 1954 với cuộc chia đôi đất nước và phong trào di cư, năm 1963 với sự sụp đổ của nền đệ nhất Cộng-hòa và năm 1972 với chết chóc tang thương cùng cực và hòa bình ló rạng.

Để viết bài thuyết trình này ông đã lấy một phần không nhỏ tài liệu trong bộ báo Bách-Khoa và Tin-Sách (nguyệt san của Hội Bút-Việt cách đây mấy năm). Sau khi nêu các thành tích của giới cầm bút miền Nam trong những năm qua, ông có trình bày một số hiện tượng trong giới này :

— Hiện tượng liên quan tới cá nhân: người viết ăn khách.

— Hiện tượng liên quan tới từng nhóm: các nhóm Sáng Tạo, Quan Điểm, Trình Bày, Quỳnh Dao v.v...

— Hiện tượng liên quan tới giới âm bút nói chung: tái bản sách tiên chiến, kỷ niệm các nhà văn, thơ quá cố, khai thác tính dục, sản xuất sách nhi đồng nhằm nhí, chẳng kiểm duyệt, mở nhà xuất bản v.v...

Sau cùng ông hướng về các nhà hữu trách trong chính quyền và đề nghị: Bãi bỏ chế độ kiểm duyệt, kế-hoạch-hóa

công việc sản xuất sách và công việc phổ biến sách.

Bản thuyết trình dày 22 trang đánh máy, Bách-Khoa sẽ trích đăng trong kỳ tới.

THU - THỦY

BÁCH KHOA

đóng tập

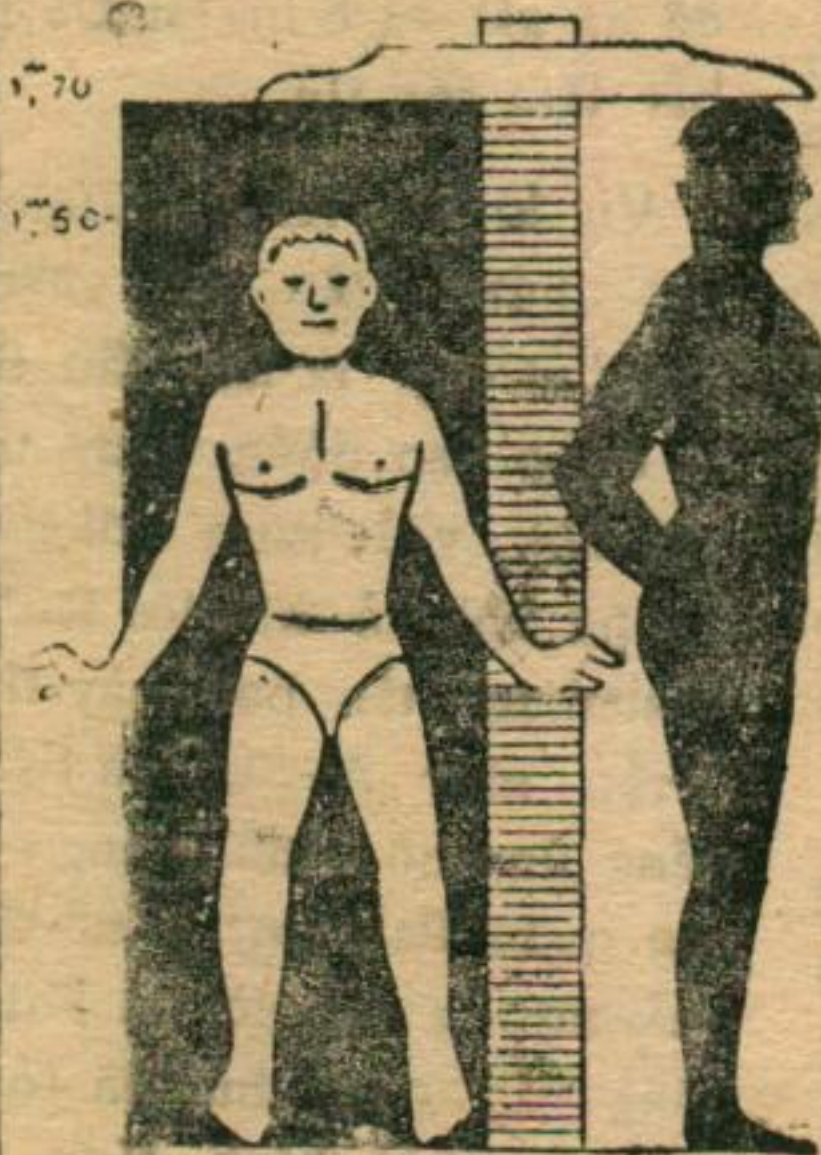
Đã có: bộ Bách-Khoa từ 1957 đến 1971 gồm 44 tập (thiếu các 1, 9, 12, 28, 64, 70, 81, 88, 92, 95).

Giá 23.000đ.

Hỏi tại Tòa soạn Bách-Khoa

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CỨNG XƯƠNG.
MẠNH KHỎE.
NGƯỜI LỚN
CỨNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHÔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

Thời sự thế giới

● TỪ MINH

Trong những tuần vừa qua thời-sự thế-giới đã hết sức sôi động với nhiều sự-kiện đã xảy ra. Trước hết là cuộc khủng bố tại làng Thế vận Munich.

Sua đó người ta cũng không kém chú ý tới những hoạt động ngoại giao của ông Nixon trong khuôn khổ cuộc vận động bầu cử Tổng-Thống.

Tin quan trọng nữa là cuộc hội đàm giữa các hội Hồng-thập-tự Nam và Bắc Hàn tại Hán-Thành.

Sau hết là vấn đề gia nhập Liên-Hiệp-Quốc của Tân-quốc-gia Bangla Desh.

Khủng-bố tại làng Thế-vận Munich

Sáng ngày thứ ba 5-9-1972 trong khi Thế-vận-hội Munich đang tiếp tục với các cuộc tranh tài thế giới trong tình-thân-hữu quốc-tế thì một đoàn quân khủng-bố Palestine thuộc tổ chức "Thánh Chín Đen" đã đột nhập vào khu cư-ngụ của phái-đoàn Do-thái hạ sát 2 lực-sĩ tại chỗ và bắt giữ 8 người khác làm con tin. Phe khủng-bố Palestine ra điều-kiện là sẽ chỉ thả 8 con tin này nếu chính phủ Do-thái thả 200 tù binh Palestine hiện đang bị bắt giữ.

Chính-phủ Tây Đức cố gắng thương thuyết với quân khủng bố để lấy lại các lực-sĩ Do-thái bị bắt cóc. Các yếu nhân Đức tình-nguyên thay thế các con tin và đề nghị chuộc lại những người này với bất cứ một giá tiền nào. Tuy nhiên phe

khủng-bố vẫn nhất định từ chối vì họ cho rằng hành động của họ có tính cách chính-trị nhằm phục vụ những người Ả-rập gốc Palestine chứ không cần tiền bạc. Nội-các Do-thái đã triệu tập một phiên họp khẩn cấp để thảo luận về lời đòi hỏi của phe khủng-bố. Sau cùng Nội-các Do-Thái quyết định từ chối lời đòi hỏi này.

Sau quyết-định của chính-phủ Tel Aviv cương quyết không thả 200 tù binh Palestine, chính-phủ Tây Đức chỉ còn cách là tìm cách giải thoát các con tin Do-thái. Tây Đức đã lập mưu đưa 3 chiếc trực-thăng đến chỗ quân khủng bố và các con tin theo như họ đòi hỏi. Và đồng thời đưa những tay thiện-xạ của cảnh-sát Đức đến mai phục ở chung quanh. Âm mưu này bại lộ, quân khủng bố đã hạ sát cả 8 lực-sĩ Do-thái, bị họ bắt làm con tin.

Vụ khủng bố ở Munich đã làm dân chúng trên thế giới rất xúc động vì đây là lần đầu tiên người ta dùng bạo động ngay trong Thế-vận-hội với mục đích chính-trị. Trong khi cả thế-giới lên án những hoạt-động tàn bạo này thì các xứ Ả-rập như Ai-cập và Syrie đã lên tiếng ủng-hộ hành động "can đảm" của quân Palestine. Thế-vận-hội đã phải ngưng 24 giờ và khi tái hoạt-động các đấu thủ đã tỏ ra hoang mang và mất bình tĩnh trong các cuộc tranh tài.

Phái đoàn Do-thái đã rút khỏi

Thế-vận-hội đề đưa thi-hải ro lực-sĩ của họ về nước. Sau khi tổ-chức quốc-táng long trọng, từng đoàn phi-cơ Do-Thái đã ào ạt tấn-công các căn-cứ quân Palestine tại hai nước Syrie và Liban kế cận, và đồng thời hải lực quân Do-Thái cũng được lệnh tấn công các tiền đồn và tàu bè hai nước này để trả đũa.

Thế-vận-hội Munich 1972 lần đầu tiên đã đi ngược lại tình đoàn-kết quốc-tế ngay trong ngành thể thao.

Các hoạt-động ngoại-giao nhằm vận-động bầu cử của ông Nixon.

Một lợi điểm của các đương kim Tổng-Thống là vận-động bầu-cử mà vẫn có vẻ là phục-vụ quốc-gia. Ông Richard Nixon đã triệt-đề khai thác lợi điểm này.

Vì vậy mà trong hai ngày 30 và 31 vừa qua, ông đã sang Honolulu để gặp tân Thủ-tướng Nhật Tanaka. Ngoài những khó khăn kinh-tế tài-chánh giữa hai nước, mối ưu-tư thứ nhất của Tổng-Thống Hoa-kỳ là sự xích lại giữa Nhật và Trung-Cộng. Năm 1969, khi hội-kiến với ông Sato, ông Nixon đã buộc Nhật phải coi vấn đề Đài-loan là một vấn-đề quan-trọng trong chiến-lược của các nước tự do tại Đông-Nam-Á. Nhưng khi ông Tanaka lên thay thế ông Sato, ông không còn có chính sách thân Mỹ như ông Sato nữa nên ông Nixon muốn thuyết-phục Nhật phải giúp Mỹ trong các bồn phận đối với Đài-loan. Vì ông Tanaka cũng cần Mỹ nên tuy muốn thiết-lập ngoại-dao với

Bắc-kinh ông Tanaka cũng chấp thuận duy trì giao-thương với Đài-loan. Ngoài ra ông cũng cam đoan với ông Nixon là chính-sách của Nhật đối với Trung-Cộng vẫn nằm trong khuôn khổ của thế-giới tự-do. Vì vậy cuộc họp thượng - đỉnh Honolulu đã là một thành công mới của ông Nixon.

Vừa về tới Hoa-thịnh-đốn ông Nixon đã ra lệnh cho cố-vấn Kissinger sang Mạc-tư-Khoa vào ngày 11-9 để dàn xếp với các lãnh-tụ Điện Cầm-linh về vấn-đề hòa-bình ở Việt-Nam. Sau khi Bắc-Việt thả 3 tù binh Mỹ, ông Nixon vẫn chưa thấy Hà-nội có thái độ mềm dẻo hơn. Gửi ông Kissinger sang Mạc-tư-khoa có lẽ ông Nixon muốn đi tới một sự dàn xếp nào đó trước ngày bầu cử ở Hoa-kỳ vào đầu tháng 11 tới. Tuy chưa biết sứ mạng của ông Kissinger sẽ đi tới đâu nhưng cả Nga và Trung-Cộng đã vội vàng tố cáo lẫn nhau là nguy hiểm và cảnh cáo Mỹ là đừng có quá tin cậy vào "người anh em" cộng sản của mình.

Các hoạt-động ngoại-giao của ông Nixon lại một phen nữa gây xáo-trộn trong hàng-ngũ Dân-chủ, nhất là lúc ông McGovern và cố-vấn ngoại-giao của ông là Abram Chayes có những lập-trường gây ngổ trước vấn-đề Á-châu, như là sẽ rút hết khỏi cả Đông-Dương và Thái-Lan nếu Bắc-Việt yêu-cầu... Nếu chính-sách đối-ngoại càng ngày càng là nhược-diểm của ứng-cử-viên Dân-chủ thì nó lại là ưu-diểm của ứng-cử-viên Cộng-hòa.

Hội-đàm giữa hai hội Hồng-thập-tự Bắc và Nam Hàn.

Một phái-đoàn của Hội Hồng-thập-tự Nam-Hàn do ông Lee Bum Suk, một nhà ngoại-giao hồi-hưu, cầm đầu đã tới Bình-nhưỡng để chính-thức thảo-luận với Hội Hồng-thập-tự Bắc Hàn về các vấn-đề định-cư của các gia-đình bị chia-rẽ, trao đổi thư từ viếng thăm, và "các vấn-đề khác".

Tuy mục đích chính của cuộc hội đàm này chỉ nhằm mục đích xã-hội nhưng 47 triệu dân Triều-Tiên đã tỏ ra hy-vọng rất nhiều. Tại Hán-thành khi phái đoàn Nam-Hàn ra đi, dân chúng Nam-Hàn đã hoan hô nhiệt liệt. Tổng-Thống Phác-Chánh-Hy đã hủy bỏ một buổi lễ đề ngời nhà xem vô-tuyến truyền-hình lúc phái đoàn Nam-Hàn vượt vĩ-tuyến thứ 38 để sang Bắc-Cao.

Tuy trong khuôn khổ hòa dịu quốc-tế hiện tại một cuộc hội-đàm này có thể thực hiện được thì người ta vẫn thấy rằng con đường đi tới thống-nhất lãnh-thò hãy còn dài và có nhiều trở ngại khó vượt qua. Việc đầu tiên của các hội Hồng-thập-tự Hàn-quốc là làm dịu bớt những hận thù giữa hai bên vĩ-tuyến do một cuộc chiến-tranh với 4 triệu người thiệt mạng gây nên.

Bangla Desh trước ngưỡng cửa Liên-Hiệp-Quốc

Sau 8 tháng lập quốc, Bangla Desh đã ra mắt thế-giới với đơn xin gia nhập Liên-Hiệp-Quốc dưới sự bảo trợ của Ấn-Độ. Nhưng nếu Bangla

Desh muốn góp mặt với thế-giới qua qui-chế hội-viên Liên-Hiệp-Quốc thì Trung-Cộng lại muốn ra mắt thế-giới với tư cách của một đại cường. Thật vậy, khi vấn-đề được đưa ra trước Hội-đồng Bảo-an, Trung-Cộng đã dùng quyền phủ quyết để chống không cho Bangla Desh gia nhập.

Từ khi Hội-đồng Bảo-an được tạo lập tới nay, Trung-quốc với địa-vị của một hội viên thường-trực không bao giờ dùng quyền phủ-quyết. Khi Bắc-kinh chiếm được địa-vị này, Trung-quốc lần đầu tiên đã dùng quyền phủ-quyết để ngăn chặn một dân-tộc vừa vùng dậy thuộc Á-châu và cũng là láng giềng của Trung-Cộng.

Thái độ này đã bị nhiều người chỉ trích. Người ta tự hỏi tại sao một quốc-gia từ trước chủ trương chống đế-quốc và ủng-hộ các cuộc giải-phóng dân-tộc mà lại đi ngược lại đường lối của chính mình bằng cách chèn ép một nước nhỏ muốn tự-do hầu làm đẹp lòng một nước Hồi-quốc độc-tài!

TỪ MINH

Sách mới

— Nietzsche cuộc đời và triết lý nguyên tác: *Nietzsche của Felicien Challaye*, Mạnh Tường dịch, Cadao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 236 trang, in lần thứ 2. Giá 300đ.

— Tuổi trẻ và cô đơn nguyên tác *Peter Camenzind của Herman Hesse*, bản dịch của Vũ Đình Lưu, do Cadao xuất bản và gửi tặng. Sách dày 196 trang, in lần thứ 3. Giá 250đ.